

Số: 2052/QĐ-QLDT

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu
(lựa chọn nhà thầu) kỳ 01

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ ĐẤU THẦU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 15 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2024/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và thi, cấp, thu hồi chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố các Thông tư tiếp tục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 90/2025/QH15 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1964/QĐ-QLDT ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu về việc công nhận kết quả thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01 cho các Ông/Bà có tên nêu tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

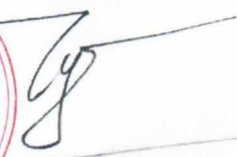
Điều 2. Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Hệ thống quản lý cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà có tên nêu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, Hội đồng thi nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu (lựa chọn nhà thầu) kỳ 01, Trung tâm Hỗ trợ đấu thầu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, HTĐT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG


Đương Huy Hoàng

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU TẠI HÀ NỘI
KỲ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ THẦU) SỐ 01
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2052/QĐ-QLĐT ngày 23..tháng..9..năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý đầu thầu)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
1	01HN0001	Trần Hà An	16/01/2000	*****1833	Xuất sắc	NT01.14.3541
2	01HN0002	Lương Thái An	01/02/1992	*****5825	Giỏi	NT01.14.3542
3	01HN0003	Trần Thị An	09/07/1965	*****9384	Xuất sắc	NT01.14.3543
4	01HN0004	Nguyễn Văn An	26/01/1982	*****6670	Xuất sắc	NT01.14.3544
5	01HN0005	Đinh Quốc Ân	27/09/1978	*****3928	Xuất sắc	NT01.14.3545
6	01HN0006	Nguyễn Diệp Anh	16/02/1989	*****0685	Xuất sắc	NT01.14.3546
7	01HN0007	Bùi Đức Anh	04/10/2004	*****8781	Xuất sắc	NT01.14.3547
8	01HN0008	Nguyễn Đức Anh	08/01/1985	*****0015	Xuất sắc	NT01.14.3548
9	01HN0009	Trần Đức Anh	04/07/1994	*****0759	Giỏi	NT01.14.3549
10	01HN0010	Nguyễn Hải Anh	25/10/1990	*****1514	Xuất sắc	NT01.14.3550
11	01HN0011	Nguyễn Hoàng Anh	14/01/1979	*****5511	Xuất sắc	NT01.14.3551
12	01HN0012	Trần Hoàng Anh	24/04/1998	*****7488	Giỏi	NT01.14.3552
13	01HN0013	Nguyễn Thị Lan Anh	21/05/2002	*****9175	Xuất sắc	NT01.14.3553
14	01HN0014	Lê Thị Mai Anh	18/03/1999	*****1519	Xuất sắc	NT01.14.3554
15	01HN0015	Phạm Thị Minh Anh	14/09/1998	*****7082	Xuất sắc	NT01.14.3555
16	01HN0016	Cao Ngọc Anh	16/09/1999	*****3551	Xuất sắc	NT01.14.3556
17	01HN0017	Đỗ Ngọc Anh	13/06/2003	*****2109	Xuất sắc	NT01.14.3557
18	01HN0018	Nguyễn Ngọc Anh	11/09/2000	*****3986	Xuất sắc	NT01.14.3558
19	01HN0019	Nguyễn Bùi Ngọc Anh	14/04/2000	*****5332	Xuất sắc	NT01.14.3559
20	01HN0020	Trần Ngọc Anh	15/08/2003	*****2313	Xuất sắc	NT01.14.3560

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
21	01HN0021	Nguyễn Ngô Phương Anh	06/09/2000	*****0056	Trung bình	NT01.14.3561
22	01HN0022	Trần Quang Anh	14/09/1993	*****0470	Xuất sắc	NT01.14.3562
23	01HN0023	Đỗ Thế Anh	14/09/1980	*****3909	Khá	NT01.14.3563
24	01HN0025	Nguyen Thi Anh	03/12/1983	*****3300	Xuất sắc	NT01.14.3564
25	01HN0027	Nguyễn Trường Anh	02/08/1994	*****6164	Xuất sắc	NT01.14.3565
26	01HN0029	Nguyễn Tú Anh	19/04/2001	*****5755	Xuất sắc	NT01.14.3566
27	01HN0030	Vũ Tú Anh	06/11/1999	*****4982	Xuất sắc	NT01.14.3567
28	01HN0031	Đỗ Tuấn Anh	01/07/1994	*****9458	Xuất sắc	NT01.14.3568
29	01HN0032	Lê Tuấn Anh	21/06/1977	*****3280	Xuất sắc	NT01.14.3569
30	01HN0033	Nghiêm Minh Tuấn Anh	20/09/1987	*****7046	Xuất sắc	NT01.14.3570
31	01HN0034	Nguyễn Tuấn Anh	08/03/1999	*****0733	Khá	NT01.14.3571
32	01HN0035	Nguyễn Tá Tuấn Anh	03/09/1984	*****1068	Khá	NT01.14.3572
33	01HN0036	Trần Tuấn Anh	03/10/1994	*****1552	Xuất sắc	NT01.14.3573
34	01HN0037	Vũ Tuấn Anh	02/09/1992	*****2928	Giỏi	NT01.14.3574
35	01HN0038	Nguyễn Tuyết Anh	30/03/1984	*****7627	Xuất sắc	NT01.14.3575
36	01HN0039	Nguyễn Việt Anh	17/08/1991	*****0895	Xuất sắc	NT01.14.3576
37	01HN0040	Bùi Vũ Anh	20/11/1978	*****4037	Xuất sắc	NT01.14.3577
38	01HN0041	Lê Huy Ánh	06/03/1988	*****8855	Xuất sắc	NT01.14.3578
39	01HN0043	Đoàn Thị Ngọc Ánh	17/10/1992	*****9108	Xuất sắc	NT01.14.3579
40	01HN0044	Vũ Thị Nguyệt Ánh	09/09/1989	*****5565	Giỏi	NT01.14.3580
41	01HN0045	Đặng Thị Ánh	02/11/1981	*****0943	Xuất sắc	NT01.14.3581
42	01HN0046	Nguyễn Thị Ánh	04/10/1995	*****6010	Xuất sắc	NT01.14.3582
43	01HN0047	Nguyễn Xuân Bách	20/05/1989	*****2404	Giỏi	NT01.14.3583

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
44	01HN0048	Ngô Hà Bắc	06/08/1986	*****6807	Xuất sắc	NT01.14.3584
45	01HN0049	Nguyễn Hữu Bắc	01/03/1989	*****1795	Xuất sắc	NT01.14.3585
46	01HN0050	Nguyễn Văn Bắc	18/03/1980	*****7258	Xuất sắc	NT01.14.3586
47	01HN0051	Vũ Chấn Bang	20/09/1982	*****4642	Khá	NT01.14.3587
48	01HN0052	Bùi Đức Bằng	21/07/1985	*****5313	Xuất sắc	NT01.14.3588
49	01HN0053	Nguyễn Chí Bằng	08/08/1983	*****0491	Xuất sắc	NT01.14.3589
50	01HN0054	Lại Duy Bằng	18/07/1997	*****1362	Xuất sắc	NT01.14.3590
51	01HN0055	Trần Hữu Bằng	17/05/1992	*****4857	Xuất sắc	NT01.14.3591
52	01HN0056	Vũ Hoàng Bảo	17/07/1990	*****1113	Xuất sắc	NT01.14.3592
53	01HN0057	Đặng Thị Bảy	07/04/1997	*****0082	Xuất sắc	NT01.14.3593
54	01HN0058	Nguyễn Thị Ngọc Bích	31/10/1994	*****8971	Xuất sắc	NT01.14.3594
55	01HN0059	Vũ Văn Biên	10/11/1982	*****6565	Xuất sắc	NT01.14.3595
56	01HN0060	Khúc Thị An Bình	06/01/1974	*****0495	Khá	NT01.14.3596
57	01HN0061	Bùi Quang Bình	16/04/1980	*****1630	Giỏi	NT01.14.3597
58	01HN0062	Lê Thị Thanh Bình	22/08/1999	*****2886	Xuất sắc	NT01.14.3598
59	01HN0063	Nguyễn Thanh Bình	14/04/1990	*****0953	Xuất sắc	NT01.14.3599
60	01HN0064	Nguyễn Thanh Bình	16/07/1976	*****9670	Xuất sắc	NT01.14.3600
61	01HN0065	Trần Thanh Bình	15/09/1998	*****9795	Xuất sắc	NT01.14.3601
62	01HN0066	Trần Thị Thanh Bình	25/12/1985	*****0212	Xuất sắc	NT01.14.3602
63	01HN0067	Nguyễn Thị Bình	07/06/1999	*****4542	Xuất sắc	NT01.14.3603
64	01HN0068	Nguyễn Thị Bình	02/03/1986	*****0696	Giỏi	NT01.14.3604
65	01HN0069	Trần Thị Bình	20/05/1979	*****0547	Giỏi	NT01.14.3605
66	01HN0070	Nguyễn Văn Bình	04/02/1979	*****2291	Xuất sắc	NT01.14.3606
67	01HN0071	Bùi An Cảnh	11/02/1990	*****5709	Xuất sắc	NT01.14.3607

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
68	01HN0072	Nguyễn Đức Cảnh	30/04/1990	*****8363	Giỏi	NT01.14.3608
69	01HN0074	Dương Thanh Cảnh	05/09/1982	*****6891	Xuất sắc	NT01.14.3609
70	01HN0075	Tô Châu	01/09/1975	*****0847	Xuất sắc	NT01.14.3610
71	01HN0076	Nguyễn Thị Diễm Chi	28/08/1980	*****4232	Xuất sắc	NT01.14.3611
72	01HN0077	Đàm Hồng Chi	30/03/1983	*****0334	Xuất sắc	NT01.14.3612
73	01HN0078	Vũ Thị Linh Chi	26/04/1997	*****8091	Xuất sắc	NT01.14.3613
74	01HN0079	Nguyễn Mai Chi	06/01/1994	*****2684	Xuất sắc	NT01.14.3614
75	01HN0080	Đỗ Thị Quỳnh Chi	20/08/1985	*****1139	Giỏi	NT01.14.3615
76	01HN0081	Nguyễn Anh Chiến	30/08/1972	*****1079	Xuất sắc	NT01.14.3616
77	01HN0082	Trịnh Duy Chiến	10/08/2002	*****3418	Giỏi	NT01.14.3617
78	01HN0083	Đoàn Mạnh Chiến	24/04/1982	*****3809	Xuất sắc	NT01.14.3618
79	01HN0084	Đinh Văn Chiến	15/08/2000	*****9471	Xuất sắc	NT01.14.3619
80	01HN0085	Nguyễn Đình Chinh	03/08/1979	*****0001	Trung bình	NT01.14.3620
81	01HN0086	Triệu Thị Thuý Chinh	17/08/1987	*****2110	Xuất sắc	NT01.14.3621
82	01HN0087	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	31/10/1991	*****5434	Xuất sắc	NT01.14.3622
83	01HN0088	Phạm Xuân Chính	07/03/1984	*****5120	Xuất sắc	NT01.14.3623
84	01HN0089	Nguyễn Thị Thanh Chúc	03/11/2002	*****2383	Xuất sắc	NT01.14.3624
85	01HN0090	Hoàng Đức Chung	24/09/1991	*****0142	Xuất sắc	NT01.14.3625
86	01HN0091	Vũ Minh Chung	01/12/1986	*****3289	Khá	NT01.14.3626
87	01HN0092	Nguyễn Thị Thủy Chung	21/11/1987	*****0830	Xuất sắc	NT01.14.3627
88	01HN0093	Hoàng Văn Chương	10/09/1993	*****0495	Xuất sắc	NT01.14.3628
89	01HN0094	Vũ Chí Công	29/10/1984	*****4517	Khá	NT01.14.3629
90	01HN0095	Cán Thành Công	25/08/1984	*****7657	Xuất sắc	NT01.14.3630
91	01HN0096	Nguyễn Thành Công	28/06/1985	*****5355	Xuất sắc	NT01.14.3631

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
92	01HN0097	Nguyễn Thành Công	06/02/1996	*****6721	Giỏi	NT01.14.3632
93	01HN0098	Phạm Thành Công	15/01/1979	*****1757	Xuất sắc	NT01.14.3633
94	01HN0099	Hoàng Văn Công	21/12/1984	*****9142	Xuất sắc	NT01.14.3634
95	01HN0100	Dương Xuân Công	24/10/1999	*****1343	Giỏi	NT01.14.3635
96	01HN0101	Nguyễn Văn Cung	05/02/1981	*****1328	Xuất sắc	NT01.14.3636
97	01HN0102	Đỗ Đức Cường	05/03/1990	*****4005	Xuất sắc	NT01.14.3637
98	01HN0103	Mai Hùng Cường	11/11/1986	*****9949	Xuất sắc	NT01.14.3638
99	01HN0104	Ngô Hùng Cường	08/05/1986	*****2848	Giỏi	NT01.14.3639
100	01HN0105	Lại Huy Cường	27/08/1983	*****4429	Giỏi	NT01.14.3640
101	01HN0106	Nguyễn Huy Cường	10/04/1983	*****4817	Khá	NT01.14.3641
102	01HN0107	Nguyễn Mạnh Cường	19/11/1980	*****5442	Giỏi	NT01.14.3642
103	01HN0108	Nguyễn Mạnh Cường	19/03/1983	*****3330	Xuất sắc	NT01.14.3643
104	01HN0109	Nguyễn Mạnh Cường	19/11/1980	*****0188	Xuất sắc	NT01.14.3644
105	01HN0110	Trần Mạnh Cường	09/01/1995	*****4827	Xuất sắc	NT01.14.3645
106	01HN0111	Phạm Ngọc Cường	09/07/1985	*****9580	Giỏi	NT01.14.3646
107	01HN0112	Trần Ngọc Cường	15/09/1977	*****0499	Xuất sắc	NT01.14.3647
108	01HN0113	Trần Cường	08/08/1984	*****1006	Khá	NT01.14.3648
109	01HN0114	Hoàng Văn Cường	26/03/1979	*****2843	Xuất sắc	NT01.14.3649
110	01HN0115	Nguyễn Văn Cường	08/06/1990	*****0309	Xuất sắc	NT01.14.3650
111	01HN0116	Hà Việt Cường	04/02/1983	*****1182	Xuất sắc	NT01.14.3651
112	01HN0117	Nguyễn Việt Cường	30/10/1990	*****4971	Xuất sắc	NT01.14.3652
113	01HN0118	Nguyễn Trọng Đại	25/07/1989	*****8300	Xuất sắc	NT01.14.3653
114	01HN0119	Đinh Văn Đại	20/06/1977	*****6671	Giỏi	NT01.14.3654
115	01HN0120	Nguyễn Văn Đạm	08/08/1993	*****2137	Xuất sắc	NT01.14.3655

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
116	01HN0121	Lê Hồng Dân	13/12/1984	*****3893	Xuất sắc	NT01.14.3656
117	01HN0122	Trịnh Văn Đản	22/08/1991	*****0380	Xuất sắc	NT01.14.3657
118	01HN0123	Đỗ Hải Đăng	08/05/1989	*****8302	Xuất sắc	NT01.14.3658
119	01HN0125	Trần Quang Đạo	06/11/1978	*****0035	Xuất sắc	NT01.14.3659
120	01HN0126	Phan Thành Đạt	30/12/1989	*****6869	Giỏi	NT01.14.3660
121	01HN0127	Vũ Thành Đạt	17/05/1996	*****2807	Xuất sắc	NT01.14.3661
122	01HN0128	Đỗ Tiến Đạt	01/12/1995	*****2462	Giỏi	NT01.14.3662
123	01HN0129	Nguyễn Tiến Đạt	19/06/1990	*****1395	Giỏi	NT01.14.3663
124	01HN0130	Lương Xuân Đạt	19/09/1992	*****3830	Xuất sắc	NT01.14.3664
125	01HN0131	Dương Kim Diên	29/03/1980	*****3628	Xuất sắc	NT01.14.3665
126	01HN0132	Trần Văn Diễn	04/02/1978	*****1983	Xuất sắc	NT01.14.3666
127	01HN0133	Nguyễn Thiên Diên	06/03/1991	*****1263	Xuất sắc	NT01.14.3667
128	01HN0134	Trịnh Bích Diệp	14/09/1978	*****2455	Xuất sắc	NT01.14.3668
129	01HN0135	Ma Thị Hương Diệp	16/01/1993	*****4730	Xuất sắc	NT01.14.3669
130	01HN0136	Trần Văn Diệp	01/01/1983	*****0068	Xuất sắc	NT01.14.3670
131	01HN0137	Đỗ Văn Diệp	06/01/1984	*****1073	Xuất sắc	NT01.14.3671
132	01HN0138	Trương Văn Diệp	26/11/1985	*****0976	Xuất sắc	NT01.14.3672
133	01HN0139	Nguyễn Văn Diệu	02/08/1986	*****4982	Giỏi	NT01.14.3673
134	01HN0140	Lưu Thị Đình	27/06/1991	*****2291	Xuất sắc	NT01.14.3674
135	01HN0141	Đàm Đức Đô	26/02/1988	*****2554	Xuất sắc	NT01.14.3675
136	01HN0142	Lê Xuân Độ	12/04/1987	*****3019	Xuất sắc	NT01.14.3676
137	01HN0143	Nguyễn Văn Đoái	20/04/1982	*****4104	Xuất sắc	NT01.14.3677
138	01HN0144	Vũ Thị Doan	23/09/1990	*****4554	Xuất sắc	NT01.14.3678
139	01HN0145	Trần Khánh Đoàn	06/07/1968	*****1689	Xuất sắc	NT01.14.3679

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
140	01HN0146	Bùi Quốc Đoàn	15/10/1976	*****2912	Xuất sắc	NT01.14.3680
141	01HN0147	Trương Hữu Đông	22/04/1982	*****3174	Xuất sắc	NT01.14.3681
142	01HN0148	Nguyễn Việt Đông	19/04/1981	*****9302	Xuất sắc	NT01.14.3682
143	01HN0149	Nguyễn Anh Đức	21/08/1985	*****0016	Xuất sắc	NT01.14.3683
144	01HN0150	Nguyễn Bảo Đức	23/07/1999	*****0823	Xuất sắc	NT01.14.3684
145	01HN0151	Hoàng Đình Đức	01/10/1985	*****2482	Xuất sắc	NT01.14.3685
146	01HN0152	Phạm Hồng Đức	11/03/1990	*****1222	Xuất sắc	NT01.14.3686
147	01HN0153	Đặng Thị Minh Đức	13/04/1983	*****7800	Xuất sắc	NT01.14.3687
148	01HN0154	Nguyễn Minh Đức	30/11/1990	*****3717	Giỏi	NT01.14.3688
149	01HN0155	Nguyễn Minh Đức	04/05/1984	*****0914	Xuất sắc	NT01.14.3689
150	01HN0156	Nguyễn Minh Đức	08/07/1987	*****2679	Xuất sắc	NT01.14.3690
151	01HN0157	Trần Minh Đức	28/07/1972	*****4297	Xuất sắc	NT01.14.3691
152	01HN0158	Vũ Minh Đức	20/10/1989	*****5861	Xuất sắc	NT01.14.3692
153	01HN0159	Bùi Ngọc Đức	01/12/1983	*****2456	Xuất sắc	NT01.14.3693
154	01HN0160	Phạm Nhật Đức	26/10/1996	*****0498	Xuất sắc	NT01.14.3694
155	01HN0161	Bê Trung Đức	31/12/1992	*****1734	Xuất sắc	NT01.14.3695
156	01HN0162	Đặng Tuấn Đức	14/10/2001	*****1380	Xuất sắc	NT01.14.3696
157	01HN0163	Lê Thị Hải Dung	16/10/1980	*****9202	Xuất sắc	NT01.14.3697
158	01HN0164	Đinh Phương Dung	18/12/1989	*****3700	Xuất sắc	NT01.14.3698
159	01HN0165	Lê Thị Dung	16/12/1983	*****2666	Xuất sắc	NT01.14.3699
160	01HN0166	Phạm Anh Dũng	23/09/1998	*****2679	Giỏi	NT01.14.3700
161	01HN0167	Lương Minh Dũng	01/12/2001	*****6238	Xuất sắc	NT01.14.3701
162	01HN0168	Lê Quang Dũng	29/10/1976	*****5353	Xuất sắc	NT01.14.3702
163	01HN0169	Trương Quang Dũng	06/06/1979	*****4827	Xuất sắc	NT01.14.3703

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
164	01HN0170	Bùi Quốc Dũng	07/08/1996	*****3758	Xuất sắc	NT01.14.3704
165	01HN0171	Vũ Quốc Dũng	19/06/1988	*****9159	Giỏi	NT01.14.3705
166	01HN0172	Vũ Thế Dũng	28/03/1981	*****6509	Xuất sắc	NT01.14.3706
167	01HN0173	Lại Tiến Dũng	03/10/1989	*****5433	Xuất sắc	NT01.14.3707
168	01HN0175	Phan Tiến Dũng	02/01/2000	*****5169	Khá	NT01.14.3708
169	01HN0177	Điền Văn Dũng	14/05/1982	*****0131	Giỏi	NT01.14.3709
170	01HN0178	Nguyễn Văn Dũng	22/01/1982	*****8454	Xuất sắc	NT01.14.3710
171	01HN0179	Nguyễn Văn Dũng	13/01/1987	*****4258	Giỏi	NT01.14.3711
172	01HN0180	Tô Văn Dũng	09/10/1980	*****6967	Xuất sắc	NT01.14.3712
173	01HN0181	Nguyễn Việt Dũng	29/03/1988	*****2736	Xuất sắc	NT01.14.3713
174	01HN0182	Ngô Đại Dương	01/11/1994	*****7939	Xuất sắc	NT01.14.3714
175	01HN0183	Hoàng Đình Dương	10/03/1984	*****0308	Giỏi	NT01.14.3715
176	01HN0184	Lê Minh Dương	25/11/2001	*****3444	Xuất sắc	NT01.14.3716
177	01HN0185	Nguyễn Thị Dương	24/03/2001	*****2410	Xuất sắc	NT01.14.3717
178	01HN0186	Đào Thuỳ Dương	26/05/1983	*****2621	Xuất sắc	NT01.14.3718
179	01HN0187	Bạch Văn Dương	04/12/1994	*****0136	Xuất sắc	NT01.14.3719
180	01HN0188	Phạm Văn Dưỡng	02/02/1985	*****1990	Giỏi	NT01.14.3720
181	01HN0189	Đàm Chí Duy	03/10/1987	*****6572	Xuất sắc	NT01.14.3721
182	01HN0190	Đồng Đức Duy	14/11/1988	*****0716	Xuất sắc	NT01.14.3722
183	01HN0191	Hoàng Khắc Duy	30/03/1983	*****5507	Khá	NT01.14.3723
184	01HN0192	Trần Ngọc Duy	09/10/1992	*****1695	Giỏi	NT01.14.3724
185	01HN0193	Ngô Quang Duy	24/06/1989	*****3429	Khá	NT01.14.3725
186	01HN0194	Đỗ Thị Duyên	12/11/1981	*****8563	Xuất sắc	NT01.14.3726
187	01HN0196	Vũ Thị Duyên	26/06/1997	*****8653	Xuất sắc	NT01.14.3727

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
188	01HN0197	Phạm Vũ Duyệt	13/10/1992	*****0927	Xuất sắc	NT01.14.3728
189	01HN0198	Nguyễn Thị Gấm	05/11/1985	*****4362	Xuất sắc	NT01.14.3729
190	01HN0199	Đồng Anh Giang	22/07/1987	*****5383	Xuất sắc	NT01.14.3730
191	01HN0200	Tô Châu Giang	21/10/1978	*****2421	Xuất sắc	NT01.14.3731
192	01HN0201	Phạm Đức Giang	18/04/1994	*****0199	Xuất sắc	NT01.14.3732
193	01HN0202	Trần Hà Giang	13/08/1993	*****0820	Giỏi	NT01.14.3733
194	01HN0203	Trần Hương Giang	03/11/1995	*****0576	Xuất sắc	NT01.14.3734
195	01HN0204	Trần Long Giang	03/09/1975	*****9910	Xuất sắc	NT01.14.3735
196	01HN0205	Lê Thanh Giang	13/11/1999	*****3988	Xuất sắc	NT01.14.3736
197	01HN0206	Phạm Thu Giang	03/02/2003	*****1269	Giỏi	NT01.14.3737
198	01HN0207	Mai Công Trà Giang	18/10/1987	*****2860	Khá	NT01.14.3738
199	01HN0208	Phạm Văn Giang	03/01/1992	*****5879	Xuất sắc	NT01.14.3739
200	01HN0209	Nguyễn Hải Hà	23/02/1984	*****5744	Xuất sắc	NT01.14.3740
201	01HN0210	Vũ Mạnh Hà	01/04/1985	*****3107	Xuất sắc	NT01.14.3741
202	01HN0211	Nguyễn Nhật Hà	06/11/1978	*****0551	Khá	NT01.14.3742
203	01HN0212	Bùi Quang Hà	19/01/1981	*****2574	Xuất sắc	NT01.14.3743
204	01HN0213	Vũ Thị Hà	20/06/1978	*****6919	Xuất sắc	NT01.14.3744
205	01HN0214	Nguyễn Thị Thu Hà	20/08/1998	*****3572	Trung bình	NT01.14.3745
206	01HN0215	Trần Thị Thu Hà	10/10/1988	*****4086	Xuất sắc	NT01.14.3746
207	01HN0216	Tổng Việt Hà	30/08/1982	*****7411	Xuất sắc	NT01.14.3747
208	01HN0217	Nguyễn Lin Hai	05/09/1974	*****4522	Khá	NT01.14.3748
209	01HN0218	Nguyễn Bá Hải	15/09/1992	*****0318	Khá	NT01.14.3749
210	01HN0219	Đào Thị Bích Hải	09/03/1985	*****4997	Xuất sắc	NT01.14.3750
211	01HN0220	Lê Đình Hải	08/08/1981	*****1152	Xuất sắc	NT01.14.3751

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
212	01HN0221	Bùi Hoàng Hải	16/04/1995	*****1225	Xuất sắc	NT01.14.3752
213	01HN0222	Trịnh Hồng Hải	01/10/1984	*****0592	Xuất sắc	NT01.14.3753
214	01HN0223	Trần Huy Hải	07/07/1988	*****1000	Xuất sắc	NT01.14.3754
215	01HN0224	Phạm Minh Hải	22/10/1978	*****8300	Khá	NT01.14.3755
216	01HN0225	Nguyễn Ngọc Hải	03/09/1981	*****4691	Xuất sắc	NT01.14.3756
217	01HN0226	Trần Ninh Hải	17/05/1981	*****2573	Xuất sắc	NT01.14.3757
218	01HN0227	Bùi Thanh Hải	24/12/1974	*****0115	Xuất sắc	NT01.14.3758
219	01HN0228	Lê Thanh Hải	06/01/1979	*****4549	Xuất sắc	NT01.14.3759
220	01HN0229	Nguyễn Thanh Hải	13/03/1990	*****8314	Xuất sắc	NT01.14.3760
221	01HN0230	Bùi Thế Hải	14/09/1993	*****4523	Xuất sắc	NT01.14.3761
222	01HN0231	Hoàng Trọng Hải	16/07/1981	*****4851	Khá	NT01.14.3762
223	01HN0232	Nguyễn Từ Hải	06/07/1984	*****6686	Khá	NT01.14.3763
224	01HN0233	Bùi Văn Hải	25/08/1984	*****5784	Xuất sắc	NT01.14.3764
225	01HN0234	Nguyễn Xuân Hải	07/12/1973	*****3153	Giỏi	NT01.14.3765
226	01HN0235	Vũ Thị Bích Hằng	19/12/1977	*****2175	Xuất sắc	NT01.14.3766
227	01HN0236	Nguyễn Thị Lệ Hằng	20/12/1990	*****2567	Xuất sắc	NT01.14.3767
228	01HN0237	Đặng Minh Hằng	27/12/1990	*****0676	Xuất sắc	NT01.14.3768
229	01HN0238	Trần Thị Minh Hằng	29/09/1992	*****3440	Xuất sắc	NT01.14.3769
230	01HN0239	Vũ Minh Hằng	08/02/1988	*****0071	Xuất sắc	NT01.14.3770
231	01HN0240	Hoàng Thị Hằng	12/03/1991	*****4693	Xuất sắc	NT01.14.3771
232	01HN0241	Lương Thị Hằng	12/03/1991	*****8212	Xuất sắc	NT01.14.3772
233	01HN0242	Nguyễn Thị Hằng	27/03/1979	*****2401	Xuất sắc	NT01.14.3773
234	01HN0243	Nguyễn Thị Hằng	10/03/1997	*****0155	Xuất sắc	NT01.14.3774
235	01HN0244	Vũ Thị Hằng	14/11/1994	*****4523	Xuất sắc	NT01.14.3775

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
236	01HN0245	Lê Thị Thuý Hằng	27/06/2000	*****2940	Xuất sắc	NT01.14.3776
237	01HN0246	Nguyễn Thuý Hằng	07/08/1990	*****9676	Xuất sắc	NT01.14.3777
238	01HN0247	Bùi Đức Hạnh	02/10/1986	*****3175	Xuất sắc	NT01.14.3778
239	01HN0248	Ngô Thị Hồng Hạnh	09/07/1982	*****0010	Xuất sắc	NT01.14.3779
240	01HN0249	Vũ Thị Hồng Hạnh	01/03/1985	*****0929	Xuất sắc	NT01.14.3780
241	01HN0250	Vũ Thị Hồng Hạnh	14/04/1981	*****5328	Xuất sắc	NT01.14.3781
242	01HN0251	Lê Minh Hạnh	28/10/1992	*****7460	Xuất sắc	NT01.14.3782
243	01HN0252	Đặng Thị Mỹ Hạnh	26/09/1981	*****2602	Xuất sắc	NT01.14.3783
244	01HN0253	Nguyễn Thị Hạnh	17/10/1986	*****7011	Xuất sắc	NT01.14.3784
245	01HN0254	Nguyễn Thị Bích Hào	05/08/1971	*****0184	Giỏi	NT01.14.3785
246	01HN0255	Ngô Phương Hào	26/09/1981	*****2208	Xuất sắc	NT01.14.3786
247	01HN0256	Phạm Thị Hào	27/09/1982	*****7630	Xuất sắc	NT01.14.3787
248	01HN0257	Nguyễn Quang Hậu	12/12/1986	*****7324	Xuất sắc	NT01.14.3788
249	01HN0258	Nguyễn Thị Hậu	02/09/1997	*****0316	Giỏi	NT01.14.3789
250	01HN0259	Đỗ Thanh Hiền	26/09/1981	*****0959	Giỏi	NT01.14.3790
251	01HN0260	Trần Minh Hiền	28/10/2001	*****8248	Xuất sắc	NT01.14.3791
252	01HN0261	Bùi Thị Hiền	20/04/2002	*****1401	Xuất sắc	NT01.14.3792
253	01HN0262	Vũ Thị Hiền	03/02/1981	*****2129	Xuất sắc	NT01.14.3793
254	01HN0263	Đặng Thị Thu Hiền	20/11/1988	*****4564	Xuất sắc	NT01.14.3794
255	01HN0264	Đồng Thị Thu Hiền	23/10/1977	*****4008	Giỏi	NT01.14.3795
256	01HN0265	Lê Thu Hiền	18/11/1980	*****4871	Xuất sắc	NT01.14.3796
257	01HN0266	Lê Thị Thu Hiền	23/03/1988	*****0018	Xuất sắc	NT01.14.3797
258	01HN0268	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/11/1978	*****0506	Khá	NT01.14.3798
259	01HN0269	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/06/1995	*****2441	Xuất sắc	NT01.14.3799

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
260	01HN0270	Nguyễn Thị Thu Hiền	09/03/1990	*****5857	Xuất sắc	NT01.14.3800
261	01HN0271	Nguyễn Thị Thu Hiền	29/08/1971	*****7144	Xuất sắc	NT01.14.3801
262	01HN0272	Bùi Thị Minh Hiền	12/08/1976	*****6585	Xuất sắc	NT01.14.3802
263	01HN0274	Vũ Trung Hiền	02/05/1974	*****0071	Xuất sắc	NT01.14.3803
264	01HN0275	Quách Hoàng Hiệp	20/04/1996	*****0975	Xuất sắc	NT01.14.3804
265	01HN0276	Mạc Hồng Hiệp	03/12/1998	*****2623	Xuất sắc	NT01.14.3805
266	01HN0277	Phan Nguyễn Ngọc Hiệp	22/10/1983	*****8534	Xuất sắc	NT01.14.3806
267	01HN0278	Phan Thị Hiệp	06/05/1990	*****2163	Xuất sắc	NT01.14.3807
268	01HN0279	Bùi Văn Hiệp	03/02/1990	*****0563	Giỏi	NT01.14.3808
269	01HN0280	Nguyễn Văn Hiệp	04/08/1990	*****2956	Khá	NT01.14.3809
270	01HN0281	Nguyễn Văn Hiệp	02/06/1994	*****4098	Xuất sắc	NT01.14.3810
271	01HN0282	Đinh Công Hiếu	28/05/1994	*****7195	Xuất sắc	NT01.14.3811
272	01HN0283	Lê Đình Hiếu	21/09/1986	*****5508	Xuất sắc	NT01.14.3812
273	01HN0284	Nguyễn Đức Hiếu	29/11/1987	*****9659	Xuất sắc	NT01.14.3813
274	01HN0285	Đàm Duy Hiếu	22/05/1995	*****9609	Xuất sắc	NT01.14.3814
275	01HN0286	Mai Khắc Hiếu	10/10/2000	*****6370	Khá	NT01.14.3815
276	01HN0287	Nguyễn Minh Hiếu	18/04/1980	*****9177	Giỏi	NT01.14.3816
277	01HN0288	Nguyễn Lê Minh Hiếu	24/06/2000	*****0962	Giỏi	NT01.14.3817
278	01HN0289	Trần Minh Hiếu	24/04/1998	*****4228	Xuất sắc	NT01.14.3818
279	01HN0290	Phạm Ngọc Hiếu	25/11/1988	*****3636	Giỏi	NT01.14.3819
280	01HN0291	Nguyễn Trung Hiếu	28/10/1985	*****0002	Xuất sắc	NT01.14.3820
281	01HN0292	Phạm Trung Hiếu	10/03/1999	*****0324	Xuất sắc	NT01.14.3821
282	01HN0294	Nguyễn Hữu Hiệu	20/07/1974	*****8954	Xuất sắc	NT01.14.3822
283	01HN0295	Phạm Xuân Hiệu	04/09/1973	*****1513	Xuất sắc	NT01.14.3823

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
284	01HN0296	Vũ Thị Mai Hoa	28/01/2000	*****9985	Xuất sắc	NT01.14.3824
285	01HN0297	Nguyễn Mỹ Hoa	06/10/1998	*****1789	Xuất sắc	NT01.14.3825
286	01HN0298	Đoàn Thị Hoa	15/07/1991	*****8605	Xuất sắc	NT01.14.3826
287	01HN0299	Đoàn Thị Hoa	13/03/1985	*****6967	Xuất sắc	NT01.14.3827
288	01HN0300	Lê Thị Hoa	02/11/1996	*****9029	Xuất sắc	NT01.14.3828
289	01HN0301	Nguyễn Thị Hoa	01/09/1991	*****6255	Xuất sắc	NT01.14.3829
290	01HN0302	Lưu Xuân Hoà	23/02/1986	*****0114	Xuất sắc	NT01.14.3830
291	01HN0303	Nguyễn Thị Hóa	16/04/1988	*****9874	Khá	NT01.14.3831
292	01HN0304	Hoàng Mạnh Hòa	28/05/1979	*****4047	Xuất sắc	NT01.14.3832
293	01HN0305	Nguyễn Quý Hòa	31/08/1999	*****9204	Giỏi	NT01.14.3833
294	01HN0306	Ngô Thị Hòa	16/12/1996	*****9351	Xuất sắc	NT01.14.3834
295	01HN0307	Ngô Thị Hòa	15/12/1996	*****7248	Xuất sắc	NT01.14.3835
296	01HN0308	Khổng Trọng Hòa	15/12/1992	*****4024	Giỏi	NT01.14.3836
297	01HN0309	Dương Văn Hòa	20/10/1975	*****2394	Xuất sắc	NT01.14.3837
298	01HN0310	Nguyễn Văn Hòa	08/11/1988	*****5455	Khá	NT01.14.3838
299	01HN0311	Mai Xuân Hòa	01/06/1987	*****1302	Xuất sắc	NT01.14.3839
300	01HN0312	Bùi Thị Hoài	28/08/1998	*****9223	Xuất sắc	NT01.14.3840
301	01HN0313	Ngô Dương Hoan	05/02/1982	*****0537	Giỏi	NT01.14.3841
302	01HN0314	Lê Thị Hoan	03/03/1974	*****9545	Xuất sắc	NT01.14.3842
303	01HN0315	Nguyễn Khải Hoàn	24/04/1980	*****0743	Xuất sắc	NT01.14.3843
304	01HN0316	Nguyễn Khải Hoàn	17/03/1974	*****0032	Xuất sắc	NT01.14.3844
305	01HN0317	Đoàn Thị Khánh Hoàn	03/10/1982	*****5789	Xuất sắc	NT01.14.3845
306	01HN0318	Nguyễn Mạnh Hoàn	13/04/1994	*****0105	Xuất sắc	NT01.14.3846
307	01HN0319	Vũ Minh Hoàn	24/07/1988	*****0162	Xuất sắc	NT01.14.3847

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
308	01HN0320	Hoàng Văn Hoàn	21/01/1987	*****8968	Giỏi	NT01.14.3848
309	01HN0321	Lê Văn Hoàn	24/07/1975	*****0513	Giỏi	NT01.14.3849
310	01HN0322	Nguyễn Hà Hoàng	20/03/1984	*****5257	Xuất sắc	NT01.14.3850
311	01HN0323	Nguyễn Hiệp Hoàng	09/05/2002	*****8433	Khá	NT01.14.3851
312	01HN0324	Vũ Huy Hoàng	10/06/1995	*****0007	Xuất sắc	NT01.14.3852
313	01HN0325	Hồ Khắc Hoàng	01/06/1988	*****3566	Xuất sắc	NT01.14.3853
314	01HN0326	Phạm Thanh Hoàng	25/06/1991	*****2800	Giỏi	NT01.14.3854
315	01HN0327	Nguyễn Tiến Hoàng	22/01/1979	*****9505	Xuất sắc	NT01.14.3855
316	01HN0328	Nguyễn Tuấn Hoàng	12/02/1990	*****5139	Xuất sắc	NT01.14.3856
317	01HN0330	Trịnh Viết Hồi	26/09/1982	*****5045	Xuất sắc	NT01.14.3857
318	01HN0331	Nguyễn Đức Hợi	08/01/1983	*****3363	Giỏi	NT01.14.3858
319	01HN0332	Hoàng Xuân Hợi	01/04/1983	*****2330	Khá	NT01.14.3859
320	01HN0333	Phạm Đức Hợi	30/04/1995	*****0281	Giỏi	NT01.14.3860
321	01HN0334	Nguyễn Thị Hợi	10/02/1989	*****0803	Xuất sắc	NT01.14.3861
322	01HN0335	Vũ Thị Hạnh Hồng	08/11/1990	*****4134	Xuất sắc	NT01.14.3862
323	01HN0336	Lê Thị Hồng	05/11/1991	*****8617	Xuất sắc	NT01.14.3863
324	01HN0337	Trương Thị Thu Hồng	27/06/1996	*****2215	Xuất sắc	NT01.14.3864
325	01HN0338	Vũ Đức Huân	02/10/1986	*****8881	Giỏi	NT01.14.3865
326	01HN0339	Trịnh Minh Huân	13/11/1992	*****0114	Giỏi	NT01.14.3866
327	01HN0340	Trần Văn Huân	01/01/1993	*****3299	Xuất sắc	NT01.14.3867
328	01HN0341	Vũ Xuân Huân	25/11/1992	*****7766	Giỏi	NT01.14.3868
329	01HN0342	Biện Thị Huê	10/01/1997	*****0233	Xuất sắc	NT01.14.3869
330	01HN0343	Nguyễn Thị Huế	15/05/1987	*****0608	Xuất sắc	NT01.14.3870
331	01HN0344	Vũ Thị Huế	15/03/1994	*****8204	Xuất sắc	NT01.14.3871

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
332	01HN0345	Đặng Thị Minh Huệ	05/12/1992	*****4269	Giỏi	NT01.14.3872
333	01HN0346	Nguyễn Thị Huệ	20/06/1990	*****1796	Xuất sắc	NT01.14.3873
334	01HN0347	Nguyễn Thị Huệ	06/11/1989	*****0164	Giỏi	NT01.14.3874
335	01HN0348	Nguyễn Cảnh Hùng	25/05/1981	*****1036	Xuất sắc	NT01.14.3875
336	01HN0349	Phạm Duy Hùng	02/07/1977	*****1153	Giỏi	NT01.14.3876
337	01HN0350	Diệp Hữu Hùng	29/01/1986	*****0439	Xuất sắc	NT01.14.3877
338	01HN0351	Nguyễn Huy Hùng	01/06/1977	*****7473	Xuất sắc	NT01.14.3878
339	01HN0352	Đào Văn Hùng	20/11/1989	*****0969	Xuất sắc	NT01.14.3879
340	01HN0353	Đinh Văn Hùng	28/10/1992	*****4567	Xuất sắc	NT01.14.3880
341	01HN0354	Nguyễn Văn Hùng	26/11/1989	*****7947	Xuất sắc	NT01.14.3881
342	01HN0355	Hoàng Việt Hùng	11/02/1997	*****7332	Xuất sắc	NT01.14.3882
343	01HN0356	Nguyễn Bá Hưng	20/01/1997	*****8656	Giỏi	NT01.14.3883
344	01HN0357	Trần Duy Hưng	30/01/1985	*****7458	Xuất sắc	NT01.14.3884
345	01HN0358	Nguyễn Mạnh Hưng	01/01/1989	*****7269	Xuất sắc	NT01.14.3885
346	01HN0359	Phạm Mạnh Hưng	19/05/1980	*****0933	Xuất sắc	NT01.14.3886
347	01HN0360	Đào Minh Hưng	02/11/1989	*****1420	Xuất sắc	NT01.14.3887
348	01HN0361	Trần Ngọc Hưng	03/02/1984	*****4365	Giỏi	NT01.14.3888
349	01HN0362	Hoàng Quốc Hưng	30/04/1978	*****1968	Giỏi	NT01.14.3889
350	01HN0363	Vũ Quốc Hưng	04/10/1992	*****0273	Xuất sắc	NT01.14.3890
351	01HN0364	Trần Thế Hưng	18/07/1987	*****7103	Xuất sắc	NT01.14.3891
352	01HN0365	Triệu Tuấn Hưng	20/06/1982	*****3315	Giỏi	NT01.14.3892
353	01HN0366	Vũ Văn Hưng	16/12/1986	*****0596	Xuất sắc	NT01.14.3893
354	01HN0367	Nguyễn Viêt Hưng	21/07/1986	*****1186	Xuất sắc	NT01.14.3894
355	01HN0368	Đặng Việt Hưng	11/01/1994	*****4974	Xuất sắc	NT01.14.3895

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
356	01HN0369	Đông Việt Hưng	17/08/1977	*****0658	Xuất sắc	NT01.14.3896
357	01HN0370	Nguyễn Xuân Hưng	04/03/1992	*****1496	Xuất sắc	NT01.14.3897
358	01HN0371	Nguyễn Xuân Hưng	04/07/1998	*****5817	Xuất sắc	NT01.14.3898
359	01HN0372	Lưu Duyên Hương	17/10/1985	*****4754	Xuất sắc	NT01.14.3899
360	01HN0373	Lê Thị Lan Hương	07/07/1980	*****2032	Xuất sắc	NT01.14.3900
361	01HN0374	Lê Thị Như Hương	05/07/2001	*****0476	Xuất sắc	NT01.14.3901
362	01HN0375	Nguyễn Thanh Hương	07/10/1982	*****4381	Khá	NT01.14.3902
363	01HN0376	Nguyễn Thị Thanh Hương	01/10/1981	*****0104	Khá	NT01.14.3903
364	01HN0377	Nguyễn Thị Hương	27/08/2000	*****1889	Xuất sắc	NT01.14.3904
365	01HN0378	Lò Văn Hương	10/10/1988	*****2076	Xuất sắc	NT01.14.3905
366	01HN0379	Kim Thanh Hường	24/02/1998	*****3393	Xuất sắc	NT01.14.3906
367	01HN0380	Nguyễn Thị Hường	10/09/1987	*****7113	Khá	NT01.14.3907
368	01HN0381	Nguyễn Thị Hường	12/11/1977	*****6596	Xuất sắc	NT01.14.3908
369	01HN0382	Vũ Thị Hường	28/01/1984	*****5789	Xuất sắc	NT01.14.3909
370	01HN0383	Nguyễn Thu Hường	30/12/1991	*****5808	Xuất sắc	NT01.14.3910
371	01HN0384	Ngô Đăng Hường	07/12/1988	*****0111	Giỏi	NT01.14.3911
372	01HN0385	Ngô Văn Hường	04/03/1996	*****9036	Xuất sắc	NT01.14.3912
373	01HN0386	Nguyễn Khắc Hữu	31/12/1987	*****8037	Giỏi	NT01.14.3913
374	01HN0387	Nguyễn Cao Huy	25/08/1982	*****4146	Xuất sắc	NT01.14.3914
375	01HN0388	Đoàn Ngọc Huy	18/06/1972	*****5008	Giỏi	NT01.14.3915
376	01HN0389	Nguyễn Tuấn Huy	29/07/1974	*****5099	Xuất sắc	NT01.14.3916
377	01HN0390	Nguyễn Thị Bảo Huyền	26/12/1985	*****1262	Xuất sắc	NT01.14.3917
378	01HN0391	Hoàng Thị Khánh Huyền	18/04/1997	*****6901	Xuất sắc	NT01.14.3918

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
379	01HN0392	Lê Khánh Huyền	17/03/1982	*****0465	Xuất sắc	NT01.14.3919
380	01HN0393	Phạm Thị Ngọc Huyền	29/10/1991	*****7498	Xuất sắc	NT01.14.3920
381	01HN0394	Đào Thị Thanh Huyền	27/10/1974	*****0074	Xuất sắc	NT01.14.3921
382	01HN0395	Ngô Thị Thanh Huyền	02/12/1978	*****9480	Xuất sắc	NT01.14.3922
383	01HN0396	Nguyễn Thanh Huyền	01/05/1989	*****8531	Xuất sắc	NT01.14.3923
384	01HN0397	Phan Thanh Huyền	04/01/2000	*****0446	Xuất sắc	NT01.14.3924
385	01HN0398	Trần Thị Thanh Huyền	23/07/1986	*****3860	Xuất sắc	NT01.14.3925
386	01HN0399	Lại Thị Huyền	18/09/1988	*****3651	Giỏi	NT01.14.3926
387	01HN0400	Nguyễn Thị Thu Huyền	31/10/1994	*****1480	Xuất sắc	NT01.14.3927
388	01HN0401	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/11/1989	*****6892	Xuất sắc	NT01.14.3928
389	01HN0402	Nguyễn Danh Huỳnh	23/12/1986	*****2228	Giỏi	NT01.14.3929
390	01HN0403	Hoàng Xuân Huỳnh	16/09/1991	*****0156	Xuất sắc	NT01.14.3930
391	01HN0404	Bùi Ngọc Khanh	14/06/1990	*****0462	Xuất sắc	NT01.14.3931
392	01HN0405	Trần Bình Khánh	06/09/1982	*****7930	Xuất sắc	NT01.14.3932
393	01HN0406	Nguyễn Đức Khánh	30/06/1990	*****6946	Xuất sắc	NT01.14.3933
394	01HN0407	Vương Duy Khánh	02/03/1986	*****7360	Khá	NT01.14.3934
395	01HN0408	Hà Nam Khánh	05/12/1992	*****8356	Xuất sắc	NT01.14.3935
396	01HN0410	Hà Ngọc Khánh	05/04/2001	*****1184	Giỏi	NT01.14.3936
397	01HN0411	Phạm Thị Khánh	16/12/1993	*****7545	Xuất sắc	NT01.14.3937
398	01HN0412	Khổng Trọng Khánh	16/07/1984	*****3253	Giỏi	NT01.14.3938
399	01HN0413	Ma Đình Khiêm	20/01/1992	*****9633	Xuất sắc	NT01.14.3939
400	01HN0414	Nguyễn Đức Khiêm	21/06/1995	*****9081	Xuất sắc	NT01.14.3940
401	01HN0415	Lê Minh Khiêm	11/01/1974	*****3895	Xuất sắc	NT01.14.3941
402	01HN0417	Nguyễn Đăng Khoa	09/08/1991	*****5416	Xuất sắc	NT01.14.3942

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
403	01HN0418	Nhữ Văn Khoa	05/10/1994	*****4640	Xuất sắc	NT01.14.3943
404	01HN0419	Trịnh Xuân Khoa	10/07/1980	*****9934	Xuất sắc	NT01.14.3944
405	01HN0420	Nguyễn Mạnh Khôi	28/06/2001	*****5787	Xuất sắc	NT01.14.3945
406	01HN0421	Vương Đình Khởi	04/01/2000	*****2338	Xuất sắc	NT01.14.3946
407	01HN0422	Nguyễn Khuyến	05/05/1974	*****0198	Xuất sắc	NT01.14.3947
408	01HN0423	Trương Ngọc Kiên	06/07/1986	*****6773	Xuất sắc	NT01.14.3948
409	01HN0424	Trần Quang Kiên	04/12/1996	*****9217	Xuất sắc	NT01.14.3949
410	01HN0425	Nguyễn Thành Kiên	21/09/1981	*****2213	Xuất sắc	NT01.14.3950
411	01HN0426	Nguyễn Tiến Kiên	29/01/1983	*****0081	Giỏi	NT01.14.3951
412	01HN0427	Đinh Trung Kiên	12/03/1982	*****3133	Xuất sắc	NT01.14.3952
413	01HN0428	Nguyễn Trung Kiên	27/07/1983	*****3399	Xuất sắc	NT01.14.3953
414	01HN0429	Trần Trung Kiên	18/12/1998	*****0644	Khá	NT01.14.3954
415	01HN0430	Nguyễn Hữu Lạc	26/04/1965	*****0668	Giỏi	NT01.14.3955
416	01HN0431	Khổng Thị Thanh Lam	09/07/1990	*****0018	Giỏi	NT01.14.3956
417	01HN0432	Lê Đức Lâm	06/01/1993	*****9940	Trung bình	NT01.14.3957
418	01HN0433	Lê Tùng Lâm	27/07/1980	*****6229	Xuất sắc	NT01.14.3958
419	01HN0434	Trần Viết Lâm	24/08/1974	*****8839	Khá	NT01.14.3959
420	01HN0435	Phạm Thị Kiều Lan	04/07/1995	*****7834	Giỏi	NT01.14.3960
421	01HN0436	Chu Thị Phương Lan	24/01/1981	*****6964	Xuất sắc	NT01.14.3961
422	01HN0437	Phạm Thị Lan	13/09/1993	*****1027	Xuất sắc	NT01.14.3962
423	01HN0439	Hà Tú Lan	13/09/1987	*****1399	Xuất sắc	NT01.14.3963
424	01HN0440	Mai Thị Tuyết Lan	02/09/1977	*****3388	Xuất sắc	NT01.14.3964
425	01HN0441	Phạm Hoàng Lân	14/07/1981	*****6125	Xuất sắc	NT01.14.3965
426	01HN0442	Vũ Hoàng Lân	19/01/1982	*****2836	Khá	NT01.14.3966

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
427	01HN0443	Nguyễn Thị Lành	24/04/1996	*****6358	Xuất sắc	NT01.14.3967
428	01HN0444	Nông Thị Lệ	04/01/1993	*****4619	Xuất sắc	NT01.14.3968
429	01HN0445	Phạm Thị Lệ	24/10/1997	*****5305	Xuất sắc	NT01.14.3969
430	01HN0446	Trần Thị Lịch	04/06/1988	*****0086	Xuất sắc	NT01.14.3970
431	01HN0447	Chu Đức Liêm	04/01/1990	*****0551	Xuất sắc	NT01.14.3971
432	01HN0448	Phạm Thanh Liêm	30/10/1987	*****0497	Xuất sắc	NT01.14.3972
433	01HN0449	Hà Văn Liêm	08/08/1989	*****2991	Xuất sắc	NT01.14.3973
434	01HN0450	Nguyễn Phương Liên	29/04/1977	*****8049	Xuất sắc	NT01.14.3974
435	01HN0451	Dương Thị Thùy Liên	15/03/2000	*****0274	Xuất sắc	NT01.14.3975
436	01HN0452	Nguyễn Diệu Linh	04/09/1998	*****8084	Giỏi	NT01.14.3976
437	01HN0453	Cao Thị Hoài Linh	13/11/1996	*****5668	Xuất sắc	NT01.14.3977
438	01HN0454	Đoàn Hồng Linh	24/11/1991	*****0252	Xuất sắc	NT01.14.3978
439	01HN0455	Nguyễn Khánh Linh	07/06/2003	*****9568	Giỏi	NT01.14.3979
440	01HN0456	Nguyễn Khánh Linh	23/10/2001	*****4965	Xuất sắc	NT01.14.3980
441	01HN0457	Đỗ Mạnh Linh	02/05/1990	*****8940	Giỏi	NT01.14.3981
442	01HN0458	Vũ Ngọc Linh	23/02/1975	*****6160	Giỏi	NT01.14.3982
443	01HN0459	Hoàng Thị Phương Linh	20/01/1976	*****9487	Giỏi	NT01.14.3983
444	01HN0460	Lê Thị Phương Linh	16/07/1998	*****5413	Xuất sắc	NT01.14.3984
445	01HN0461	Bùi Thị Thùy Linh	06/07/1988	*****0378	Xuất sắc	NT01.14.3985
446	01HN0462	Lê Thùy Linh	22/08/1994	*****5172	Xuất sắc	NT01.14.3986
447	01HN0463	Vũ Thị Thùy Linh	07/09/1982	*****7736	Xuất sắc	NT01.14.3987
448	01HN0464	Vũ Thị Thùy Linh	03/12/1994	*****5127	Xuất sắc	NT01.14.3988
449	01HN0465	Nguyễn Thị Tú Linh	10/02/2000	*****2109	Xuất sắc	NT01.14.3989
450	01HN0466	Bùi Tuấn Linh	25/09/1996	*****6325	Xuất sắc	NT01.14.3990

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
451	01HN0467	Nguyễn Thị Hồng Loan	18/12/1975	*****2074	Giỏi	NT01.14.3991
452	01HN0468	Vũ Ngọc Loan	04/08/1987	*****8002	Giỏi	NT01.14.3992
453	01HN0469	Bùi Phương Loan	21/06/1979	*****1956	Xuất sắc	NT01.14.3993
454	01HN0470	Cao Hoàng Lộc	21/10/1982	*****5061	Xuất sắc	NT01.14.3994
455	01HN0471	Nguyễn Tiến Lộc	16/08/1982	*****4058	Xuất sắc	NT01.14.3995
456	01HN0472	Phạm Công Lợi	15/04/1993	*****3352	Khá	NT01.14.3996
457	01HN0473	Hoàng Thắng Lợi	02/01/1975	*****0215	Xuất sắc	NT01.14.3997
458	01HN0474	Lưu Châu Long	19/12/2003	*****6176	Giỏi	NT01.14.3998
459	01HN0475	Lê Chí Long	15/05/1990	*****3964	Xuất sắc	NT01.14.3999
460	01HN0476	Trần Đăng Long	02/09/1966	*****0651	Xuất sắc	NT01.14.4000
461	01HN0477	Đỗ Đức Long	10/07/2000	*****0237	Xuất sắc	NT01.14.4001
462	01HN0478	Trần Đức Long	09/03/1993	*****7488	Xuất sắc	NT01.14.4002
463	01HN0479	Nguyễn Duy Long	04/08/1992	*****2624	Xuất sắc	NT01.14.4003
464	01HN0480	Bùi Hoàng Long	12/03/2000	*****1747	Khá	NT01.14.4004
465	01HN0481	Nguyễn Hoàng Long	10/06/1981	*****0848	Xuất sắc	NT01.14.4005
466	01HN0482	Vũ Hoàng Long	29/07/2000	*****1473	Xuất sắc	NT01.14.4006
467	01HN0483	Phạm Phi Long	30/11/1978	*****8747	Xuất sắc	NT01.14.4007
468	01HN0484	Nguyễn Quang Long	01/02/1997	*****0236	Xuất sắc	NT01.14.4008
469	01HN0485	Trần Quang Long	30/08/1998	*****7748	Xuất sắc	NT01.14.4009
470	01HN0486	Ngô Thiệu Long	12/02/1982	*****4034	Khá	NT01.14.4010
471	01HN0487	Nguyễn Tiến Long	03/04/1997	*****1113	Xuất sắc	NT01.14.4011
472	01HN0489	Nguyễn Văn Long	02/08/1969	*****7145	Khá	NT01.14.4012
473	01HN0490	Hoàng Xuân Long	03/05/1988	*****6299	Khá	NT01.14.4013
474	01HN0491	Lê Thị Lụa	07/03/1997	*****8249	Xuất sắc	NT01.14.4014

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
475	01HN0492	Nguyễn Thế Lương	03/06/1973	*****1209	Xuất sắc	NT01.14.4015
476	01HN0493	Đinh Thị Lương	21/05/1982	*****3346	Giỏi	NT01.14.4016
477	01HN0494	Nguyễn Vũ Lượng	17/09/1989	*****6542	Giỏi	NT01.14.4017
478	01HN0495	Dương Đình Luyện	17/11/1984	*****5732	Xuất sắc	NT01.14.4018
479	01HN0496	Nguyễn Khánh Ly	28/05/1984	*****1557	Xuất sắc	NT01.14.4019
480	01HN0497	Nguyễn Hương Lan Ly	27/04/1995	*****0050	Giỏi	NT01.14.4020
481	01HN0498	Vũ Mai Ly	11/07/1983	*****3656	Xuất sắc	NT01.14.4021
482	01HN0499	Nguyễn Phương Ly	21/05/1998	*****1365	Xuất sắc	NT01.14.4022
483	01HN0500	Vũ Thị Lý	13/10/1986	*****2344	Xuất sắc	NT01.14.4023
484	01HN0501	Tổng Hoàng Mai	24/12/1997	*****7224	Xuất sắc	NT01.14.4024
485	01HN0502	Phí Thị Như Mai	05/09/1980	*****0796	Xuất sắc	NT01.14.4025
486	01HN0503	Đặng Thị Mai	08/03/1989	*****3720	Xuất sắc	NT01.14.4026
487	01HN0504	Nguyễn Thị Mai	04/09/1985	*****0809	Xuất sắc	NT01.14.4027
488	01HN0505	Phạm Thị Mai	20/08/1985	*****0033	Xuất sắc	NT01.14.4028
489	01HN0506	Quách Thị Mai	22/04/1992	*****1628	Xuất sắc	NT01.14.4029
490	01HN0507	Lê Thị Tuyết Mai	16/11/1983	*****7897	Xuất sắc	NT01.14.4030
491	01HN0508	Lê Đức Mạnh	08/04/1995	*****1947	Khá	NT01.14.4031
492	01HN0509	Nguyễn Thế Mạnh	28/09/1988	*****1468	Giỏi	NT01.14.4032
493	01HN0510	Hoàng Tiến Mạnh	01/11/1995	*****4863	Xuất sắc	NT01.14.4033
494	01HN0511	Đào Văn Mạnh	23/01/1983	*****3164	Xuất sắc	NT01.14.4034
495	01HN0512	Đỗ Văn Mạnh	25/09/1983	*****0081	Xuất sắc	NT01.14.4035
496	01HN0513	Nguyễn Văn Mạnh	07/11/1986	*****2883	Xuất sắc	NT01.14.4036
497	01HN0514	Lê Đức Minh	31/10/1973	*****3112	Xuất sắc	NT01.14.4037
498	01HN0515	Lê Thị Hồng Minh	06/11/1978	*****9806	Giỏi	NT01.14.4038

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
499	01HN0516	Liêu Hồng Minh	04/05/1982	*****3111	Xuất sắc	NT01.14.4039
500	01HN0517	Đào Lê Minh	30/06/1979	*****0830	Trung bình	NT01.14.4040
501	01HN0518	Nguyễn Phú Minh	21/10/1985	*****3297	Xuất sắc	NT01.14.4041
502	01HN0519	Nguyễn Quang Minh	12/12/1990	*****4593	Xuất sắc	NT01.14.4042
503	01HN0520	Bùi Thị Minh	10/01/1984	*****3051	Xuất sắc	NT01.14.4043
504	01HN0521	Nguyễn Thị Minh	05/04/1987	*****6310	Xuất sắc	NT01.14.4044
505	01HN0522	Nguyễn Tuấn Minh	01/05/1986	*****8668	Khá	NT01.14.4045
506	01HN0523	Nguyễn Văn Minh	21/06/1993	*****0070	Xuất sắc	NT01.14.4046
507	01HN0524	Nguyễn Văn Minh	10/02/1991	*****1582	Xuất sắc	NT01.14.4047
508	01HN0525	Phạm Văn Minh	10/03/1994	*****5896	Xuất sắc	NT01.14.4048
509	01HN0526	Phạm Văn Minh	30/12/1990	*****2042	Xuất sắc	NT01.14.4049
510	01HN0527	Bùi Xuân Minh	25/02/1985	*****4565	Giỏi	NT01.14.4050
511	01HN0528	Lâm Thị Hồng Mơ	17/01/1995	*****8542	Xuất sắc	NT01.14.4051
512	01HN0529	Nguyễn Văn Mơ	10/05/1985	*****2815	Giỏi	NT01.14.4052
513	01HN0530	Vũ Xuân Mừng	06/06/1991	*****0466	Xuất sắc	NT01.14.4053
514	01HN0531	Phạm Văn Muôn	04/10/1986	*****7814	Xuất sắc	NT01.14.4054
515	01HN0532	Nguyễn Thị Trà My	08/01/2002	*****4343	Xuất sắc	NT01.14.4055
516	01HN0533	Nguyễn Thị Trà My	06/02/2001	*****5836	Giỏi	NT01.14.4056
517	01HN0534	Phạm Phương Mỹ	14/12/1983	*****0079	Giỏi	NT01.14.4057
518	01HN0535	Lê Na	24/04/2001	*****0020	Xuất sắc	NT01.14.4058
519	01HN0536	Phạm Bá Nam	25/05/1998	*****6198	Giỏi	NT01.14.4059
520	01HN0537	Nguyễn Công Nam	31/07/1988	*****0731	Giỏi	NT01.14.4060
521	01HN0538	Nguyễn Đắc Nam	21/03/1992	*****2614	Xuất sắc	NT01.14.4061
522	01HN0539	Hà Đức Nam	01/10/1985	*****2379	Xuất sắc	NT01.14.4062

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
523	01HN0540	Hà Duy Nam	16/05/2002	*****4683	Giỏi	NT01.14.4063
524	01HN0541	Đoàn Hải Nam	14/07/1975	*****0685	Xuất sắc	NT01.14.4064
525	01HN0542	Phùng Hải Nam	19/03/2002	*****8159	Xuất sắc	NT01.14.4065
526	01HN0543	Nguyễn Hoài Nam	05/01/2002	*****0013	Xuất sắc	NT01.14.4066
527	01HN0544	Lê Sỹ Nam	12/02/1981	*****9898	Xuất sắc	NT01.14.4067
528	01HN0545	Lê Tiến Nam	10/08/1970	*****5682	Xuất sắc	NT01.14.4068
529	01HN0546	Lê Văn Nam	28/09/1972	*****6547	Giỏi	NT01.14.4069
530	01HN0547	Nguyễn Văn Nam	14/03/1997	*****9269	Xuất sắc	NT01.14.4070
531	01HN0548	Mai Xuân Nam	19/10/1999	*****3189	Xuất sắc	NT01.14.4071
532	01HN0549	Nguyễn Xuân Nam	28/12/1990	*****6755	Xuất sắc	NT01.14.4072
533	01HN0550	Vũ Xuân Nam	01/05/1987	*****4973	Xuất sắc	NT01.14.4073
534	01HN0551	Vũ Thị Nga	05/11/1987	*****0954	Xuất sắc	NT01.14.4074
535	01HN0553	Vũ Kim Ngân	09/12/1991	*****3342	Xuất sắc	NT01.14.4075
536	01HN0554	Tạ Thúy Ngân	16/11/1990	*****7161	Xuất sắc	NT01.14.4076
537	01HN0555	Trần Đức Nghĩa	24/11/1993	*****7391	Giỏi	NT01.14.4077
538	01HN0557	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/12/1973	*****3416	Giỏi	NT01.14.4078
539	01HN0558	Nguyễn Trọng Nghĩa	19/08/1975	*****0014	Giỏi	NT01.14.4079
540	01HN0559	Nguyễn Trọng Nghĩa	22/03/1986	*****5615	Xuất sắc	NT01.14.4080
541	01HN0560	Trần Trọng Nghĩa	24/03/1985	*****0001	Giỏi	NT01.14.4081
542	01HN0561	Nguyễn Bảo Ngọc	23/05/2002	*****5382	Xuất sắc	NT01.14.4082
543	01HN0562	Hà Bích Ngọc	21/12/2002	*****4649	Xuất sắc	NT01.14.4083
544	01HN0563	Nguyễn Thị Bích Ngọc	06/10/1990	*****2970	Xuất sắc	NT01.14.4084
545	01HN0564	Bùi Đình Ngọc	20/09/1985	*****5579	Xuất sắc	NT01.14.4085
546	01HN0565	Phạm Đức Ngọc	16/01/1991	*****5036	Xuất sắc	NT01.14.4086

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
547	01HN0566	Nguyễn Khắc Ngọc	09/12/1993	*****3176	Xuất sắc	NT01.14.4087
548	01HN0567	Đỗ Quang Ngọc	05/03/1999	*****8695	Xuất sắc	NT01.14.4088
549	01HN0568	Trương Văn Ngọc	12/06/1990	*****8844	Khá	NT01.14.4089
550	01HN0569	Phạm Đình Ngự	28/04/1982	*****9206	Xuất sắc	NT01.14.4090
551	01HN0571	Nguyễn Thị Nguyên	07/08/1995	*****1288	Xuất sắc	NT01.14.4091
552	01HN0572	Nguyễn Thủy Nguyên	28/01/1997	*****1822	Trung bình	NT01.14.4092
553	01HN0573	Đặng Thị Minh Nguyệt	02/05/1980	*****9417	Xuất sắc	NT01.14.4093
554	01HN0574	Vũ Thị Nguyệt	09/02/1978	*****8454	Xuất sắc	NT01.14.4094
555	01HN0575	Nguyễn Hoàng Nha	11/06/1982	*****0467	Giỏi	NT01.14.4095
556	01HN0576	Đặng Đình Nhã	08/01/1979	*****8079	Xuất sắc	NT01.14.4096
557	01HN0577	Nguyễn Lê Thanh Nhã	04/12/1991	*****2883	Xuất sắc	NT01.14.4097
558	01HN0578	Lê Thị Nhân	15/07/1996	*****8979	Xuất sắc	NT01.14.4098
559	01HN0579	Tạ Thị Nhân	20/02/1982	*****8400	Xuất sắc	NT01.14.4099
560	01HN0580	Lương Ngọc Nhất	07/02/1989	*****2895	Xuất sắc	NT01.14.4100
561	01HN0581	Trần Minh Nhật	28/12/1992	*****2889	Giỏi	NT01.14.4101
562	01HN0582	Nguyễn Như Nhị	18/04/1980	*****9898	Giỏi	NT01.14.4102
563	01HN0583	Ngô Phương Nhiên	12/08/1983	*****1324	Xuất sắc	NT01.14.4103
564	01HN0585	Lê Hồng Nhung	02/10/2002	*****1540	Xuất sắc	NT01.14.4104
565	01HN0586	Lê Hồng Nhung	13/02/1987	*****4634	Xuất sắc	NT01.14.4105
566	01HN0587	Nguyễn Hồng Nhung	08/10/1985	*****4970	Xuất sắc	NT01.14.4106
567	01HN0588	Trần Thị Hồng Nhung	23/03/1989	*****4060	Xuất sắc	NT01.14.4107
568	01HN0589	Hoàng Thị Nhung	26/06/1997	*****2354	Khá	NT01.14.4108
569	01HN0590	Hoàng Thị Nhung	03/10/1998	*****7752	Xuất sắc	NT01.14.4109
570	01HN0591	Nguyễn Thị Nhung	20/09/1980	*****3603	Giỏi	NT01.14.4110

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
571	01HN0592	Lê Thị Trang Nhung	09/01/1987	*****0717	Xuất sắc	NT01.14.4111
572	01HN0593	Vương Đình Ninh	13/06/1985	*****0664	Xuất sắc	NT01.14.4112
573	01HN0594	Bùi Duy Ninh	31/08/1996	*****3672	Xuất sắc	NT01.14.4113
574	01HN0595	Nguyễn Thanh Ninh	11/05/1987	*****3645	Giỏi	NT01.14.4114
575	01HN0597	Phạm Thị Kim Oanh	01/09/1991	*****0555	Xuất sắc	NT01.14.4115
576	01HN0598	Đinh Thị Lan Oanh	17/11/1978	*****5400	Xuất sắc	NT01.14.4116
577	01HN0599	Lê Thị Oanh	19/06/1989	*****1499	Xuất sắc	NT01.14.4117
578	01HN0600	Phạm Thị Oanh	14/09/1995	*****5993	Khá	NT01.14.4118
579	01HN0601	Ngũ Bích Phần	18/11/1974	*****9369	Giỏi	NT01.14.4119
580	01HN0602	Trần Đại Phong	03/12/1994	*****3657	Khá	NT01.14.4120
581	01HN0603	Lê Đình Phong	15/07/1982	*****2530	Khá	NT01.14.4121
582	01HN0604	Nguyễn Hà Phong	31/12/2002	*****5197	Xuất sắc	NT01.14.4122
583	01HN0605	Vương Hồng Phong	19/12/1975	*****4469	Khá	NT01.14.4123
584	01HN0606	Vũ Anh Phú	20/09/1985	*****5834	Khá	NT01.14.4124
585	01HN0607	Tạ Đăng Phú	19/04/2001	*****7914	Xuất sắc	NT01.14.4125
586	01HN0608	Trần Quang Phú	14/09/2000	*****7043	Xuất sắc	NT01.14.4126
587	01HN0609	Nguyễn Yến Phụng	18/09/1992	*****1110	Xuất sắc	NT01.14.4127
588	01HN0610	Đào Anh Phước	27/03/1977	*****1246	Xuất sắc	NT01.14.4128
589	01HN0611	Bùi Bích Phương	02/01/1993	*****0286	Xuất sắc	NT01.14.4129
590	01HN0612	Lê Thị Hà Phương	24/04/1993	*****2510	Xuất sắc	NT01.14.4130
591	01HN0613	Nguyễn Hoàng Phương	17/05/1985	*****2150	Xuất sắc	NT01.14.4131
592	01HN0614	Đỗ Hồng Phương	07/08/1980	*****4294	Xuất sắc	NT01.14.4132
593	01HN0615	Bùi Thị Lan Phương	02/11/1985	*****2904	Xuất sắc	NT01.14.4133
594	01HN0616	Dương Thị Lan Phương	08/07/1977	*****8879	Xuất sắc	NT01.14.4134

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
595	01HN0617	Hoàng Thị Mai Phương	19/09/1995	*****2275	Xuất sắc	NT01.14.4135
596	01HN0618	Phạm Thị Mai Phương	16/08/1988	*****2455	Giỏi	NT01.14.4136
597	01HN0619	Đặng Thị Như Phương	01/07/2000	*****0647	Xuất sắc	NT01.14.4137
598	01HN0620	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	21/12/1981	*****1093	Xuất sắc	NT01.14.4138
599	01HN0621	Nguyễn Thị Quỳnh Phương	09/08/1984	*****0634	Xuất sắc	NT01.14.4139
600	01HN0622	Mê Thị Phương	20/10/1989	*****2781	Xuất sắc	NT01.14.4140
601	01HN0624	Nguyễn Thị Phương	27/05/1982	*****9228	Xuất sắc	NT01.14.4141
602	01HN0625	Nguyễn Trung Phương	22/01/1977	*****6426	Xuất sắc	NT01.14.4142
603	01HN0626	Bùi Văn Phương	20/10/1987	*****6170	Xuất sắc	NT01.14.4143
604	01HN0627	Nguyễn Thị Hồng Phương	14/01/1980	*****8879	Xuất sắc	NT01.14.4144
605	01HN0628	Đỗ Thị Phương	16/12/2003	*****1698	Xuất sắc	NT01.14.4145
606	01HN0629	Nguyễn Thị Phương	19/07/1976	*****3326	Giỏi	NT01.14.4146
607	01HN0630	Đào Bá Quân	26/01/1987	*****4797	Giỏi	NT01.14.4147
608	01HN0631	Cao Duy Quân	19/12/1992	*****8980	Xuất sắc	NT01.14.4148
609	01HN0632	Trần Hồng Quân	02/09/1989	*****9758	Xuất sắc	NT01.14.4149
610	01HN0633	Đặng Bá Minh Quân	20/09/2004	*****5239	Giỏi	NT01.14.4150
611	01HN0634	Nguyễn Quốc Quân	03/10/1985	*****0498	Xuất sắc	NT01.14.4151
612	01HN0635	Lê Văn Quân	29/10/1994	*****7566	Xuất sắc	NT01.14.4152
613	01HN0636	Phạm Văn Quân	09/03/1990	*****5194	Xuất sắc	NT01.14.4153
614	01HN0637	Nguyễn Đỗ Công Quang	06/11/2000	*****1128	Giỏi	NT01.14.4154
615	01HN0638	Trần Đình Quang	27/06/2000	*****3161	Khá	NT01.14.4155
616	01HN0639	Bùi Đức Quang	20/09/1982	*****1343	Xuất sắc	NT01.14.4156

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
617	01HN0640	Nguyễn Hải Quang	08/05/1985	*****7021	Giỏi	NT01.14.4157
618	01HN0642	Lê Minh Quang	03/11/1997	*****1225	Giỏi	NT01.14.4158
619	01HN0643	Nguyễn Ngọc Quang	18/04/1977	*****5191	Giỏi	NT01.14.4159
620	01HN0644	Vũ Thế Quang	18/12/1981	*****2600	Xuất sắc	NT01.14.4160
621	01HN0645	Đinh Văn Quang	28/01/1997	*****6780	Xuất sắc	NT01.14.4161
622	01HN0646	Đỗ Văn Quang	02/03/1991	*****4745	Xuất sắc	NT01.14.4162
623	01HN0647	Phạm Vũ Quang	26/09/1980	*****3517	Xuất sắc	NT01.14.4163
624	01HN0648	Đoàn Thị Quế	09/07/1986	*****3946	Xuất sắc	NT01.14.4164
625	01HN0649	Phạm Văn Quế	06/10/1981	*****0650	Giỏi	NT01.14.4165
626	01HN0650	Nguyễn Anh Quốc	22/08/1992	*****9036	Khá	NT01.14.4166
627	01HN0651	Nguyễn Đức Quý	20/07/1981	*****0133	Xuất sắc	NT01.14.4167
628	01HN0652	Trần Văn Quý	27/08/1979	*****4162	Xuất sắc	NT01.14.4168
629	01HN0653	Cao Xuân Quý	26/03/1993	*****6629	Xuất sắc	NT01.14.4169
630	01HN0654	Nguyễn Nho Quý	08/08/1999	*****9416	Giỏi	NT01.14.4170
631	01HN0655	Lê Thị Hồng Quyên	20/02/1988	*****8471	Xuất sắc	NT01.14.4171
632	01HN0656	Nguyễn Thị Hồng Quyên	18/01/1983	*****6866	Xuất sắc	NT01.14.4172
633	01HN0657	Lê Thị Lệ Quyên	05/04/1985	*****0013	Xuất sắc	NT01.14.4173
634	01HN0658	Nguyễn Thị Thảo Quyên	26/09/1990	*****1638	Xuất sắc	NT01.14.4174
635	01HN0659	Lê Thị Quyên	16/01/1992	*****5719	Xuất sắc	NT01.14.4175
636	01HN0660	Nguyễn Thị Quyên	07/03/1981	*****1588	Xuất sắc	NT01.14.4176
637	01HN0661	Phan Hồng Quyển	21/03/1989	*****4438	Xuất sắc	NT01.14.4177
638	01HN0662	Phạm Minh Quyền	05/05/1979	*****0672	Giỏi	NT01.14.4178
639	01HN0663	Nguyễn Phan Đăng Quyết	09/07/1988	*****4447	Khá	NT01.14.4179

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
640	01HN0664	Vũ Hoàng Quyết	30/07/1993	*****1041	Giỏi	NT01.14.4180
641	01HN0665	Hoàng Văn Quyết	23/09/1989	*****1905	Xuất sắc	NT01.14.4181
642	01HN0666	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	30/05/2002	*****1304	Xuất sắc	NT01.14.4182
643	01HN0667	Lê Như Quỳnh	04/06/2000	*****3620	Xuất sắc	NT01.14.4183
644	01HN0668	Lê Thị Như Quỳnh	15/03/1992	*****5989	Xuất sắc	NT01.14.4184
645	01HN0669	Nguyễn Thị Như Quỳnh	08/03/1978	*****2738	Xuất sắc	NT01.14.4185
646	01HN0670	Vũ Như Quỳnh	13/01/1983	*****3152	Xuất sắc	NT01.14.4186
647	01HN0671	Nguyễn Thị Quỳnh	25/04/1991	*****2611	Xuất sắc	NT01.14.4187
648	01HN0672	Nguyễn Thị Quỳnh	22/02/1997	*****6680	Xuất sắc	NT01.14.4188
649	01HN0673	Trần Thị Quỳnh	07/10/1988	*****5118	Xuất sắc	NT01.14.4189
650	01HN0674	Lê Thị Thúy Quỳnh	04/01/1990	*****5129	Xuất sắc	NT01.14.4190
651	01HN0675	Phạm Thúy Quỳnh	06/09/1985	*****0572	Xuất sắc	NT01.14.4191
652	01HN0676	Hoàng Xuân Quỳnh	29/03/1996	*****0557	Xuất sắc	NT01.14.4192
653	01HN0677	Nguyễn Minh Sang	06/09/1974	*****4010	Giỏi	NT01.14.4193
654	01HN0678	Đậu Quang Sáng	16/06/1986	*****6452	Xuất sắc	NT01.14.4194
655	01HN0679	Hoàng Xuân Sính	20/02/1982	*****4555	Xuất sắc	NT01.14.4195
656	01HN0680	Hoàng Bảo Sơn	16/08/1988	*****0768	Giỏi	NT01.14.4196
657	01HN0681	Nguyễn Hồng Sơn	08/10/1980	*****0974	Xuất sắc	NT01.14.4197
658	01HN0683	Đỗ Ngọc Sơn	25/11/1980	*****1324	Xuất sắc	NT01.14.4198
659	01HN0684	Lê Ngọc Sơn	22/08/1981	*****0151	Xuất sắc	NT01.14.4199
660	01HN0685	Ngô Ngọc Sơn	29/07/1974	*****9587	Xuất sắc	NT01.14.4200
661	01HN0686	Võ Thanh Sơn	26/01/1983	*****4165	Xuất sắc	NT01.14.4201
662	01HN0687	Trần Thiên Sơn	10/05/1981	*****0008	Xuất sắc	NT01.14.4202
663	01HN0688	Đỗ Thiện Thiết Sơn	14/12/1975	*****2118	Trung bình	NT01.14.4203

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
664	01HN0689	Phan Triệu Sơn	02/06/1991	*****8387	Xuất sắc	NT01.14.4204
665	01HN0690	Cao Trường Sơn	05/10/1998	*****2351	Xuất sắc	NT01.14.4205
666	01HN0691	Nguyễn Văn Sơn	13/12/1990	*****2347	Giỏi	NT01.14.4206
667	01HN0692	Nguyễn Đình Song	10/01/1986	*****1222	Xuất sắc	NT01.14.4207
668	01HN0693	Phạm Văn Sóng	22/08/1978	*****0537	Xuất sắc	NT01.14.4208
669	01HN0694	Phùng Đắc Sỹ	17/01/1994	*****9405	Khá	NT01.14.4209
670	01HN0695	Nguyễn Huy Sỹ	24/11/1972	*****6910	Xuất sắc	NT01.14.4210
671	01HN0696	Nguyễn Đình Tài	20/05/1997	*****9557	Giỏi	NT01.14.4211
672	01HN0697	Nguyễn Đức Tâm	01/09/1982	*****0032	Xuất sắc	NT01.14.4212
673	01HN0698	Trần Đức Tâm	03/01/1991	*****9264	Xuất sắc	NT01.14.4213
674	01HN0699	Lê Huy Tâm	16/11/1977	*****3849	Giỏi	NT01.14.4214
675	01HN0700	Lê Thanh Tâm	20/11/1993	*****5044	Xuất sắc	NT01.14.4215
676	01HN0701	Đoàn Thị Tâm	29/04/1978	*****0344	Xuất sắc	NT01.14.4216
677	01HN0702	Nguyễn Văn Tâm	10/06/1985	*****1381	Khá	NT01.14.4217
678	01HN0703	Lê Đắc Tân	04/03/1979	*****3451	Xuất sắc	NT01.14.4218
679	01HN0704	Nguyễn Hữu Tấn	07/07/1975	*****0226	Xuất sắc	NT01.14.4219
680	01HN0705	Nguyễn Mạnh Tấn	18/11/1981	*****2055	Xuất sắc	NT01.14.4220
681	01HN0706	Bùi Văn Tấn	22/09/1984	*****6058	Giỏi	NT01.14.4221
682	01HN0707	Phạm Ngọc Tạo	24/09/1992	*****0453	Xuất sắc	NT01.14.4222
683	01HN0708	Trần Hữu Thạch	19/07/1967	*****8440	Khá	NT01.14.4223
684	01HN0709	Nguyễn Thị Hồng Thái	25/08/1988	*****9889	Giỏi	NT01.14.4224
685	01HN0710	Phạm Hồng Thái	19/12/1985	*****1461	Giỏi	NT01.14.4225
686	01HN0711	Vũ Ngọc Thái	25/11/1999	*****9077	Giỏi	NT01.14.4226
687	01HN0712	Lưu Văn Thái	19/12/1997	*****9473	Xuất sắc	NT01.14.4227

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
688	01HN0713	Hoàng Xuân Thám	10/01/1991	*****1612	Xuất sắc	NT01.14.4228
689	01HN0714	Hoàng Đức Thân	20/09/1981	*****1063	Xuất sắc	NT01.14.4229
690	01HN0715	Lê Trọng Thản	12/09/1981	*****1040	Xuất sắc	NT01.14.4230
691	01HN0716	Nguyễn Anh Thắng	22/04/1997	*****1987	Khá	NT01.14.4231
692	01HN0717	Trương Công Thắng	13/08/1996	*****1156	Xuất sắc	NT01.14.4232
693	01HN0718	Vũ Công Thắng	06/08/1996	*****1721	Xuất sắc	NT01.14.4233
694	01HN0719	Vũ Ngọc Thắng	09/12/1979	*****1532	Xuất sắc	NT01.14.4234
695	01HN0720	Nguyễn Tất Thắng	02/01/1970	*****0085	Giỏi	NT01.14.4235
696	01HN0721	Đinh Thế Thắng	26/09/1990	*****1157	Xuất sắc	NT01.14.4236
697	01HN0722	Nguyễn Thị Thắng	16/10/1989	*****5565	Xuất sắc	NT01.14.4237
698	01HN0723	Đỗ Toàn Thắng	12/06/1989	*****9057	Khá	NT01.14.4238
699	01HN0724	Nguyễn Trung Thắng	07/01/1989	*****0573	Xuất sắc	NT01.14.4239
700	01HN0725	Phạm Văn Thắng	02/07/1990	*****3937	Xuất sắc	NT01.14.4240
701	01HN0726	Vũ Văn Thắng	10/08/1985	*****4649	Xuất sắc	NT01.14.4241
702	01HN0727	Đỗ Thị Lệ Thanh	20/01/1981	*****0364	Xuất sắc	NT01.14.4242
703	01HN0728	Vũ Thị Minh Thanh	15/10/1974	*****4744	Xuất sắc	NT01.14.4243
704	01HN0729	Đỗ Ngọc Thanh	08/05/1985	*****3801	Xuất sắc	NT01.14.4244
705	01HN0730	Vũ Thị Phương Thanh	27/10/1982	*****2536	Xuất sắc	NT01.14.4245
706	01HN0731	Phạm Quang Thanh	20/12/1984	*****7537	Xuất sắc	NT01.14.4246
707	01HN0732	Đặng Xuân Thanh	12/02/1986	*****7503	Xuất sắc	NT01.14.4247
708	01HN0733	Lê Xuân Thanh	26/07/1987	*****4547	Giỏi	NT01.14.4248
709	01HN0734	Nguyễn Chí Thành	04/04/1982	*****5050	Xuất sắc	NT01.14.4249
710	01HN0735	An Đình Thành	10/11/1983	*****0859	Khá	NT01.14.4250
711	01HN0736	Nguyễn Đình Thành	02/12/1990	*****2115	Xuất sắc	NT01.14.4251

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
712	01HN0737	Nguyễn Đình Thành	13/12/1986	*****6567	Giỏi	NT01.14.4252
713	01HN0738	Nguyễn Đức Thành	06/05/1996	*****3637	Xuất sắc	NT01.14.4253
714	01HN0739	Tạ Duy Thành	19/04/1998	*****0759	Xuất sắc	NT01.14.4254
715	01HN0740	Phạm Quang Thành	29/12/1987	*****1321	Xuất sắc	NT01.14.4255
716	01HN0742	Lại Tiến Thành	05/02/1995	*****5818	Xuất sắc	NT01.14.4256
717	01HN0743	Đỗ Trung Thành	18/12/1985	*****1601	Xuất sắc	NT01.14.4257
718	01HN0744	Hoàng Trung Thành	23/11/1981	*****0784	Xuất sắc	NT01.14.4258
719	01HN0745	Lê Trung Thành	11/03/1981	*****0072	Khá	NT01.14.4259
720	01HN0746	Nguyễn Văn Thành	06/08/1990	*****0348	Xuất sắc	NT01.14.4260
721	01HN0747	Phạm Văn Thành	21/07/1982	*****8695	Xuất sắc	NT01.14.4261
722	01HN0748	Thân Văn Thành	03/02/1992	*****8854	Xuất sắc	NT01.14.4262
723	01HN0749	Trần Văn Thành	01/06/1991	*****7876	Giỏi	NT01.14.4263
724	01HN0750	Nguyễn Xuân Thành	13/08/1996	*****2234	Xuất sắc	NT01.14.4264
725	01HN0751	Đào Minh Thao	22/05/1984	*****9110	Xuất sắc	NT01.14.4265
726	01HN0752	Hoàng Hương Thảo	13/02/1992	*****6944	Xuất sắc	NT01.14.4266
727	01HN0753	Nguyễn Thị Liên Thảo	16/06/1996	*****2135	Xuất sắc	NT01.14.4267
728	01HN0754	Nguyễn Thị Phương Thảo	31/08/1994	*****8309	Xuất sắc	NT01.14.4268
729	01HN0755	Đoàn Thị Thảo	28/10/2002	*****6930	Xuất sắc	NT01.14.4269
730	01HN0756	Nguyễn Thu Thảo	10/04/1984	*****5278	Xuất sắc	NT01.14.4270
731	01HN0757	Phạm Thu Thảo	23/07/2000	*****5382	Xuất sắc	NT01.14.4271
732	01HN0758	Lê Thị Bích Thạo	05/03/1987	*****8214	Xuất sắc	NT01.14.4272
733	01HN0759	Nguyễn Đức Tháp	10/05/1997	*****6522	Xuất sắc	NT01.14.4273
734	01HN0760	Trần Thị Thêu	28/07/1991	*****1135	Giỏi	NT01.14.4274

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
735	01HN0761	Hoàng Công Thiện	04/04/1983	*****0936	Xuất sắc	NT01.14.4275
736	01HN0762	Vũ Công Thiện	14/02/1993	*****6303	Khá	NT01.14.4276
737	01HN0763	Đỗ Đức Thiện	18/07/1973	*****9402	Giỏi	NT01.14.4277
738	01HN0764	Bùi Thị Thiện	15/10/1983	*****0612	Xuất sắc	NT01.14.4278
739	01HN0765	Phan Thanh Thìn	07/12/1988	*****5023	Khá	NT01.14.4279
740	01HN0766	Nguyễn Ngọc Thịnh	03/01/1995	*****6038	Xuất sắc	NT01.14.4280
741	01HN0767	Bùi Đức Thịnh	17/12/1992	*****9553	Xuất sắc	NT01.14.4281
742	01HN0768	Hoàng Đức Thịnh	24/07/1994	*****0062	Xuất sắc	NT01.14.4282
743	01HN0769	Phạm Đức Thịnh	11/08/1982	*****7904	Giỏi	NT01.14.4283
744	01HN0770	Trần Thị Tho	20/08/1989	*****5849	Xuất sắc	NT01.14.4284
745	01HN0771	Dương Thị Thơ	20/04/1999	*****7575	Xuất sắc	NT01.14.4285
746	01HN0772	Lê Đức Thọ	06/07/1981	*****4572	Xuất sắc	NT01.14.4286
747	01HN0773	Trịnh Hồng Thoa	09/02/1985	*****3998	Xuất sắc	NT01.14.4287
748	01HN0774	Bùi Thị Thoa	08/11/1995	*****1243	Khá	NT01.14.4288
749	01HN0775	Lương Văn Thơm	30/12/1990	*****5940	Khá	NT01.14.4289
750	01HN0776	Nguyễn Huy Thông	10/10/1972	*****0852	Xuất sắc	NT01.14.4290
751	01HN0777	Lê Minh Thông	05/11/1988	*****6460	Xuất sắc	NT01.14.4291
752	01HN0778	Phạm Thị Mai Thu	18/08/1985	*****0451	Xuất sắc	NT01.14.4292
753	01HN0779	Đỗ Thị Ngọc Thu	16/12/2000	*****6361	Xuất sắc	NT01.14.4293
754	01HN0780	Lê Thị Xuân Thu	15/03/2002	*****0067	Xuất sắc	NT01.14.4294
755	01HN0781	Nguyễn Hữu Thử	05/10/1985	*****5277	Xuất sắc	NT01.14.4295
756	01HN0782	Nguyễn Thiện Thuận	19/09/1977	*****3711	Xuất sắc	NT01.14.4296
757	01HN0783	Đinh Trọng Thuận	24/02/1987	*****0323	Xuất sắc	NT01.14.4297
758	01HN0784	Đoàn Thuận	10/10/1970	*****6541	Giỏi	NT01.14.4298

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
759	01HN0785	Mai Đức Thuận	03/11/1988	*****5559	Khá	NT01.14.4299
760	01HN0786	Trần Minh Thuật	05/09/1989	*****0340	Xuất sắc	NT01.14.4300
761	01HN0787	Đoàn Thị Huyền Thương	02/01/1985	*****1977	Giỏi	NT01.14.4301
762	01HN0788	Phùng Quang Thương	03/11/1973	*****0119	Xuất sắc	NT01.14.4302
763	01HN0789	Trần Thị Thanh Thương	16/11/1996	*****1704	Xuất sắc	NT01.14.4303
764	01HN0790	Lê Thị Thu Thuy	03/06/1997	*****3220	Xuất sắc	NT01.14.4304
765	01HN0791	Từ Thị Thu Thuý	24/03/1995	*****6872	Xuất sắc	NT01.14.4305
766	01HN0792	Trần Trọng Thủy	10/07/1978	*****1749	Xuất sắc	NT01.14.4306
767	01HN0793	Phạm Thị Hồng Thúy	07/11/1985	*****1810	Xuất sắc	NT01.14.4307
768	01HN0794	Phùng Thị Kim Thúy	19/01/1994	*****0276	Xuất sắc	NT01.14.4308
769	01HN0795	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	17/07/1983	*****3470	Xuất sắc	NT01.14.4309
770	01HN0796	Cần Thị Thúy	06/12/1989	*****9588	Giỏi	NT01.14.4310
771	01HN0797	Dương Thị Thúy	22/06/2001	*****9880	Xuất sắc	NT01.14.4311
772	01HN0798	Lã Thị Thủy	04/01/1988	*****1711	Xuất sắc	NT01.14.4312
773	01HN0799	Trần Thị Thanh Thủy	28/11/1971	*****3596	Xuất sắc	NT01.14.4313
774	01HN0800	Cao Thị Thủy	12/09/1995	*****0905	Xuất sắc	NT01.14.4314
775	01HN0801	Dương Thị Thủy	06/08/1988	*****4962	Xuất sắc	NT01.14.4315
776	01HN0802	Hoàng Thị Thủy	04/05/1984	*****5374	Giỏi	NT01.14.4316
777	01HN0803	Mai Thị Thủy	02/05/1982	*****1103	Giỏi	NT01.14.4317
778	01HN0804	Nguyễn Thị Thủy	07/11/1991	*****4969	Khá	NT01.14.4318
779	01HN0805	Phạm Thị Thủy	13/05/1980	*****6021	Xuất sắc	NT01.14.4319
780	01HN0806	Đào Thị Thu Thủy	13/02/1996	*****5740	Xuất sắc	NT01.14.4320
781	01HN0807	Nguyễn Thu Thủy	10/12/1985	*****0253	Xuất sắc	NT01.14.4321
782	01HN0808	Tăng Thị Thu Thủy	17/07/1984	*****1159	Xuất sắc	NT01.14.4322

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
783	01HN0809	Vũ Thị Thu Thủy	26/10/1984	*****0744	Xuất sắc	NT01.14.4323
784	01HN0810	Lê Trọng Thủy	28/11/1986	*****9438	Xuất sắc	NT01.14.4324
785	01HN0811	Mai Trọng Thủy	21/06/1976	*****5121	Xuất sắc	NT01.14.4325
786	01HN0812	Phạm Thị Tiên	17/03/1991	*****0942	Xuất sắc	NT01.14.4326
787	01HN0814	Nguyễn Đăng Tiệp	30/12/1993	*****6142	Xuất sắc	NT01.14.4327
788	01HN0815	Trần Tin	26/04/1980	*****1141	Giỏi	NT01.14.4328
789	01HN0816	Vũ Trung Tịnh	10/10/1973	*****0110	Giỏi	NT01.14.4329
790	01HN0817	Trần Bảo Toàn	02/03/1998	*****5216	Giỏi	NT01.14.4330
791	01HN0818	Nguyễn Cảnh Toàn	18/04/1990	*****1043	Xuất sắc	NT01.14.4331
792	01HN0819	Nguyễn Hữu Toàn	21/09/1987	*****5789	Khá	NT01.14.4332
793	01HN0820	Vũ Khánh Toàn	31/12/1994	*****1153	Xuất sắc	NT01.14.4333
794	01HN0821	Nguyễn Mạnh Toàn	13/07/1989	*****5955	Giỏi	NT01.14.4334
795	01HN0822	Nguyễn Ngọc Toàn	30/11/1979	*****0601	Giỏi	NT01.14.4335
796	01HN0823	Nguyễn Văn Toàn	29/08/1975	*****3547	Xuất sắc	NT01.14.4336
797	01HN0824	Đinh Lâm Tới	21/04/1980	*****6250	Xuất sắc	NT01.14.4337
798	01HN0825	Nguyễn Diệu Trân	13/08/1972	*****0767	Xuất sắc	NT01.14.4338
799	01HN0826	Trần Thị Hà Trang	05/07/1993	*****0476	Xuất sắc	NT01.14.4339
800	01HN0827	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/1993	*****0764	Xuất sắc	NT01.14.4340
801	01HN0828	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/08/2001	*****4798	Giỏi	NT01.14.4341
802	01HN0829	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/02/1997	*****2309	Xuất sắc	NT01.14.4342
803	01HN0831	Đoàn Quỳnh Trang	26/08/1992	*****1229	Khá	NT01.14.4343
804	01HN0832	Nguyễn Quỳnh Trang	29/03/1988	*****2279	Giỏi	NT01.14.4344
805	01HN0833	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	18/12/1995	*****1368	Xuất sắc	NT01.14.4345
806	01HN0834	Phạm Thị Quỳnh Trang	26/11/1990	*****6385	Giỏi	NT01.14.4346

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
807	01HN0835	Bùi Thị Trang	29/09/1986	*****0863	Xuất sắc	NT01.14.4347
808	01HN0836	Nguyễn Thị Trang	23/11/1986	*****2516	Giỏi	NT01.14.4348
809	01HN0837	Nguyễn Thị Thu Trang	04/09/1976	*****0639	Giỏi	NT01.14.4349
810	01HN0838	Nguyễn Thị Thu Trang	02/02/1991	*****1301	Giỏi	NT01.14.4350
811	01HN0839	Trương Thị Thuỳ Trang	22/09/1995	*****2583	Khá	NT01.14.4351
812	01HN0840	Lê Thuỳ Trang	23/10/2001	*****0288	Xuất sắc	NT01.14.4352
813	01HN0841	Trần Thị Thuỳ Trang	21/11/1996	*****4885	Xuất sắc	NT01.14.4353
814	01HN0842	Nguyễn Đình Trí	06/07/1996	*****3775	Giỏi	NT01.14.4354
815	01HN0843	Vũ Quang Triền	05/03/1979	*****9115	Xuất sắc	NT01.14.4355
816	01HN0844	Mai Kiều Trinh	02/11/1987	*****7745	Xuất sắc	NT01.14.4356
817	01HN0846	Nguyễn Thế Trọng	21/12/1971	*****2221	Xuất sắc	NT01.14.4357
818	01HN0847	Phan Công Trung	23/12/1997	*****1130	Xuất sắc	NT01.14.4358
819	01HN0848	Doãn Đình Trung	30/04/1993	*****0132	Xuất sắc	NT01.14.4359
820	01HN0849	Đồng Hiếu Trung	19/03/1996	*****3131	Xuất sắc	NT01.14.4360
821	01HN0850	Trần Nam Trung	24/02/1975	*****0357	Xuất sắc	NT01.14.4361
822	01HN0851	Mai Quang Trung	28/09/1987	*****5601	Xuất sắc	NT01.14.4362
823	01HN0852	Huỳnh Tấn Trung	22/02/1987	*****3162	Xuất sắc	NT01.14.4363
824	01HN0853	Lê Thành Trung	17/02/1975	*****5438	Xuất sắc	NT01.14.4364
825	01HN0854	Ngô Đức Thành Trung	16/12/1986	*****1383	Xuất sắc	NT01.14.4365
826	01HN0855	Trần Thành Trung	23/10/1978	*****3357	Giỏi	NT01.14.4366
827	01HN0856	Vũ Trọng Trung	20/02/1975	*****0998	Khá	NT01.14.4367
828	01HN0857	Nguyễn Văn Trung	29/04/1988	*****1843	Xuất sắc	NT01.14.4368
829	01HN0858	Phạm Việt Trung	14/11/1983	*****3347	Xuất sắc	NT01.14.4369
830	01HN0859	Đào Đăng Trường	01/07/1992	*****7946	Xuất sắc	NT01.14.4370

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
831	01HN0860	Trần Minh Trường	26/07/1982	*****2166	Giỏi	NT01.14.4371
832	01HN0861	Nguyễn Thanh Trường	03/09/1974	*****1744	Giỏi	NT01.14.4372
833	01HN0862	Lã Văn Trường	27/06/1985	*****1216	Giỏi	NT01.14.4373
834	01HN0863	Nguyễn Văn Trường	25/03/2001	*****4205	Xuất sắc	NT01.14.4374
835	01HN0864	Phạm Văn Trường	10/09/1983	*****9115	Xuất sắc	NT01.14.4375
836	01HN0866	Nguyễn Xuân Trường	06/11/1982	*****1524	Giỏi	NT01.14.4376
837	01HN0867	Nguyễn Đức Trường	13/09/1985	*****0816	Xuất sắc	NT01.14.4377
838	01HN0869	Lê Anh Tuấn Tú	08/05/1993	*****2801	Xuất sắc	NT01.14.4378
839	01HN0870	Phạm Đức Tự	14/08/1986	*****4153	Xuất sắc	NT01.14.4379
840	01HN0871	Võ Hiền Tuấn	24/07/1982	*****4225	Khá	NT01.14.4380
841	01HN0872	Tổng Hồng Tuấn	27/10/1980	*****0345	Xuất sắc	NT01.14.4381
842	01HN0873	Đỗ Quang Tuấn	20/02/1980	*****2808	Xuất sắc	NT01.14.4382
843	01HN0874	Nguyễn Trọng Tuấn	03/02/1990	*****4268	Xuất sắc	NT01.14.4383
844	01HN0875	Trần Trọng Tuấn	10/01/1988	*****4953	Xuất sắc	NT01.14.4384
845	01HN0876	Hồ Văn Tuấn	10/12/1981	*****2733	Xuất sắc	NT01.14.4385
846	01HN0877	Lê Anh Tuấn	26/06/1994	*****6981	Xuất sắc	NT01.14.4386
847	01HN0878	Nguyễn Anh Tuấn	20/05/1990	*****0779	Xuất sắc	NT01.14.4387
848	01HN0879	Nguyễn Anh Tuấn	30/09/1995	*****1774	Xuất sắc	NT01.14.4388
849	01HN0880	Nguyễn Anh Tuấn	03/07/1977	*****7566	Xuất sắc	NT01.14.4389
850	01HN0881	Nguyễn Anh Tuấn	02/10/1982	*****9324	Xuất sắc	NT01.14.4390
851	01HN0882	Trần Anh Tuấn	19/11/1992	*****0906	Giỏi	NT01.14.4391
852	01HN0883	Trần Anh Tuấn	20/07/1981	*****1054	Xuất sắc	NT01.14.4392
853	01HN0884	Mai Huy Tuấn	01/01/1992	*****9524	Xuất sắc	NT01.14.4393
854	01HN0885	Nghiêm Mạnh Tuấn	28/08/1992	*****7046	Khá	NT01.14.4394

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
855	01HN0886	Phạm Minh Tuấn	05/02/1991	*****6241	Giỏi	NT01.14.4395
856	01HN0887	Đỗ Ngọc Tuấn	06/10/1981	*****4035	Xuất sắc	NT01.14.4396
857	01HN0888	Hoàng Ngọc Tuấn	25/07/1986	*****0006	Giỏi	NT01.14.4397
858	01HN0889	Trần Ngọc Tuấn	16/10/1987	*****7464	Xuất sắc	NT01.14.4398
859	01HN0890	Đinh Quốc Tuấn	08/04/1987	*****0024	Xuất sắc	NT01.14.4399
860	01HN0891	Lương Quốc Tuấn	27/08/1981	*****7234	Xuất sắc	NT01.14.4400
861	01HN0892	Tạ Quốc Tuấn	11/04/1978	*****4449	Xuất sắc	NT01.14.4401
862	01HN0893	Đặng Văn Tuấn	16/06/1989	*****2737	Xuất sắc	NT01.14.4402
863	01HN0894	Hoàng Văn Tuấn	19/07/1980	*****1141	Xuất sắc	NT01.14.4403
864	01HN0895	Hoàng Văn Tuấn	20/06/1983	*****1295	Xuất sắc	NT01.14.4404
865	01HN0896	Nguyễn Văn Tuấn	06/09/1986	*****5526	Khá	NT01.14.4405
866	01HN0897	Phạm Văn Tuấn	01/11/1990	*****2950	Xuất sắc	NT01.14.4406
867	01HN0898	Dương Xuân Tuấn	18/08/1993	*****0352	Xuất sắc	NT01.14.4407
868	01HN0900	Vũ Văn Tuệ	25/12/1983	*****6458	Xuất sắc	NT01.14.4408
869	01HN0901	Lê Bá Tùng	14/01/1983	*****7286	Giỏi	NT01.14.4409
870	01HN0902	Tạ Mạnh Tùng	14/12/1988	*****2737	Xuất sắc	NT01.14.4410
871	01HN0903	Lê Sơn Tùng	01/07/1999	*****8799	Khá	NT01.14.4411
872	01HN0905	Nguyễn Thanh Tùng	18/06/1982	*****5052	Giỏi	NT01.14.4412
873	01HN0906	Trần Thanh Tùng	23/04/1999	*****0209	Xuất sắc	NT01.14.4413
874	01HN0907	Trần Thanh Tùng	12/01/1991	*****9412	Xuất sắc	NT01.14.4414
875	01HN0908	Vũ Thanh Tùng	21/12/1994	*****0837	Xuất sắc	NT01.14.4415
876	01HN0909	Nguyễn Văn Tùng	19/03/1998	*****0763	Giỏi	NT01.14.4416
877	01HN0910	Cao Xuân Tùng	04/12/1987	*****9115	Giỏi	NT01.14.4417
878	01HN0911	Hồ Mạnh Tường	15/09/1984	*****0403	Xuất sắc	NT01.14.4418

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
879	01HN0912	Nguyễn Mạnh Tường	28/06/1992	*****5924	Xuất sắc	NT01.14.4419
880	01HN0913	Nguyễn Đình Tuyền	01/10/1982	*****2783	Xuất sắc	NT01.14.4420
881	01HN0914	Đỗ Thị Tuyền	07/03/1991	*****0837	Xuất sắc	NT01.14.4421
882	01HN0915	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	19/06/1999	*****0130	Xuất sắc	NT01.14.4422
883	01HN0916	Dương Thị Ánh Tuyết	02/11/1985	*****5509	Xuất sắc	NT01.14.4423
884	01HN0917	Nguyễn Ánh Vân	05/11/1993	*****5018	Giỏi	NT01.14.4424
885	01HN0918	Đinh Hồng Vân	21/07/1989	*****1596	Xuất sắc	NT01.14.4425
886	01HN0919	Nguyễn Thị Hồng Vân	16/12/1982	*****0343	Xuất sắc	NT01.14.4426
887	01HN0920	Nguyễn Thanh Vân	20/10/1985	*****9415	Giỏi	NT01.14.4427
888	01HN0921	Nguyễn Thị Vân	11/07/1989	*****2831	Xuất sắc	NT01.14.4428
889	01HN0922	Lê Thúy Vân	17/06/1983	*****3301	Giỏi	NT01.14.4429
890	01HN0923	Chu Xuân Văn	25/09/1966	*****8725	Xuất sắc	NT01.14.4430
891	01HN0924	Nguyễn Văn Vẻ	06/02/1985	*****3685	Xuất sắc	NT01.14.4431
892	01HN0925	Nguyễn Thị Bích Việt	20/05/1985	*****0299	Xuất sắc	NT01.14.4432
893	01HN0926	Nguyễn Văn Việt	12/06/1977	*****1231	Xuất sắc	NT01.14.4433
894	01HN0927	Trần Văn Việt	24/06/1995	*****4685	Xuất sắc	NT01.14.4434
895	01HN0928	Vũ Văn Việt	01/06/1997	*****5743	Xuất sắc	NT01.14.4435
896	01HN0929	Phùng Mạnh Vinh	28/01/1982	*****3291	Xuất sắc	NT01.14.4436
897	01HN0930	Hà Quang Vinh	19/10/1971	*****4783	Xuất sắc	NT01.14.4437
898	01HN0931	Nguyễn Quang Vinh	06/05/1979	*****4592	Xuất sắc	NT01.14.4438
899	01HN0932	Phạm Thị Thúy Vinh	16/10/1975	*****5800	Giỏi	NT01.14.4439
900	01HN0933	Nguyễn Thế Vĩnh	30/11/1986	*****1527	Trung bình	NT01.14.4440
901	01HN0934	Nguyễn Trọng Võ	05/06/1987	*****3701	Xuất sắc	NT01.14.4441
902	01HN0935	Đỗ Kiến Vọng	18/02/1986	*****2735	Xuất sắc	NT01.14.4442

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
903	01HN0936	Phạm Như Vũ	19/08/1982	*****3263	Xuất sắc	NT01.14.4443
904	01HN0937	Nguyễn Tiến Vũ	29/11/1980	*****1124	Xuất sắc	NT01.14.4444
905	01HN0938	Trần Tuấn Vũ	12/09/1991	*****6056	Xuất sắc	NT01.14.4445
906	01HN0939	Lão Đại Vương	20/06/1990	*****1255	Xuất sắc	NT01.14.4446
907	01HN0940	Nguyễn Đình Vương	22/12/1980	*****0951	Giỏi	NT01.14.4447
908	01HN0941	Mai Thị Xuân	05/02/1981	*****9682	Xuất sắc	NT01.14.4448
909	01HN0942	Nguyễn Thị Xuân	23/03/1987	*****0735	Xuất sắc	NT01.14.4449
910	01HN0943	Đỗ Văn Xứng	06/01/1986	*****2840	Xuất sắc	NT01.14.4450
911	01HN0944	Bùi Thị Xuyên	03/07/1982	*****5403	Xuất sắc	NT01.14.4451
912	01HN0945	Trần Thị Hải Yến	29/12/1983	*****0916	Xuất sắc	NT01.14.4452
913	01HN0946	Vũ Hải Yến	20/04/1991	*****0350	Xuất sắc	NT01.14.4453
914	01HN0947	Trần Thị Yến	06/09/1987	*****2766	Xuất sắc	NT01.14.4454

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
KỲ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ THẦU) SỐ 01
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2052./QĐ-QLĐT ngày 23..tháng..9..năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
1	01HCM.1.0001	Sầm Hoài An	10/06/1999	*****4389	Giỏi	NT01.14.4455
2	01HCM.1.0002	Đặng Nguyễn Ngọc An	09/01/1985	*****2847	Giỏi	NT01.14.4456
3	01HCM.1.0003	Võ Thị An	10/10/1989	*****5804	Xuất sắc	NT01.14.4457
4	01HCM.1.0004	Lê Hoàng Ân	25/11/1976	*****0199	Xuất sắc	NT01.14.4458
5	01HCM.1.0005	Lê Nguyễn Hồng Ân	05/07/1989	*****4607	Xuất sắc	NT01.14.4459
6	01HCM.1.0006	Nguyễn Đức Anh	12/06/1988	*****1404	Xuất sắc	NT01.14.4460
7	01HCM.1.0007	Trần Đức Anh	12/02/1994	*****0194	Xuất sắc	NT01.14.4461
8	01HCM.1.0008	Lê Thị Kim Anh	13/07/1995	*****7945	Giỏi	NT01.14.4462
9	01HCM.1.0009	Phạm Thị Kim Anh	25/05/1986	*****4226	Xuất sắc	NT01.14.4463
10	01HCM.1.0010	Đỗ Vũ Lan Anh	03/01/1994	*****2899	Xuất sắc	NT01.14.4464
11	01HCM.1.0011	Trương Thị Lan Anh	26/08/1974	*****2139	Xuất sắc	NT01.14.4465
12	01HCM.1.0012	Đỗ Quỳnh Anh	11/07/1991	*****8309	Xuất sắc	NT01.14.4466
13	01HCM.1.0013	Dương Thị Quỳnh Anh	27/08/1999	*****0698	Xuất sắc	NT01.14.4467
14	01HCM.1.0014	Lê Thị Thu Anh	28/06/2001	*****8909	Khá	NT01.14.4468
15	01HCM.1.0015	Nguyễn Tuấn Anh	10/01/1991	*****2441	Xuất sắc	NT01.14.4469
16	01HCM.1.0016	Võ Tuấn Anh	05/09/1986	*****8540	Xuất sắc	NT01.14.4470
17	01HCM.1.0017	Vũ Tuấn Anh	19/09/1995	*****2119	Khá	NT01.14.4471
18	01HCM.1.0018	Lê Văn Anh	08/03/1979	*****3581	Xuất sắc	NT01.14.4472
19	01HCM.1.0019	Phạm Thị Ngọc Ánh	17/01/1986	*****2234	Giỏi	NT01.14.4473

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
20	01HCM.1.0020	Lê Văn Ánh	27/12/1973	*****9243	Xuất sắc	NT01.14.4474
21	01HCM.1.0021	Nguyễn Thị Hải Âu	15/02/1984	*****0187	Xuất sắc	NT01.14.4475
22	01HCM.1.0022	Hồ Xuân Bắc	22/06/1985	*****4161	Xuất sắc	NT01.14.4476
23	01HCM.1.0023	Nguyễn Lưu Bách	20/07/1986	*****2873	Xuất sắc	NT01.14.4477
24	01HCM.1.0024	Nguyễn Văn Bằng	24/10/1995	*****0026	Xuất sắc	NT01.14.4478
25	01HCM.1.0025	Lê Diệp Chí Bảo	24/09/1995	*****0027	Giỏi	NT01.14.4479
26	01HCM.1.0026	Đặng Nguyễn Gia Bảo	27/04/1994	*****2705	Giỏi	NT01.14.4480
27	01HCM.1.0027	Nguyễn Khắc Bảo	13/10/1988	*****0274	Giỏi	NT01.14.4481
28	01HCM.1.0028	Bùi Quốc Bảo	24/10/1987	*****1525	Giỏi	NT01.14.4482
29	01HCM.1.0029	Dương Thái Bảo	29/12/1994	*****0085	Giỏi	NT01.14.4483
30	01HCM.1.0030	Kim Tân Biên	08/02/1966	*****0460	Giỏi	NT01.14.4484
31	01HCM.1.0031	Nguyễn Võ Trường Biên	18/09/1990	*****5595	Giỏi	NT01.14.4485
32	01HCM.1.0032	Nguyễn Công Bình	20/04/1987	*****6257	Khá	NT01.14.4486
33	01HCM.1.0033	Nguyễn Đức Bình	08/01/1992	*****5093	Xuất sắc	NT01.14.4487
34	01HCM.1.0034	Lê Quang Bình	19/10/1992	*****1506	Xuất sắc	NT01.14.4488
35	01HCM.1.0035	Nguyễn Quốc Bình	14/03/1990	*****7044	Xuất sắc	NT01.14.4489
36	01HCM.1.0036	Trang Thái Bình	15/07/1994	*****9875	Giỏi	NT01.14.4490
37	01HCM.1.0037	Đoàn Thanh Bình	28/02/1987	*****2585	Xuất sắc	NT01.14.4491
38	01HCM.1.0038	Đồng Thanh Bình	10/03/1985	*****9375	Xuất sắc	NT01.14.4492
39	01HCM.1.0039	Lý Thanh Bình	25/10/1984	*****5914	Xuất sắc	NT01.14.4493
40	01HCM.1.0040	Nguyễn Thanh Bình	22/01/1995	*****0972	Xuất sắc	NT01.14.4494
41	01HCM.1.0041	Nguyễn Thanh Bình	13/09/1982	*****9045	Xuất sắc	NT01.14.4495
42	01HCM.1.0042	Viên Võ Thanh Bình	03/11/1975	*****4485	Giỏi	NT01.14.4496
43	01HCM.1.0043	Nguyễn Văn Bình	06/08/1992	*****9805	Giỏi	NT01.14.4497

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
44	01HCM.1.0044	Nguyễn Văn Bình	01/01/1975	*****0138	Xuất sắc	NT01.14.4498
45	01HCM.1.0045	Hà Thiện Cảm	13/05/1983	*****4045	Giỏi	NT01.14.4499
46	01HCM.1.0046	Trần Thị Châu Cẩm	26/10/1984	*****1739	Xuất sắc	NT01.14.4500
47	01HCM.1.0047	Nguyễn Ngọc Cảnh	16/02/1992	*****4707	Xuất sắc	NT01.14.4501
48	01HCM.1.0048	Lê Thanh Cảnh	09/06/1987	*****5534	Xuất sắc	NT01.14.4502
49	01HCM.1.0049	Bùi Văn Cảnh	15/04/1988	*****6877	Xuất sắc	NT01.14.4503
50	01HCM.1.0050	Phạm Thị Băng Châu	02/01/1991	*****3967	Giỏi	NT01.14.4504
51	01HCM.1.0051	Đinh Thị Bảo Châu	21/07/1989	*****0480	Xuất sắc	NT01.14.4505
52	01HCM.1.0052	Nguyễn Bùi Bích Châu	21/01/1989	*****1072	Giỏi	NT01.14.4506
53	01HCM.1.0053	Chu Thị Minh Châu	05/09/1988	*****4263	Xuất sắc	NT01.14.4507
54	01HCM.1.0054	Lê Bích Phương Chi	05/11/1974	*****7184	Khá	NT01.14.4508
55	01HCM.1.0056	Lý Chiêu	23/12/1995	*****9460	Giỏi	NT01.14.4509
56	01HCM.1.0057	Nguyễn Tùng Chinh	10/07/1981	*****1268	Xuất sắc	NT01.14.4510
57	01HCM.1.0058	Trần Hữu Chính	02/02/1977	*****0739	Xuất sắc	NT01.14.4511
58	01HCM.1.0059	Sơn Wi Chít	10/10/1985	*****0816	Khá	NT01.14.4512
59	01HCM.1.0060	Huỳnh Mỹ Chô	25/05/1990	*****0080	Xuất sắc	NT01.14.4513
60	01HCM.1.0061	Nguyễn Minh Chuẩn	29/09/1996	*****3001	Khá	NT01.14.4514
61	01HCM.1.0062	Lê Tiến Chung	05/04/1972	*****1558	Xuất sắc	NT01.14.4515
62	01HCM.1.0063	Đào Ngọc Dương Chương	25/02/1992	*****0773	Xuất sắc	NT01.14.4516
63	01HCM.1.0064	Mai Văn Chương	01/12/1988	*****9324	Xuất sắc	NT01.14.4517
64	01HCM.1.0065	Nguyễn Thái Công	15/08/1998	*****0368	Khá	NT01.14.4518
65	01HCM.1.0066	Nguyễn Thị Cúc	24/05/1982	*****0319	Khá	NT01.14.4519
66	01HCM.1.0067	Nguyễn Đình Cương	02/10/1991	*****4586	Khá	NT01.14.4520
67	01HCM.1.0068	Thái Cương	26/07/1984	*****1835	Xuất sắc	NT01.14.4521

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
68	01HCM.1.0069	Đoàn Văn Cường	17/06/1976	*****7824	Xuất sắc	NT01.14.4522
69	01HCM.1.0070	Nguyễn Cảnh Cường	15/08/1990	*****9002	Xuất sắc	NT01.14.4523
70	01HCM.1.0071	Lâm Hữu Cường	23/12/1986	*****4991	Xuất sắc	NT01.14.4524
71	01HCM.1.0072	Nguyễn Hữu Cường	09/08/1971	*****0529	Giỏi	NT01.14.4525
72	01HCM.1.0073	Phan Minh Cường	01/08/1990	*****7447	Xuất sắc	NT01.14.4526
73	01HCM.1.0074	Trần Minh Cường	27/04/1983	*****1958	Xuất sắc	NT01.14.4527
74	01HCM.1.0075	Trần Sỹ Cường	11/10/1997	*****7616	Xuất sắc	NT01.14.4528
75	01HCM.1.0076	Bùi Văn Cường	20/02/1992	*****5791	Xuất sắc	NT01.14.4529
76	01HCM.1.0077	Nguyễn Văn Cường	10/07/1991	*****4904	Xuất sắc	NT01.14.4530
77	01HCM.1.0078	Nguyễn Xuân Cường	22/11/1991	*****5210	Xuất sắc	NT01.14.4531
78	01HCM.1.0079	Phan Văn Đa	01/05/1974	*****0176	Xuất sắc	NT01.14.4532
79	01HCM.1.0080	Phạm Bảo Đại	17/04/1993	*****4249	Xuất sắc	NT01.14.4533
80	01HCM.1.0081	Trần Đại	08/03/1980	*****3419	Khá	NT01.14.4534
81	01HCM.1.0083	Vũ Mạnh Đăng	16/12/1991	*****2790	Giỏi	NT01.14.4535
82	01HCM.1.0084	Phạm Bá Danh	16/02/1982	*****5127	Giỏi	NT01.14.4536
83	01HCM.1.0085	Lê Công Danh	13/06/1993	*****2402	Xuất sắc	NT01.14.4537
84	01HCM.1.0086	Nguyễn Hữu Danh	04/08/1976	*****6733	Xuất sắc	NT01.14.4538
85	01HCM.1.0087	Lê Quang Danh	20/10/1990	*****0015	Xuất sắc	NT01.14.4539
86	01HCM.1.0088	Huỳnh Anh Đào	05/07/2002	*****2162	Xuất sắc	NT01.14.4540
87	01HCM.1.0089	Bùi Thị Hồng Đào	20/11/1982	*****8496	Xuất sắc	NT01.14.4541
88	01HCM.1.0090	Huỳnh Quốc Đạt	13/04/1997	*****0157	Khá	NT01.14.4542
89	01HCM.1.0091	Phạm Quốc Đạt	08/03/1980	*****5070	Xuất sắc	NT01.14.4543
90	01HCM.1.0092	Hoàng Thành Đạt	12/12/1994	*****2621	Xuất sắc	NT01.14.4544
91	01HCM.1.0093	Lê Quý Dậu	26/02/1993	*****0501	Xuất sắc	NT01.14.4545

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
92	01HCM.1.0094	Lê Hoàng Đẩu	01/01/1988	*****1664	Xuất sắc	NT01.14.4546
93	01HCM.1.0095	Mai Thị Hồng Diễm	09/01/1990	*****7330	Giỏi	NT01.14.4547
94	01HCM.1.0096	Lý Ngọc Diễm	30/09/1990	*****1917	Xuất sắc	NT01.14.4548
95	01HCM.1.0097	Nguyễn Văn Diễm	07/01/1971	*****6763	Giỏi	NT01.14.4549
96	01HCM.1.0098	Lê Minh Diện	01/01/1987	*****1965	Giỏi	NT01.14.4550
97	01HCM.1.0099	Lê Quang Đình	08/05/1980	*****6258	Giỏi	NT01.14.4551
98	01HCM.1.0100	Vũ Như Định	12/03/1980	*****9791	Xuất sắc	NT01.14.4552
99	01HCM.1.0101	Vũ Thành Đoàn	17/12/1978	*****5287	Trung bình	NT01.14.4553
100	01HCM.1.0102	Lê Văn Đôn	11/10/1985	*****6530	Giỏi	NT01.14.4554
101	01HCM.1.0103	Nguyễn Chánh Đông	17/03/1992	*****9800	Xuất sắc	NT01.14.4555
102	01HCM.1.0104	Lê Đông	05/07/1975	*****4226	Xuất sắc	NT01.14.4556
103	01HCM.1.0105	Lê Thành Đông	16/01/1995	*****2623	Xuất sắc	NT01.14.4557
104	01HCM.1.0106	Nguyễn Duy Đồng	17/04/1984	*****2615	Xuất sắc	NT01.14.4558
105	01HCM.1.0107	Vũ Văn Đồng	17/11/1988	*****8056	Xuất sắc	NT01.14.4559
106	01HCM.1.0108	Nguyễn Hoàng Du	04/01/1990	*****2981	Xuất sắc	NT01.14.4560
107	01HCM.1.0109	Nguyễn Hồng Đức	03/04/1995	*****0796	Xuất sắc	NT01.14.4561
108	01HCM.1.0110	Nguyễn Tài Đức	12/03/1998	*****9009	Xuất sắc	NT01.14.4562
109	01HCM.1.0111	Phạm Kim Thảo Đức	15/10/1993	*****0607	Khá	NT01.14.4563
110	01HCM.1.0112	Nguyễn Thị Đức	18/02/1992	*****5012	Xuất sắc	NT01.14.4564
111	01HCM.1.0113	Nguyễn Thiện Đức	03/10/1996	*****2808	Giỏi	NT01.14.4565
112	01HCM.1.0114	Nguyễn Thị Bích Dung	03/11/1981	*****0069	Khá	NT01.14.4566
113	01HCM.1.0115	Phạm Thị Kim Dung	20/11/1985	*****5743	Xuất sắc	NT01.14.4567
114	01HCM.1.0116	Triệu Mỹ Dung	11/12/1992	*****2267	Xuất sắc	NT01.14.4568
115	01HCM.1.0117	Dương Thị Ngọc Dung	20/05/1979	*****0148	Xuất sắc	NT01.14.4569

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
116	01HCM.1.0118	Lê Thị Phương Dung	27/06/1994	*****0708	Xuất sắc	NT01.14.4570
117	01HCM.1.0119	Nguyễn Thị Thùy Dung	10/12/1986	*****0861	Xuất sắc	NT01.14.4571
118	01HCM.1.0120	Vũ Bá Dũng	17/09/1979	*****4578	Xuất sắc	NT01.14.4572
119	01HCM.1.0121	Lê Doãn Dũng	24/10/1998	*****6314	Xuất sắc	NT01.14.4573
120	01HCM.1.0122	Tạ Đức Dũng	27/01/1983	*****9959	Xuất sắc	NT01.14.4574
121	01HCM.1.0124	Nguyễn Tấn Dũng	02/10/2001	*****0348	Khá	NT01.14.4575
122	01HCM.1.0125	Đoàn Thanh Dũng	06/05/1971	*****3170	Khá	NT01.14.4576
123	01HCM.1.0126	Hồ Trần Thế Dũng	27/04/1981	*****7576	Xuất sắc	NT01.14.4577
124	01HCM.1.0127	Nguyễn Tiến Dũng	02/02/1975	*****9783	Xuất sắc	NT01.14.4578
125	01HCM.1.0128	Nguyễn Tiến Dũng	17/10/1992	*****0250	Giỏi	NT01.14.4579
126	01HCM.1.0129	Phạm Tiến Dũng	06/01/1990	*****7467	Xuất sắc	NT01.14.4580
127	01HCM.1.0130	Ngô Trí Dũng	01/03/1993	*****6197	Xuất sắc	NT01.14.4581
128	01HCM.1.0131	Phạm Trí Dũng	29/07/1992	*****7679	Xuất sắc	NT01.14.4582
129	01HCM.1.0132	Hoàng Văn Dũng	18/09/1983	*****2319	Xuất sắc	NT01.14.4583
130	01HCM.1.0133	Phạm Vũ Việt Dũng	18/07/1987	*****5159	Xuất sắc	NT01.14.4584
131	01HCM.1.0134	Nguyễn Thành Được	01/01/1990	*****6600	Giỏi	NT01.14.4585
132	01HCM.1.0135	Trần Đại Dương	12/11/1996	*****5348	Xuất sắc	NT01.14.4586
133	01HCM.1.0136	Đỗ Quang Dương	01/06/1977	*****6699	Khá	NT01.14.4587
134	01HCM.1.0137	Trương Thùy Dương	13/08/1990	*****2772	Xuất sắc	NT01.14.4588
135	01HCM.1.0138	Huỳnh Đăng Tứ Dương	30/03/1991	*****5806	Xuất sắc	NT01.14.4589
136	01HCM.1.0139	Lê Tùng Dương	11/07/1999	*****0940	Xuất sắc	NT01.14.4590
137	01HCM.1.0140	Trần Văn Dương	24/04/1999	*****6534	Xuất sắc	NT01.14.4591
138	01HCM.1.0141	Huỳnh Thị Hải Đường	20/12/1985	*****2998	Xuất sắc	NT01.14.4592
139	01HCM.1.0142	Nguyễn Quốc Đường	06/04/1990	*****0561	Xuất sắc	NT01.14.4593

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
140	01HCM.1.0143	Nguyễn Bá Duy	02/01/1983	*****9570	Giỏi	NT01.14.4594
141	01HCM.1.0144	Trần Đăng Duy	13/09/2000	*****3796	Xuất sắc	NT01.14.4595
142	01HCM.1.0145	Lê Đức Duy	17/04/1999	*****0619	Xuất sắc	NT01.14.4596
143	01HCM.1.0146	Trần Châu Dương Duy	01/01/1988	*****7220	Xuất sắc	NT01.14.4597
144	01HCM.1.0147	Nguyễn Hoàng Duy	02/03/1987	*****3724	Giỏi	NT01.14.4598
145	01HCM.1.0148	Nguyễn Hoàng Duy	21/01/1988	*****9497	Xuất sắc	NT01.14.4599
146	01HCM.1.0149	Nguyễn Minh Duy	07/08/1989	*****7492	Giỏi	NT01.14.4600
147	01HCM.1.0150	Võ Thị Tuyết Duy	15/06/1990	*****5619	Xuất sắc	NT01.14.4601
148	01HCM.1.0151	Mai Ánh Duyên	03/01/1984	*****5904	Xuất sắc	NT01.14.4602
149	01HCM.1.0152	Nguyễn Thị Kim Duyên	28/11/1981	*****5478	Xuất sắc	NT01.14.4603
150	01HCM.1.0153	Thái Thị Minh Duyên	10/01/2002	*****9498	Giỏi	NT01.14.4604
151	01HCM.1.0154	Phạm Thị Mỹ Duyên	15/08/2000	*****3451	Xuất sắc	NT01.14.4605
152	01HCM.1.0155	Phạm Văn Duyên	04/02/1982	*****5586	Giỏi	NT01.14.4606
153	01HCM.1.0156	Huỳnh Cảnh Em	20/08/1992	*****4587	Xuất sắc	NT01.14.4607
154	01HCM.1.0157	Phạm Trường Giang	08/12/1989	*****4727	Xuất sắc	NT01.14.4608
155	01HCM.1.0158	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	04/10/1994	*****3598	Xuất sắc	NT01.14.4609
156	01HCM.1.0159	Cao Văn Giáp	26/07/1984	*****8523	Giỏi	NT01.14.4610
157	01HCM.1.0160	Võ Hồng Giàu	21/07/1995	*****9519	Xuất sắc	NT01.14.4611
158	01HCM.1.0161	Huỳnh Ngọc Giàu	01/01/1990	*****5699	Xuất sắc	NT01.14.4612
159	01HCM.1.0162	Võ Thị Ngọc Giàu	28/08/1990	*****2579	Khá	NT01.14.4613
160	01HCM.1.0163	Đinh Thị Long Hà	10/05/1976	*****3029	Xuất sắc	NT01.14.4614
161	01HCM.1.0164	Nguyễn Ngọc Hà	22/05/1991	*****0190	Xuất sắc	NT01.14.4615
162	01HCM.1.0165	Phan Ngọc Hà	22/03/2003	*****0106	Giỏi	NT01.14.4616
163	01HCM.1.0166	Trần Sơn Hà	10/09/1980	*****7114	Xuất sắc	NT01.14.4617

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
164	01HCM.1.0167	Nguyễn Thị Thanh Hà	13/03/1984	*****6312	Xuất sắc	NT01.14.4618
165	01HCM.1.0168	Trần Thanh Hà	22/04/1982	*****2376	Xuất sắc	NT01.14.4619
166	01HCM.1.0169	Hà Thu Hà	02/08/1980	*****8434	Xuất sắc	NT01.14.4620
167	01HCM.1.0170	Lê Thu Hà	08/09/1972	*****4536	Xuất sắc	NT01.14.4621
168	01HCM.1.0171	Nguyễn Xuân Hà	27/07/1992	*****4031	Xuất sắc	NT01.14.4622
169	01HCM.1.0172	Nguyễn Đình Hải	13/10/1985	*****2784	Xuất sắc	NT01.14.4623
170	01HCM.1.0173	Trương Hoàng Hải	02/05/1993	*****0333	Xuất sắc	NT01.14.4624
171	01HCM.1.0174	Lê Hồng Hải	04/08/1986	*****6510	Xuất sắc	NT01.14.4625
172	01HCM.1.0175	Lê Hồng Hải	18/06/1999	*****6279	Xuất sắc	NT01.14.4626
173	01HCM.1.0176	Nguyễn Hữu Hải	01/06/1985	*****6949	Khá	NT01.14.4627
174	01HCM.1.0177	Trần Minh Hải	02/09/1985	*****2722	Trung bình	NT01.14.4628
175	01HCM.1.0178	Nguyễn Ngọc Hải	09/12/1983	*****1631	Xuất sắc	NT01.14.4629
176	01HCM.1.0179	Nguyễn Tấn Hải	11/01/1984	*****4174	Giỏi	NT01.14.4630
177	01HCM.1.0180	Nguyễn Thị Hải	18/01/1978	*****1675	Xuất sắc	NT01.14.4631
178	01HCM.1.0181	Tạ Thái Ngọc Hân	02/09/2003	*****1550	Xuất sắc	NT01.14.4632
179	01HCM.1.0182	Đào Thị Thu Hân	03/08/1980	*****0210	Xuất sắc	NT01.14.4633
180	01HCM.1.0183	Nhâm Khánh Hằng	03/01/1998	*****1862	Xuất sắc	NT01.14.4634
181	01HCM.1.0184	Trần Thị Minh Hằng	13/06/1984	*****5698	Xuất sắc	NT01.14.4635
182	01HCM.1.0185	Lê Thị Hằng	26/02/1976	*****9319	Xuất sắc	NT01.14.4636
183	01HCM.1.0186	Nguyễn Thị Hằng	29/05/1979	*****9048	Xuất sắc	NT01.14.4637
184	01HCM.1.0187	Lê Thu Hằng	05/09/1971	*****1727	Xuất sắc	NT01.14.4638
185	01HCM.1.0188	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/07/1989	*****3816	Xuất sắc	NT01.14.4639
186	01HCM.1.0189	Phạm Thị Thu Hằng	10/08/1977	*****4805	Xuất sắc	NT01.14.4640
187	01HCM.1.0190	Đoàn Thị Thuý Hằng	09/04/1985	*****6727	Xuất sắc	NT01.14.4641

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
188	01HCM.1.0192	Nguyễn Thị Tuyết Hằng	20/06/1993	*****6141	Xuất sắc	NT01.14.4642
189	01HCM.1.0193	Lê Thị Bích Hạnh	15/07/1977	*****0314	Xuất sắc	NT01.14.4643
190	01HCM.1.0194	Ngô Doãn Hạnh	05/05/1971	*****9781	Giỏi	NT01.14.4644
191	01HCM.1.0195	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	09/01/1988	*****2930	Khá	NT01.14.4645
192	01HCM.1.0197	Bùi Thị Hậu	07/04/1990	*****7156	Xuất sắc	NT01.14.4646
193	01HCM.1.0198	Trần Ngô Trung Hậu	08/09/1979	*****1040	Xuất sắc	NT01.14.4647
194	01HCM.1.0199	Bùi Thị Hiền	17/08/1990	*****8005	Xuất sắc	NT01.14.4648
195	01HCM.1.0200	Ngô Chí Hiền	26/11/1979	*****1470	Giỏi	NT01.14.4649
196	01HCM.1.0201	Lại Thị Minh Hiền	14/07/1983	*****9923	Giỏi	NT01.14.4650
197	01HCM.1.0202	Phạm Thị Minh Hiền	01/08/1988	*****0740	Xuất sắc	NT01.14.4651
198	01HCM.1.0203	Trần Thị Ngọc Hiền	29/09/1974	*****7878	Giỏi	NT01.14.4652
199	01HCM.1.0204	Nguyễn Thái Hiền	28/04/1986	*****0066	Giỏi	NT01.14.4653
200	01HCM.1.0205	Nguyễn Thị Hiền	20/07/1988	*****6205	Xuất sắc	NT01.14.4654
201	01HCM.1.0206	Vũ Thị Hiền	14/07/1988	*****6434	Xuất sắc	NT01.14.4655
202	01HCM.1.0207	Cao Thị Thu Hiền	20/08/2000	*****7266	Xuất sắc	NT01.14.4656
203	01HCM.1.0208	Đỗ Thu Hiền	27/12/1981	*****8342	Xuất sắc	NT01.14.4657
204	01HCM.1.0209	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/02/1991	*****3328	Xuất sắc	NT01.14.4658
205	01HCM.1.0210	Trần Thu Hiền	10/12/1991	*****4022	Xuất sắc	NT01.14.4659
206	01HCM.1.0211	Lê Văn Hiền	03/05/1974	*****0445	Khá	NT01.14.4660
207	01HCM.1.0212	Võ Huỳnh Quang Hiền	22/07/1990	*****3796	Xuất sắc	NT01.14.4661
208	01HCM.1.0213	Lê Thái Hiền	17/06/1998	*****9690	Xuất sắc	NT01.14.4662
209	01HCM.1.0214	Dương Văn Hiền	05/07/1976	*****0604	Xuất sắc	NT01.14.4663
210	01HCM.1.0215	Cao Sỹ Hiệp	17/10/1983	*****0042	Xuất sắc	NT01.14.4664
211	01HCM.1.0216	Lê Công Hiếu	01/02/1986	*****3190	Xuất sắc	NT01.14.4665

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
212	01HCM.1.0217	Lưu Đức Hiếu	11/12/1994	*****2133	Giỏi	NT01.14.4666
213	01HCM.1.0218	Ngô Lâm Hiếu	12/03/1997	*****8440	Khá	NT01.14.4667
214	01HCM.1.0219	Bùi Mạnh Hiếu	11/09/1991	*****5829	Xuất sắc	NT01.14.4668
215	01HCM.1.0220	Nguyễn Minh Hiếu	08/10/1999	*****0177	Giỏi	NT01.14.4669
216	01HCM.1.0221	Bùi Thị Hiếu	16/05/1980	*****8374	Xuất sắc	NT01.14.4670
217	01HCM.1.0222	Nguyễn Văn Hiếu	10/11/1986	*****4914	Khá	NT01.14.4671
218	01HCM.1.0223	Vũ Văn Hiếu	26/09/1997	*****2716	Xuất sắc	NT01.14.4672
219	01HCM.1.0224	Lê Văn Hiếu	10/10/1983	*****2102	Xuất sắc	NT01.14.4673
220	01HCM.1.0225	Nguyễn Phi Hồ	08/03/1978	*****1949	Giỏi	NT01.14.4674
221	01HCM.1.0226	Nguyễn Thị Hồng Hoa	16/04/1977	*****9474	Xuất sắc	NT01.14.4675
222	01HCM.1.0227	Lê Thị Ngọc Hoa	20/10/1985	*****0797	Xuất sắc	NT01.14.4676
223	01HCM.1.0228	Hồ Thị Hoa	13/08/1986	*****6604	Khá	NT01.14.4677
224	01HCM.1.0229	Đỗ Kiều Hòa	04/02/1984	*****2188	Khá	NT01.14.4678
225	01HCM.1.0230	Sử Ngọc Hòa	05/09/1979	*****8844	Giỏi	NT01.14.4679
226	01HCM.1.0231	Nguyễn Quốc Hòa	01/01/1989	*****8460	Xuất sắc	NT01.14.4680
227	01HCM.1.0232	Nguyễn Thị Hoài	14/03/1995	*****2999	Xuất sắc	NT01.14.4681
228	01HCM.1.0233	Dương Thị Thu Hoài	01/06/1996	*****8719	Xuất sắc	NT01.14.4682
229	01HCM.1.0234	Thạch Bảo Hoàng	01/04/1980	*****8337	Xuất sắc	NT01.14.4683
230	01HCM.1.0235	Nguyễn Huy Hoàng	31/01/1985	*****8518	Giỏi	NT01.14.4684
231	01HCM.1.0236	Nguyễn Huy Hoàng	06/04/1982	*****9729	Xuất sắc	NT01.14.4685
232	01HCM.1.0237	Nguyễn Phan Huy Hoàng	20/01/1999	*****9491	Xuất sắc	NT01.14.4686
233	01HCM.1.0238	Nguyễn Lê Hoàng	10/10/1988	*****4908	Xuất sắc	NT01.14.4687
234	01HCM.1.0239	Bùi Minh Hoàng	12/08/1986	*****9501	Xuất sắc	NT01.14.4688
235	01HCM.1.0240	Nguyễn Minh Hoàng	27/10/1983	*****7357	Xuất sắc	NT01.14.4689

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
236	01HCM.1.0241	Nguyễn Minh Hoàng	27/03/1999	*****8776	Xuất sắc	NT01.14.4690
237	01HCM.1.0242	Nguyễn Thanh Hoàng	27/07/1984	*****0387	Xuất sắc	NT01.14.4691
238	01HCM.1.0243	Vũ Tuyên Hoàng	09/01/1992	*****0877	Xuất sắc	NT01.14.4692
239	01HCM.1.0244	Trương Việt Hoàng	11/05/1999	*****5080	Xuất sắc	NT01.14.4693
240	01HCM.1.0245	Doãn Bá Hội	01/10/1978	*****0552	Giỏi	NT01.14.4694
241	01HCM.1.0246	Nguyễn Bá Hội	10/04/1984	*****0226	Xuất sắc	NT01.14.4695
242	01HCM.1.0247	Trần Thị Bích Hồng	02/01/1985	*****2404	Giỏi	NT01.14.4696
243	01HCM.1.0248	Nguyễn Thị Hồng	01/05/1992	*****8540	Xuất sắc	NT01.14.4697
244	01HCM.1.0249	Trần Thị Hồng	03/05/1978	*****7909	Xuất sắc	NT01.14.4698
245	01HCM.1.0250	Lê Thị Thúy Hồng	06/08/1982	*****5411	Giỏi	NT01.14.4699
246	01HCM.1.0251	Trương Trần Hoàng Huân	12/10/1974	*****4816	Giỏi	NT01.14.4700
247	01HCM.1.0252	Bùi Sỹ Huân	18/09/1996	*****7100	Khá	NT01.14.4701
248	01HCM.1.0253	Lê Thị Huệ	30/06/2000	*****7519	Xuất sắc	NT01.14.4702
249	01HCM.1.0254	Nguyễn Thị Huệ	06/08/1980	*****6908	Xuất sắc	NT01.14.4703
250	01HCM.1.0255	Trương Thị Huệ	10/08/1976	*****8340	Xuất sắc	NT01.14.4704
251	01HCM.1.0256	Nguyễn Kim Hùng	29/10/1966	*****9297	Xuất sắc	NT01.14.4705
252	01HCM.1.0257	Lâm Mạnh Hùng	26/08/1999	*****1401	Khá	NT01.14.4706
253	01HCM.1.0258	Nguyễn Minh Hùng	28/02/1978	*****0238	Xuất sắc	NT01.14.4707
254	01HCM.1.0259	Huỳnh Ngọc Hùng	19/05/1978	*****3271	Xuất sắc	NT01.14.4708
255	01HCM.1.0260	Nguyễn Quốc Hùng	08/10/1980	*****2587	Xuất sắc	NT01.14.4709
256	01HCM.1.0261	Thạch Thái Hùng	03/09/1974	*****7189	Xuất sắc	NT01.14.4710
257	01HCM.1.0262	Đặng Văn Hùng	19/08/1996	*****0848	Xuất sắc	NT01.14.4711
258	01HCM.1.0263	Đỗ Lê Hưng	06/03/1995	*****0326	Giỏi	NT01.14.4712
259	01HCM.1.0264	Nguyễn Quang Hưng	04/09/1987	*****0164	Khá	NT01.14.4713

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
260	01HCM.1.0265	Trần Quang Hưng	14/11/1986	*****4429	Xuất sắc	NT01.14.4714
261	01HCM.1.0266	Lê Hoàng Thế Hưng	27/08/1997	*****1400	Xuất sắc	NT01.14.4715
262	01HCM.1.0267	Trần Văn Hưng	14/01/1981	*****1579	Xuất sắc	NT01.14.4716
263	01HCM.1.0269	Huỳnh Thị Hồng Hương	11/12/2001	*****4970	Xuất sắc	NT01.14.4717
264	01HCM.1.0270	Lê Thị Lệ Hương	01/01/1985	*****0645	Xuất sắc	NT01.14.4718
265	01HCM.1.0271	Lữ Thị Mộng Hương	13/02/1990	*****8290	Khá	NT01.14.4719
266	01HCM.1.0272	Cao Thị Mỹ Hương	27/08/1977	*****7598	Giỏi	NT01.14.4720
267	01HCM.1.0273	Nguyễn Thị Mỹ Hương	05/05/1986	*****1862	Khá	NT01.14.4721
268	01HCM.1.0274	Võ Quỳnh Hương	16/03/1996	*****3884	Giỏi	NT01.14.4722
269	01HCM.1.0275	Nguyễn Thị Thanh Hương	06/12/1986	*****7513	Giỏi	NT01.14.4723
270	01HCM.1.0276	Trần Thị Thiên Hương	23/08/1999	*****5272	Giỏi	NT01.14.4724
271	01HCM.1.0277	Hách Thị Hường	14/03/1993	*****5392	Xuất sắc	NT01.14.4725
272	01HCM.1.0278	Phạm Văn Hường	06/05/1993	*****6108	Xuất sắc	NT01.14.4726
273	01HCM.1.0279	Nguyễn Bá Hữu	30/03/1985	*****5785	Giỏi	NT01.14.4727
274	01HCM.1.0280	Trần Đức Huy	02/01/2001	*****0763	Xuất sắc	NT01.14.4728
275	01HCM.1.0281	Tạ Hoàng Huy	02/11/1996	*****4022	Xuất sắc	NT01.14.4729
276	01HCM.1.0282	Bùi Khắc Huy	17/12/1977	*****8148	Xuất sắc	NT01.14.4730
277	01HCM.1.0283	Huỳnh Ngọc Huy	01/03/1985	*****5009	Xuất sắc	NT01.14.4731
278	01HCM.1.0284	Phạm Quang Huy	01/02/1999	*****1482	Xuất sắc	NT01.14.4732
279	01HCM.1.0285	Phan Quốc Huy	06/06/1991	*****7662	Xuất sắc	NT01.14.4733
280	01HCM.1.0286	Tổng Vũ Quốc Huy	01/07/1978	*****9014	Xuất sắc	NT01.14.4734
281	01HCM.1.0287	Trần Quốc Huy	17/11/1996	*****0595	Xuất sắc	NT01.14.4735
282	01HCM.1.0288	Nguyễn Văn Huy	02/10/1976	*****2664	Xuất sắc	NT01.14.4736
283	01HCM.1.0289	Nguyễn Thị Yến Huy	05/06/1985	*****1051	Khá	NT01.14.4737

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
284	01HCM.1.0290	Nguyễn Thị Mộng Huyền	30/04/1991	*****8876	Xuất sắc	NT01.14.4738
285	01HCM.1.0291	Ngô Thị Thanh Huyền	27/05/1983	*****6351	Xuất sắc	NT01.14.4739
286	01HCM.1.0292	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/06/1989	*****8780	Xuất sắc	NT01.14.4740
287	01HCM.1.0293	Nguyễn Thị Huyền	02/10/1971	*****2212	Xuất sắc	NT01.14.4741
288	01HCM.1.0294	Trần Thị Huyền	27/08/1982	*****1318	Xuất sắc	NT01.14.4742
289	01HCM.1.0295	Điền Hà Thu Huyền	13/07/2000	*****3953	Xuất sắc	NT01.14.4743
290	01HCM.1.0296	Vũ Văn Huyền	10/10/1981	*****0666	Xuất sắc	NT01.14.4744
291	01HCM.1.0297	Nguyễn Tiến Huỳnh	25/05/1986	*****3341	Khá	NT01.14.4745
292	01HCM.1.0298	Hứa Tấn Khải	15/12/1990	*****2773	Xuất sắc	NT01.14.4746
293	01HCM.1.0299	Nguyễn Đắc Khang	08/11/1991	*****2111	Xuất sắc	NT01.14.4747
294	01HCM.1.0300	Nguyễn Hồng Duy Khang	27/01/1997	*****2334	Giỏi	NT01.14.4748
295	01HCM.1.0301	Nguyễn Lữ Kỳ Khang	09/06/2000	*****8520	Giỏi	NT01.14.4749
296	01HCM.1.0302	Trần Minh Khang	15/02/1993	*****3396	Xuất sắc	NT01.14.4750
297	01HCM.1.0303	Trương Đình Nguyên Khang	29/11/2000	*****0054	Xuất sắc	NT01.14.4751
298	01HCM.1.0304	Nguyễn Lưu Vĩnh Khang	16/08/1993	*****6417	Xuất sắc	NT01.14.4752
299	01HCM.1.0305	Lê Vương Khang	16/11/1994	*****2490	Khá	NT01.14.4753
300	01HCM.1.0306	Nguyễn Tuấn Khanh	03/02/1994	*****5468	Xuất sắc	NT01.14.4754
301	01HCM.1.0307	Hồ Thị Kim Khánh	02/09/1983	*****3156	Xuất sắc	NT01.14.4755
302	01HCM.1.0308	Phạm Phương Khánh	16/09/1986	*****0856	Xuất sắc	NT01.14.4756
303	01HCM.1.0309	Nguyễn Văn Khánh	10/12/1981	*****8864	Xuất sắc	NT01.14.4757
304	01HCM.1.0310	Nguyễn An Bửu Khiêm	01/08/1985	*****6012	Xuất sắc	NT01.14.4758
305	01HCM.1.0311	Phạm Hoàng Khiêm	15/06/1988	*****0053	Xuất sắc	NT01.14.4759
306	01HCM.1.0312	Lai Trịnh Anh Khoa	16/02/1987	*****3199	Xuất sắc	NT01.14.4760

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
307	01HCM.1.0313	Lê Anh Khoa	16/05/1995	*****9652	Xuất sắc	NT01.14.4761
308	01HCM.1.0314	Nguyễn Đăng Anh Khoa	09/07/1996	*****5262	Xuất sắc	NT01.14.4762
309	01HCM.1.0315	Trần Lê Anh Khoa	23/04/1995	*****8629	Giỏi	NT01.14.4763
310	01HCM.1.0316	Võ Anh Khoa	08/09/1989	*****0341	Xuất sắc	NT01.14.4764
311	01HCM.1.0317	Nguyễn Võ Đăng Khoa	23/06/2001	*****8801	Xuất sắc	NT01.14.4765
312	01HCM.1.0318	Nguyễn Đoàn Minh Khoa	07/10/1999	*****0110	Xuất sắc	NT01.14.4766
313	01HCM.1.0319	Lê Duy Khôi	09/03/2000	*****9649	Xuất sắc	NT01.14.4767
314	01HCM.1.0320	Cao Hồng Khởi	18/03/2002	*****4481	Xuất sắc	NT01.14.4768
315	01HCM.1.0321	Châu Phạm Khuê	28/06/1996	*****0448	Xuất sắc	NT01.14.4769
316	01HCM.1.0322	Võ Nhật Khương	13/05/1984	*****0097	Giỏi	NT01.14.4770
317	01HCM.1.0323	Đào Trọng Kiên	21/10/1976	*****3825	Xuất sắc	NT01.14.4771
318	01HCM.1.0324	Võ Tấn Anh Kiệt	12/06/1976	*****2219	Xuất sắc	NT01.14.4772
319	01HCM.1.0325	Trương Quốc Kiệt	15/08/1996	*****6315	Xuất sắc	NT01.14.4773
320	01HCM.1.0326	Trần Thị Diễm Kiều	01/09/1990	*****3167	Xuất sắc	NT01.14.4774
321	01HCM.1.0327	Trần Thị Thuý Kiều	04/06/1989	*****0620	Xuất sắc	NT01.14.4775
322	01HCM.1.0328	Tạ Hoàn Kim	13/11/1995	*****0961	Giỏi	NT01.14.4776
323	01HCM.1.0329	Nguyễn Thành Kính	05/05/1993	*****4377	Xuất sắc	NT01.14.4777
324	01HCM.1.0330	Trương Thế Kỳ	17/11/1987	*****2412	Giỏi	NT01.14.4778
325	01HCM.1.0331	Tạ Bảo Lâm	30/06/1982	*****0038	Giỏi	NT01.14.4779
326	01HCM.1.0332	Phạm Cao Lâm	16/11/1994	*****2425	Giỏi	NT01.14.4780
327	01HCM.1.0333	Nguyễn Hoàng Lâm	07/10/1987	*****8507	Xuất sắc	NT01.14.4781
328	01HCM.1.0334	Nguyễn Hồng Lâm	22/09/1986	*****9395	Xuất sắc	NT01.14.4782
329	01HCM.1.0335	Nguyễn Thanh Lâm	04/08/1986	*****3747	Giỏi	NT01.14.4783
330	01HCM.1.0336	Nguyễn Văn Lâm	01/01/1990	*****4470	Giỏi	NT01.14.4784

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
331	01HCM.1.0337	Chu Thị Kim Lan	25/11/1982	*****0796	Xuất sắc	NT01.14.4785
332	01HCM.1.0338	Lưu Mai Lan	01/05/1999	*****8107	Xuất sắc	NT01.14.4786
333	01HCM.1.0339	Phạm Thị Ngọc Lan	25/07/2000	*****6486	Xuất sắc	NT01.14.4787
334	01HCM.1.0340	Phạm Thị Quỳnh Lan	08/11/1969	*****6518	Xuất sắc	NT01.14.4788
335	01HCM.1.0341	Hồ Thị Lan	08/08/2000	*****0820	Xuất sắc	NT01.14.4789
336	01HCM.1.0342	Nguyễn Thị Lan	16/07/1993	*****8203	Xuất sắc	NT01.14.4790
337	01HCM.1.0343	Bùi Ngọc Lân	17/04/1998	*****9812	Trung bình	NT01.14.4791
338	01HCM.1.0344	Nguyễn Văn Lành	24/09/1987	*****5055	Xuất sắc	NT01.14.4792
339	01HCM.1.0345	Đinh Hoàng Lê	31/01/1975	*****3618	Xuất sắc	NT01.14.4793
340	01HCM.1.0346	Trần Thị Như Lê	10/12/1982	*****5136	Khá	NT01.14.4794
341	01HCM.1.0347	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	20/06/1992	*****0252	Khá	NT01.14.4795
342	01HCM.1.0348	Hồ Văn Lân	20/02/1992	*****7724	Xuất sắc	NT01.14.4796
343	01HCM.1.0349	Huỳnh Thanh Liêm	23/08/1984	*****8332	Xuất sắc	NT01.14.4797
344	01HCM.1.0350	Đặng Kim Liên	08/09/1991	*****0750	Xuất sắc	NT01.14.4798
345	01HCM.1.0351	Nguyễn Thị Như Liên	15/05/1974	*****0159	Khá	NT01.14.4799
346	01HCM.1.0352	Lường Thị Bích Linh	29/05/1998	*****1700	Xuất sắc	NT01.14.4800
347	01HCM.1.0353	Nguyễn Thị Diệu Linh	22/07/1985	*****6050	Khá	NT01.14.4801
348	01HCM.1.0354	Trương Xuân Hà Linh	24/11/1996	*****9484	Xuất sắc	NT01.14.4802
349	01HCM.1.0355	Mai Hoàng Linh	15/09/1992	*****0606	Giỏi	NT01.14.4803
350	01HCM.1.0356	Phan Khánh Linh	21/03/1997	*****7538	Xuất sắc	NT01.14.4804
351	01HCM.1.0357	Lê Tấn Linh	06/09/1992	*****6816	Xuất sắc	NT01.14.4805
352	01HCM.1.0358	Hồ Hoàng Thảo Linh	15/08/1990	*****1164	Xuất sắc	NT01.14.4806
353	01HCM.1.0359	Văn Thị Thuý Linh	12/09/1982	*****4038	Xuất sắc	NT01.14.4807
354	01HCM.1.0360	Đặng Văn Linh	10/12/1991	*****6921	Giỏi	NT01.14.4808

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
355	01HCM.1.0361	Trần Việt Linh	03/04/1992	*****6255	Giỏi	NT01.14.4809
356	01HCM.1.0362	Võ Thị Kim Loan	20/02/1976	*****7249	Xuất sắc	NT01.14.4810
357	01HCM.1.0363	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	15/02/1976	*****3034	Giỏi	NT01.14.4811
358	01HCM.1.0364	Phạm Thị Diễm Lộc	14/03/1981	*****0224	Xuất sắc	NT01.14.4812
359	01HCM.1.0365	Tổng Phước Lộc	09/09/1997	*****3224	Xuất sắc	NT01.14.4813
360	01HCM.1.0366	Huỳnh Tấn Lộc	25/01/1998	*****9781	Xuất sắc	NT01.14.4814
361	01HCM.1.0367	Lâm Tấn Lộc	27/09/1993	*****3290	Xuất sắc	NT01.14.4815
362	01HCM.1.0368	Trần Tiến Lộc	08/02/1990	*****9971	Xuất sắc	NT01.14.4816
363	01HCM.1.0369	Nguyễn Khắc Lợi	12/02/1986	*****4546	Xuất sắc	NT01.14.4817
364	01HCM.1.0370	Nguyễn Hoàng Thuận Lợi	28/05/1994	*****1470	Xuất sắc	NT01.14.4818
365	01HCM.1.0371	Vũ Hải Long	22/10/1982	*****6127	Khá	NT01.14.4819
366	01HCM.1.0372	Lê Hoàng Long	22/12/1985	*****5858	Xuất sắc	NT01.14.4820
367	01HCM.1.0373	Nguyễn Hoàng Long	28/08/1988	*****2032	Giỏi	NT01.14.4821
368	01HCM.1.0374	Thái Hoàng Long	12/08/1996	*****3850	Khá	NT01.14.4822
369	01HCM.1.0375	Nguyễn Ngọc Huỳnh Long	19/05/1980	*****0046	Khá	NT01.14.4823
370	01HCM.1.0376	Hoàng Ngọc Long	20/06/1991	*****3214	Giỏi	NT01.14.4824
371	01HCM.1.0377	Huỳnh Quốc Long	16/03/1974	*****3328	Xuất sắc	NT01.14.4825
372	01HCM.1.0379	Nguyễn Thành Long	06/06/1981	*****0184	Xuất sắc	NT01.14.4826
373	01HCM.1.0380	Lê Xuân Long	26/05/1987	*****5716	Xuất sắc	NT01.14.4827
374	01HCM.1.0381	Tiêu Trọng Minh Luân	04/09/1988	*****1616	Xuất sắc	NT01.14.4828
375	01HCM.1.0382	Đinh Quang Luân	12/12/1992	*****1439	Xuất sắc	NT01.14.4829
376	01HCM.1.0383	Đặng Vũ Luân	16/10/1999	*****1196	Khá	NT01.14.4830
377	01HCM.1.0384	Nguyễn Quốc Luận	08/02/1978	*****4987	Giỏi	NT01.14.4831
378	01HCM.1.0385	Huỳnh Văn Luận	18/01/1980	*****0317	Xuất sắc	NT01.14.4832

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
379	01HCM.1.0386	Từ Thị Hồng Ly	20/04/1980	*****0429	Xuất sắc	NT01.14.4833
380	01HCM.1.0387	Nguyễn Khánh Ly	15/08/1990	*****6463	Xuất sắc	NT01.14.4834
381	01HCM.1.0388	Phạm Thị Ly	06/03/1987	*****1044	Khá	NT01.14.4835
382	01HCM.1.0389	Trương Minh Lý	13/08/1989	*****3821	Xuất sắc	NT01.14.4836
383	01HCM.1.0390	Từ Khánh Mai	26/12/2002	*****0136	Xuất sắc	NT01.14.4837
384	01HCM.1.0391	Huỳnh Thị Ngọc Mai	01/11/1987	*****7940	Xuất sắc	NT01.14.4838
385	01HCM.1.0392	Trần Phương Mai	15/01/1989	*****3051	Xuất sắc	NT01.14.4839
386	01HCM.1.0393	Nguyễn Thanh Mai	27/10/1983	*****9691	Giỏi	NT01.14.4840
387	01HCM.1.0394	Phạm Thị Thanh Mai	02/09/1996	*****7462	Khá	NT01.14.4841
388	01HCM.1.0395	Trần Thị Trúc Mai	09/12/1984	*****1995	Khá	NT01.14.4842
389	01HCM.1.0396	Nguyễn Thị Tuyết Mai	20/10/1986	*****7659	Khá	NT01.14.4843
390	01HCM.1.0397	Phạm Thị Xuân Mai	29/12/1989	*****3704	Xuất sắc	NT01.14.4844
391	01HCM.1.0398	Hồ Văn Mãi	18/03/1991	*****4028	Xuất sắc	NT01.14.4845
392	01HCM.1.0399	Nguyễn Thị Mến	03/10/1986	*****5322	Giỏi	NT01.14.4846
393	01HCM.1.0400	Nguyễn Đại Anh Minh	05/03/1990	*****0046	Xuất sắc	NT01.14.4847
394	01HCM.1.0401	Lê Bình Minh	22/04/1982	*****0100	Xuất sắc	NT01.14.4848
395	01HCM.1.0402	Phạm Thanh Hải Minh	15/05/1982	*****2194	Xuất sắc	NT01.14.4849
396	01HCM.1.0403	Phạm Hoàng Minh	22/01/1981	*****0259	Trung bình	NT01.14.4850
397	01HCM.1.0404	Trương Ngọc Minh	21/05/1984	*****8663	Xuất sắc	NT01.14.4851
398	01HCM.1.0405	Dương Quang Minh	29/05/1982	*****9294	Giỏi	NT01.14.4852
399	01HCM.1.0406	Ngô Quang Minh	07/09/1994	*****7621	Xuất sắc	NT01.14.4853
400	01HCM.1.0407	Cao Thị Thanh Minh	12/01/1976	*****7300	Xuất sắc	NT01.14.4854
401	01HCM.1.0408	Phạm Xuân Minh	22/12/1989	*****5581	Xuất sắc	NT01.14.4855
402	01HCM.1.0409	Đoàn Thanh Mộng	16/06/1987	*****8722	Xuất sắc	NT01.14.4856

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
403	01HCM.1.0410	Nguyễn Văn Mười Một	04/05/1976	*****0453	Xuất sắc	NT01.14.4857
404	01HCM.1.0411	Kiều Thị Trà My	19/07/1987	*****9032	Xuất sắc	NT01.14.4858
405	01HCM.1.0412	Nguyễn Lê Hoàn Mỹ	20/05/1990	*****0020	Giỏi	NT01.14.4859
406	01HCM.1.0413	Nguyễn Hoài Nam	20/09/1977	*****0202	Xuất sắc	NT01.14.4860
407	01HCM.1.0414	Nguyễn Hoàng Nam	20/10/1997	*****6101	Giỏi	NT01.14.4861
408	01HCM.1.0415	Nguyễn Phương Nam	16/02/1985	*****3402	Khá	NT01.14.4862
409	01HCM.1.0416	Nguyễn Phương Nam	11/07/1971	*****1372	Khá	NT01.14.4863
410	01HCM.1.0417	Nguyễn Thị Bích Nga	06/02/1978	*****3407	Giỏi	NT01.14.4864
411	01HCM.1.0418	Trần Thị Thanh Nga	31/07/1982	*****2618	Xuất sắc	NT01.14.4865
412	01HCM.1.0419	Đào Thị Nga	24/04/1985	*****1986	Xuất sắc	NT01.14.4866
413	01HCM.1.0420	Phạm Thị Nga	15/05/1987	*****0516	Xuất sắc	NT01.14.4867
414	01HCM.1.0421	Nguyễn Tuyết Nga	28/11/1995	*****8098	Xuất sắc	NT01.14.4868
415	01HCM.1.0422	Bùi Ái Ngân	08/05/1988	*****5496	Xuất sắc	NT01.14.4869
416	01HCM.1.0423	Lê Thị Thảo Ngân	08/06/1988	*****6429	Xuất sắc	NT01.14.4870
417	01HCM.1.0424	Trần Thị Tuyết Ngân	27/05/2002	*****8627	Xuất sắc	NT01.14.4871
418	01HCM.1.0425	Nguyễn Hồng Xuân Ngân	02/12/2001	*****9897	Xuất sắc	NT01.14.4872
419	01HCM.1.0426	Lê Đình Nghi	18/11/1990	*****6456	Xuất sắc	NT01.14.4873
420	01HCM.1.0427	Nguyễn Đức Nghĩa	09/10/1979	*****5327	Xuất sắc	NT01.14.4874
421	01HCM.1.0428	Mai Hồ Nghĩa	17/09/1989	*****5173	Xuất sắc	NT01.14.4875
422	01HCM.1.0429	Đoàn Hữu Nghĩa	14/12/2001	*****8959	Xuất sắc	NT01.14.4876
423	01HCM.1.0430	Thạch Hữu Nghĩa	22/09/1978	*****1348	Xuất sắc	NT01.14.4877
424	01HCM.1.0431	Trương Thành Nghĩa	01/01/1990	*****1969	Giỏi	NT01.14.4878
425	01HCM.1.0432	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	29/09/1997	*****5714	Xuất sắc	NT01.14.4879
426	01HCM.1.0433	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/12/1985	*****3738	Xuất sắc	NT01.14.4880

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
427	01HCM.1.0434	Vũ Bích Ngọc	02/03/1986	*****0762	Giỏi	NT01.14.4881
428	01HCM.1.0435	Đậu Công Ngọc	13/09/1980	*****7608	Xuất sắc	NT01.14.4882
429	01HCM.1.0436	Nguyễn Thị Hoài Ngọc	09/08/1989	*****0463	Khá	NT01.14.4883
430	01HCM.1.0437	Huỳnh Thị Như Ngọc	10/07/1989	*****4485	Xuất sắc	NT01.14.4884
431	01HCM.1.0438	Nguyễn Phương Ngọc	03/08/1991	*****6699	Xuất sắc	NT01.14.4885
432	01HCM.1.0439	Nguyễn Quang Ngọc	11/07/1984	*****7785	Xuất sắc	NT01.14.4886
433	01HCM.1.0440	Ngô Tấn Ngọc	08/04/1977	*****9833	Xuất sắc	NT01.14.4887
434	01HCM.1.0441	Trần Văn Ngọc	19/05/1990	*****3574	Xuất sắc	NT01.14.4888
435	01HCM.1.0442	Lê Cao Nguyên	10/06/1991	*****0589	Xuất sắc	NT01.14.4889
436	01HCM.1.0443	Trương Công Nguyên	19/04/2001	*****5414	Xuất sắc	NT01.14.4890
437	01HCM.1.0444	Trương Công Nguyên	06/09/1985	*****0206	Khá	NT01.14.4891
438	01HCM.1.0445	Phạm Đức Nguyên	24/02/1984	*****0252	Xuất sắc	NT01.14.4892
439	01HCM.1.0446	Lâm Hoàng Nguyên	10/08/1978	*****7390	Khá	NT01.14.4893
440	01HCM.1.0447	Trần Nhật Nguyên	01/01/1994	*****6703	Giỏi	NT01.14.4894
441	01HCM.1.0448	Nguyễn Phúc Nguyên	04/03/1997	*****4737	Trung bình	NT01.14.4895
442	01HCM.1.0449	Hồ Thụy Thảo Nguyên	14/10/1984	*****6606	Xuất sắc	NT01.14.4896
443	01HCM.1.0450	Nguyễn Trọng Nguyên	14/08/1996	*****7044	Xuất sắc	NT01.14.4897
444	01HCM.1.0451	Lâm Hà Trúc Nguyên	22/12/1990	*****0481	Xuất sắc	NT01.14.4898
445	01HCM.1.0452	Lý Trường Nguyên	27/10/1976	*****9880	Giỏi	NT01.14.4899
446	01HCM.1.0453	Hoàng Trần Minh Nguyệt	30/08/1987	*****7363	Giỏi	NT01.14.4900
447	01HCM.1.0454	Nguyễn Thị Nguyệt	14/08/1990	*****8959	Xuất sắc	NT01.14.4901
448	01HCM.1.0455	Nguyễn Đoan Nhã	29/07/1989	*****1570	Xuất sắc	NT01.14.4902
449	01HCM.1.0456	Trần Hữu Nhã	25/09/1991	*****8544	Xuất sắc	NT01.14.4903
450	01HCM.1.0457	Nguyễn Quang Nhã	09/01/1981	*****8552	Xuất sắc	NT01.14.4904

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
451	01HCM.1.0459	Nguyễn Thành Nhân	20/01/1991	*****2647	Xuất sắc	NT01.14.4905
452	01HCM.1.0460	Nguyễn Thị Thảo Nhân	12/09/1990	*****0410	Xuất sắc	NT01.14.4906
453	01HCM.1.0461	Bồ Trọng Nhân	18/01/1975	*****1359	Xuất sắc	NT01.14.4907
454	01HCM.1.0463	Trương Châu Nhật	12/07/1991	*****0477	Xuất sắc	NT01.14.4908
455	01HCM.1.0464	Hồ Thị Minh Nhật	27/01/1988	*****3909	Xuất sắc	NT01.14.4909
456	01HCM.1.0465	Trương Vũ Quang Nhật	01/03/1979	*****4849	Xuất sắc	NT01.14.4910
457	01HCM.1.0466	Trần Tuyết Nhi	01/01/2001	*****9632	Xuất sắc	NT01.14.4911
458	01HCM.1.0467	Nguyễn Vương Nhi	19/04/1990	*****0026	Xuất sắc	NT01.14.4912
459	01HCM.1.0468	Dương Yến Nhi	27/10/1995	*****2644	Xuất sắc	NT01.14.4913
460	01HCM.1.0469	Đinh Long Nhiệm	05/01/1982	*****6149	Xuất sắc	NT01.14.4914
461	01HCM.1.0470	Châu Thành Nhiên	29/12/1977	*****0460	Xuất sắc	NT01.14.4915
462	01HCM.1.0471	Lữ Thị Hồng Như	21/12/1990	*****2463	Xuất sắc	NT01.14.4916
463	01HCM.1.0472	Mai Ngọc Như	28/05/2003	*****8164	Khá	NT01.14.4917
464	01HCM.1.0473	Lê Quỳnh Như	12/03/1978	*****0021	Xuất sắc	NT01.14.4918
465	01HCM.1.0474	Hồ Thị Hồng Nhung	16/11/1975	*****7939	Xuất sắc	NT01.14.4919
466	01HCM.1.0475	Lê Nữ Hồng Nhung	23/08/1976	*****5171	Xuất sắc	NT01.14.4920
467	01HCM.1.0476	Phạm Hồng Nhung	28/09/1984	*****1879	Xuất sắc	NT01.14.4921
468	01HCM.1.0477	Tô Trần Hồng Nhung	18/02/1998	*****9573	Khá	NT01.14.4922
469	01HCM.1.0478	Trần Thị Ngọc Nhung	09/03/1992	*****2762	Xuất sắc	NT01.14.4923
470	01HCM.1.0479	Nguyễn Dương Tuyết Nhung	01/01/1989	*****1699	Xuất sắc	NT01.14.4924
471	01HCM.1.0480	Trần Minh Nhựt	01/08/1999	*****5241	Khá	NT01.14.4925
472	01HCM.1.0481	La Thị Mỹ Nương	01/12/1989	*****2152	Xuất sắc	NT01.14.4926
473	01HCM.1.0482	Hứa Hoàng Oanh	08/11/1980	*****0460	Xuất sắc	NT01.14.4927

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
474	01HCM.1.0483	Hà Thị Kim Oanh	09/05/1976	*****7197	Xuất sắc	NT01.14.4928
475	01HCM.1.0484	Phan Thị Kim Oanh	11/02/2002	*****8014	Giỏi	NT01.14.4929
476	01HCM.1.0485	Vương Thị Oanh Oanh	05/01/1973	*****3432	Xuất sắc	NT01.14.4930
477	01HCM.1.0486	Trần Thị Oanh	16/05/2000	*****5640	Giỏi	NT01.14.4931
478	01HCM.1.0487	Võ Thị Châu Pha	27/07/1988	*****4234	Xuất sắc	NT01.14.4932
479	01HCM.1.0488	Lê Pháp	23/09/1995	*****0126	Xuất sắc	NT01.14.4933
480	01HCM.1.0489	Phạm Thế Pháp	24/04/1974	*****3985	Xuất sắc	NT01.14.4934
481	01HCM.1.0490	Nguyễn Thành Phát	28/11/1988	*****9538	Xuất sắc	NT01.14.4935
482	01HCM.1.0491	Đỗ Văn Phép	16/03/1998	*****8471	Khá	NT01.14.4936
483	01HCM.1.0492	Nguyễn Công Phi	18/10/1976	*****3172	Giỏi	NT01.14.4937
484	01HCM.1.0493	Nguyễn Quốc Phi	05/03/1993	*****0612	Xuất sắc	NT01.14.4938
485	01HCM.1.0494	Lê Trần Lam Phim	03/11/1993	*****8378	Xuất sắc	NT01.14.4939
486	01HCM.1.0495	Chung Cao Phong	23/10/1986	*****1270	Giỏi	NT01.14.4940
487	01HCM.1.0496	Nguyễn Hoàng Phong	16/05/1986	*****4747	Giỏi	NT01.14.4941
488	01HCM.1.0497	Huỳnh Phong	02/11/1978	*****2670	Xuất sắc	NT01.14.4942
489	01HCM.1.0498	Ngô Quang Phong	08/11/1999	*****0124	Giỏi	NT01.14.4943
490	01HCM.1.0499	Lê Huy Phu	06/02/1976	*****6156	Xuất sắc	NT01.14.4944
491	01HCM.1.0500	Trần Như Phú	10/01/1998	*****0951	Giỏi	NT01.14.4945
492	01HCM.1.0501	Lê Sang Thiên Phú	03/11/1993	*****0034	Xuất sắc	NT01.14.4946
493	01HCM.1.0502	Ngô Trọng Phú	10/04/1979	*****2126	Xuất sắc	NT01.14.4947
494	01HCM.1.0503	Lê Nguyễn Hoàng Phúc	03/05/1997	*****5055	Xuất sắc	NT01.14.4948
495	01HCM.1.0504	Nguyễn Hoàng Phúc	14/02/1995	*****0123	Giỏi	NT01.14.4949
496	01HCM.1.0505	Nguyễn Tài Phúc	21/10/1989	*****2080	Xuất sắc	NT01.14.4950
497	01HCM.1.0506	Trương Vĩnh Phúc	13/10/1995	*****0488	Xuất sắc	NT01.14.4951

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
498	01HCM.1.0507	Nguyễn Võ Phúc	19/06/1989	*****4047	Xuất sắc	NT01.14.4952
499	01HCM.1.0508	Trần Tấn Phùng	15/08/1976	*****2912	Xuất sắc	NT01.14.4953
500	01HCM.1.0509	Tiêu Kim Phụng	26/06/2000	*****9620	Khá	NT01.14.4954
501	01HCM.1.0510	Trần Kim Phụng	02/08/1992	*****8965	Giỏi	NT01.14.4955
502	01HCM.1.0511	Lương Văn Phụng	20/12/1974	*****8860	Xuất sắc	NT01.14.4956
503	01HCM.1.0512	Lê Đình Phước	28/02/1991	*****6623	Xuất sắc	NT01.14.4957
504	01HCM.1.0513	Phạm Đông Phước	17/11/1976	*****2259	Xuất sắc	NT01.14.4958
505	01HCM.1.0514	Nguyễn Hạnh Phước	05/02/1985	*****7425	Khá	NT01.14.4959
506	01HCM.1.0515	Phạm Thị Mỹ Phước	10/10/1985	*****3050	Giỏi	NT01.14.4960
507	01HCM.1.0516	Nguyễn Đông Phương	28/06/1988	*****2268	Xuất sắc	NT01.14.4961
508	01HCM.1.0517	Phan Hùng Phương	26/07/1996	*****1593	Xuất sắc	NT01.14.4962
509	01HCM.1.0518	Lê Thị Lan Phương	17/10/1986	*****9153	Giỏi	NT01.14.4963
510	01HCM.1.0519	Mai Thị Lan Phương	03/06/1987	*****9746	Xuất sắc	NT01.14.4964
511	01HCM.1.0520	Trương Lan Phương	17/05/1983	*****4409	Giỏi	NT01.14.4965
512	01HCM.1.0521	Trần Lê Phương	14/01/1965	*****9862	Xuất sắc	NT01.14.4966
513	01HCM.1.0522	Lê Minh Phương	06/02/1985	*****9896	Giỏi	NT01.14.4967
514	01HCM.1.0523	Hồ Ngọc Phương	29/05/1980	*****5238	Khá	NT01.14.4968
515	01HCM.1.0524	Lương Thanh Phương	17/08/1980	*****9188	Khá	NT01.14.4969
516	01HCM.1.0525	Lê Thị Phương	08/11/1990	*****0269	Xuất sắc	NT01.14.4970
517	01HCM.1.0526	Nguyễn Thị Trúc Phương	20/08/1987	*****2106	Giỏi	NT01.14.4971
518	01HCM.1.0527	Nguyễn Hoàng Tuấn Phương	04/01/1989	*****4823	Giỏi	NT01.14.4972
519	01HCM.1.0528	Đinh Văn Phương	12/01/1992	*****5118	Giỏi	NT01.14.4973
520	01HCM.1.0529	Trần Văn Phương	01/07/1985	*****0970	Xuất sắc	NT01.14.4974

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
521	01HCM.1.0530	Nguyễn Lê Yến Phương	02/11/1986	*****0443	Xuất sắc	NT01.14.4975
522	01HCM.1.0531	Bùi Thị Bích Phượng	28/08/1988	*****0151	Xuất sắc	NT01.14.4976
523	01HCM.1.0532	Trần Thị Linh Phượng	30/03/1986	*****8297	Giỏi	NT01.14.4977
524	01HCM.1.0533	Hà Thị Mỹ Phượng	11/09/1994	*****1218	Xuất sắc	NT01.14.4978
525	01HCM.1.0534	Trần Vĩ Phượng	17/06/1992	*****7325	Xuất sắc	NT01.14.4979
526	01HCM.1.0535	Lê Hồng Quân	22/12/1987	*****4113	Giỏi	NT01.14.4980
527	01HCM.1.0536	Đoàn Minh Quân	16/09/1991	*****2692	Xuất sắc	NT01.14.4981
528	01HCM.1.0537	Lâm Minh Quân	01/01/1992	*****6397	Giỏi	NT01.14.4982
529	01HCM.1.0538	Huỳnh Văn Quân	13/07/1991	*****5324	Xuất sắc	NT01.14.4983
530	01HCM.1.0539	Phùng Đức Quang	07/06/1983	*****9599	Xuất sắc	NT01.14.4984
531	01HCM.1.0540	Bùi Minh Quang	25/11/2001	*****0611	Khá	NT01.14.4985
532	01HCM.1.0541	Bùi Ngọc Quang	15/01/2000	*****4494	Xuất sắc	NT01.14.4986
533	01HCM.1.0542	Lê Hữu Nhật Quang	27/02/1991	*****8223	Xuất sắc	NT01.14.4987
534	01HCM.1.0543	Nguyễn Nhật Quang	02/01/2000	*****8656	Xuất sắc	NT01.14.4988
535	01HCM.1.0544	Nguyễn Thanh Quang	29/03/1979	*****8608	Xuất sắc	NT01.14.4989
536	01HCM.1.0545	Đặng Vũ Quang	26/04/1991	*****5147	Xuất sắc	NT01.14.4990
537	01HCM.1.0546	Bùi Thanh Quảng	09/08/1981	*****1389	Xuất sắc	NT01.14.4991
538	01HCM.1.0547	Nguyễn Khắc Quế	23/05/1983	*****2809	Khá	NT01.14.4992
539	01HCM.1.0548	Trần Thị Ngọc Quý	18/06/1993	*****4574	Xuất sắc	NT01.14.4993
540	01HCM.1.0549	Lâm Phú Quý	22/05/1991	*****3128	Xuất sắc	NT01.14.4994
541	01HCM.1.0550	Trần Huỳnh Quốc	26/10/1984	*****3381	Xuất sắc	NT01.14.4995
542	01HCM.1.0551	Trương Tấn Quốc	19/06/1965	*****4573	Khá	NT01.14.4996
543	01HCM.1.0552	Trần Thị Lệ Quyên	15/09/1985	*****4242	Xuất sắc	NT01.14.4997
544	01HCM.1.0553	Nguyễn Ngọc Quyên	03/07/1999	*****1521	Xuất sắc	NT01.14.4998

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
545	01HCM.1.0555	Lê Văn Quyên	20/01/1980	*****1571	Khá	NT01.14.4999
546	01HCM.1.0556	Phạm Như Quỳnh	17/11/1992	*****4536	Xuất sắc	NT01.14.5000
547	01HCM.1.0557	Lưu Hồ Xuân Quỳnh	29/11/1989	*****1445	Xuất sắc	NT01.14.5001
548	01HCM.1.0558	Trương Đăng Nguyên Sa	29/11/1986	*****0560	Xuất sắc	NT01.14.5002
549	01HCM.1.0559	Phạm Trường Sa	16/09/1984	*****3374	Xuất sắc	NT01.14.5003
550	01HCM.1.0560	Nguyễn Thị Ngọc Sạch	06/08/1991	*****8142	Xuất sắc	NT01.14.5004
551	01HCM.1.0561	Trần Ngọc Sâm	09/05/1984	*****0192	Giỏi	NT01.14.5005
552	01HCM.1.0562	Diệp Hoàng Sang	26/01/1989	*****3018	Giỏi	NT01.14.5006
553	01HCM.1.0563	Trương Xuân Sang	18/05/1999	*****3703	Khá	NT01.14.5007
554	01HCM.1.0564	Nguyễn Văn Sáng	25/04/1996	*****7038	Khá	NT01.14.5008
555	01HCM.1.0565	Hoàng Thị Y Sao	18/04/1991	*****3937	Xuất sắc	NT01.14.5009
556	01HCM.1.0566	Nguyễn Đình Sơn	15/08/1976	*****0011	Xuất sắc	NT01.14.5010
557	01HCM.1.0567	Lâm Giang Sơn	21/10/1983	*****4974	Xuất sắc	NT01.14.5011
558	01HCM.1.0568	Trần Hoàng Sơn	26/07/1996	*****1410	Khá	NT01.14.5012
559	01HCM.1.0569	Đoàn Ngọc Sơn	09/09/1992	*****8008	Khá	NT01.14.5013
560	01HCM.1.0571	Phạm Thế Sơn	26/04/1990	*****0289	Xuất sắc	NT01.14.5014
561	01HCM.1.0572	Phạm Tuấn Sơn	21/08/1995	*****1261	Xuất sắc	NT01.14.5015
562	01HCM.1.0573	Nguyễn Vũ Sơn	25/12/1986	*****5629	Khá	NT01.14.5016
563	01HCM.1.0574	Dương Văn Sự	08/02/1969	*****4242	Xuất sắc	NT01.14.5017
564	01HCM.1.0575	Lê Minh Sửu	20/12/1984	*****9902	Xuất sắc	NT01.14.5018
565	01HCM.1.0576	Nguyễn Chí Tài	24/11/1983	*****3428	Khá	NT01.14.5019
566	01HCM.1.0577	Nguyễn Tấn Tài	25/06/1995	*****6077	Khá	NT01.14.5020
567	01HCM.1.0578	Nguyễn Tiến Tài	06/01/1987	*****3978	Xuất sắc	NT01.14.5021
568	01HCM.1.0579	Lê Văn Tài	05/07/1997	*****1632	Xuất sắc	NT01.14.5022

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
569	01HCM.1.0580	Trần Xuân Tài	15/09/1981	*****0613	Xuất sắc	NT01.14.5023
570	01HCM.1.0581	Lê Đức Tâm	02/07/1981	*****2549	Xuất sắc	NT01.14.5024
571	01HCM.1.0582	Bùi Hoài Tâm	10/06/1987	*****3005	Xuất sắc	NT01.14.5025
572	01HCM.1.0583	Đặng Hữu Tâm	13/07/1980	*****6936	Xuất sắc	NT01.14.5026
573	01HCM.1.0584	Trương Hữu Tâm	14/04/1987	*****5365	Khá	NT01.14.5027
574	01HCM.1.0586	Phan Minh Tâm	01/01/1989	*****2902	Xuất sắc	NT01.14.5028
575	01HCM.1.0587	Huỳnh Thị Thanh Tâm	31/12/1988	*****1208	Xuất sắc	NT01.14.5029
576	01HCM.1.0588	Võ Thanh Tâm	21/08/1994	*****8205	Khá	NT01.14.5030
577	01HCM.1.0589	Dương Thị Tâm	27/10/1986	*****4716	Xuất sắc	NT01.14.5031
578	01HCM.1.0590	Dương Thị Tâm	09/09/1976	*****0829	Xuất sắc	NT01.14.5032
579	01HCM.1.0591	Lê Văn Tâm	01/01/1985	*****4780	Giỏi	NT01.14.5033
580	01HCM.1.0592	Nguyễn Văn Tâm	08/08/1977	*****3737	Giỏi	NT01.14.5034
581	01HCM.1.0593	Nguyễn Viết Tâm	04/02/1985	*****0669	Giỏi	NT01.14.5035
582	01HCM.1.0594	Nguyễn Mạnh Tân	18/01/1992	*****0037	Xuất sắc	NT01.14.5036
583	01HCM.1.0595	Nguyễn Minh Tân	01/01/1989	*****9462	Xuất sắc	NT01.14.5037
584	01HCM.1.0596	Nguyễn Minh Tân	16/07/1993	*****9629	Xuất sắc	NT01.14.5038
585	01HCM.1.0597	Hoàng Ngọc Tân	14/10/1985	*****4187	Giỏi	NT01.14.5039
586	01HCM.1.0598	Phan Nhật Tân	12/12/1991	*****0940	Xuất sắc	NT01.14.5040
587	01HCM.1.0599	Nguyễn Phương Tân	17/09/1986	*****0864	Xuất sắc	NT01.14.5041
588	01HCM.1.0600	Đoàn Thanh Tân	06/03/1989	*****3712	Giỏi	NT01.14.5042
589	01HCM.1.0601	Nguyễn Thành Tân	17/09/1995	*****7509	Xuất sắc	NT01.14.5043
590	01HCM.1.0602	Tài Văn Tân	09/02/1989	*****1543	Xuất sắc	NT01.14.5044
591	01HCM.1.0603	Võ Ngọc Phương Tàn	19/04/1996	*****4208	Giỏi	NT01.14.5045
592	01HCM.1.0604	Nguyễn Văn Tạo	10/02/1994	*****1831	Xuất sắc	NT01.14.5046

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
593	01HCM.1.0605	Phạm Văn Tây	10/08/1969	*****9355	Xuất sắc	NT01.14.5047
594	01HCM.1.0606	Đặng Như Ngọc Thạch	24/01/1996	*****6248	Xuất sắc	NT01.14.5048
595	01HCM.1.0607	Võ Minh Thái	07/02/1984	*****3630	Giỏi	NT01.14.5049
596	01HCM.1.0608	Phạm Văn Thân	02/04/1979	*****0252	Xuất sắc	NT01.14.5050
597	01HCM.1.0609	Hoàng Văn Thắng	16/04/1996	*****1330	Xuất sắc	NT01.14.5051
598	01HCM.1.0611	Lưu Xuân Thắng	18/08/2001	*****0493	Giỏi	NT01.14.5052
599	01HCM.1.0612	Lê Đình Thanh	13/09/1981	*****1999	Xuất sắc	NT01.14.5053
600	01HCM.1.0613	Nguyễn Thị Hoài Thanh	30/08/1984	*****8616	Giỏi	NT01.14.5054
601	01HCM.1.0614	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	06/07/1988	*****4257	Xuất sắc	NT01.14.5055
602	01HCM.1.0615	Kiều Quốc Thanh	21/05/1983	*****2672	Xuất sắc	NT01.14.5056
603	01HCM.1.0616	Đào Thị Thanh	17/08/1991	*****3603	Giỏi	NT01.14.5057
604	01HCM.1.0617	Nguyễn Thị Thanh	03/10/1987	*****9345	Xuất sắc	NT01.14.5058
605	01HCM.1.0618	Nguyễn Trúc Thanh	30/07/1989	*****3222	Giỏi	NT01.14.5059
606	01HCM.1.0619	Đỗ Bảo Thành	02/10/1994	*****5289	Giỏi	NT01.14.5060
607	01HCM.1.0620	Nguyễn Chí Thành	10/02/1987	*****1605	Xuất sắc	NT01.14.5061
608	01HCM.1.0621	Nguyễn Đăng Thành	19/01/1992	*****6042	Xuất sắc	NT01.14.5062
609	01HCM.1.0622	Nguyễn Phúc Thành	14/01/1975	*****9759	Xuất sắc	NT01.14.5063
610	01HCM.1.0623	Trương Thị Thành	26/09/1985	*****1803	Xuất sắc	NT01.14.5064
611	01HCM.1.0624	Bùi Ngô Tiến Thành	16/09/1992	*****8024	Giỏi	NT01.14.5065
612	01HCM.1.0625	Nguyễn Trung Thành	13/10/1987	*****0095	Xuất sắc	NT01.14.5066
613	01HCM.1.0626	Phạm Thạnh	20/10/1984	*****8868	Khá	NT01.14.5067
614	01HCM.1.0627	Nguyễn Hồng Thảo	28/07/1986	*****0413	Giỏi	NT01.14.5068
615	01HCM.1.0628	Lê Khắc Thảo	13/08/1973	*****6653	Xuất sắc	NT01.14.5069
616	01HCM.1.0629	Mai Thị Ngọc Thảo	18/09/1994	*****0721	Xuất sắc	NT01.14.5070

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
617	01HCM.1.0630	Hồng Nhật Thảo	06/03/1990	*****1465	Xuất sắc	NT01.14.5071
618	01HCM.1.0631	Dương Thị Phương Thảo	15/10/2001	*****4613	Xuất sắc	NT01.14.5072
619	01HCM.1.0632	Nguyễn Phương Thảo	11/05/1975	*****9873	Giỏi	NT01.14.5073
620	01HCM.1.0633	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/03/1993	*****0049	Giỏi	NT01.14.5074
621	01HCM.1.0634	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/09/1989	*****6684	Xuất sắc	NT01.14.5075
622	01HCM.1.0635	Bùi Thị Thanh Thảo	11/04/1996	*****0868	Xuất sắc	NT01.14.5076
623	01HCM.1.0636	Vũ Thanh Thảo	09/10/1984	*****1704	Giỏi	NT01.14.5077
624	01HCM.1.0637	Nguyễn Thị Thảo	08/05/1995	*****7957	Khá	NT01.14.5078
625	01HCM.1.0638	Bùi Ngọc Thu Thảo	14/05/2000	*****7246	Xuất sắc	NT01.14.5079
626	01HCM.1.0639	Lê Thị Thu Thảo	16/12/1997	*****0020	Khá	NT01.14.5080
627	01HCM.1.0641	Mai Trần Vương Thảo	06/07/1981	*****2142	Xuất sắc	NT01.14.5081
628	01HCM.1.0642	Đông Mạnh Thê	18/01/1971	*****2568	Xuất sắc	NT01.14.5082
629	01HCM.1.0643	Trần Khánh Thi	29/10/1991	*****8430	Xuất sắc	NT01.14.5083
630	01HCM.1.0644	Nguyễn Mai Thi	10/08/1981	*****3152	Xuất sắc	NT01.14.5084
631	01HCM.1.0645	Trần Minh Thi	20/03/1993	*****2919	Xuất sắc	NT01.14.5085
632	01HCM.1.0646	Nguyễn Văn Thích	08/04/1972	*****5332	Xuất sắc	NT01.14.5086
633	01HCM.1.0647	Nguyễn Quốc Thiện	08/03/1986	*****0902	Xuất sắc	NT01.14.5087
634	01HCM.1.0648	Nguyễn Xuân Thiện	12/05/1970	*****5048	Xuất sắc	NT01.14.5088
635	01HCM.1.0649	Nguyễn Đình Thịnh	20/09/1995	*****8451	Xuất sắc	NT01.14.5089
636	01HCM.1.0650	Nguyễn Đức Thịnh	04/02/1994	*****0331	Khá	NT01.14.5090
637	01HCM.1.0651	Vũ Hiền Thịnh	19/07/1986	*****2538	Xuất sắc	NT01.14.5091
638	01HCM.1.0652	Nguyễn Hữu Thịnh	12/11/1977	*****0272	Xuất sắc	NT01.14.5092
639	01HCM.1.0653	Trần Văn Thịnh	18/06/2000	*****8828	Xuất sắc	NT01.14.5093
640	01HCM.1.0654	Lê Thị Xuân Thơ	14/11/1982	*****1608	Xuất sắc	NT01.14.5094

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
641	01HCM.1.0655	Võ Duy Thông	15/12/1982	*****0120	Khá	NT01.14.5095
642	01HCM.1.0656	Nguyễn Thế Thông	25/11/1981	*****4910	Xuất sắc	NT01.14.5096
643	01HCM.1.0657	Nguyễn Thị Diệu Thu	23/01/1993	*****4809	Xuất sắc	NT01.14.5097
644	01HCM.1.0658	Lê Thị Hoài Thu	18/11/1984	*****8127	Xuất sắc	NT01.14.5098
645	01HCM.1.0659	Trần Thị Hoài Thu	25/08/1977	*****9155	Xuất sắc	NT01.14.5099
646	01HCM.1.0660	Phan Nguyễn Anh Thư	21/03/1979	*****8302	Xuất sắc	NT01.14.5100
647	01HCM.1.0661	Trần Tú Anh Thư	15/01/1999	*****4276	Xuất sắc	NT01.14.5101
648	01HCM.1.0662	Bùi Kim Thư	24/11/1985	*****0897	Giỏi	NT01.14.5102
649	01HCM.1.0663	Hoàng Kim Thư	09/03/2001	*****2779	Xuất sắc	NT01.14.5103
650	01HCM.1.0664	Võ Kỳ Thư	19/03/1977	*****7944	Xuất sắc	NT01.14.5104
651	01HCM.1.0665	Võ Thị Minh Thư	28/02/1983	*****0153	Xuất sắc	NT01.14.5105
652	01HCM.1.0666	Lê Phước Thiên Thư	10/12/1984	*****4163	Giỏi	NT01.14.5106
653	01HCM.1.0667	Lê Thị Thiện Thư	22/10/1986	*****9653	Xuất sắc	NT01.14.5107
654	01HCM.1.0668	Cáp Kim Thuận	01/05/1987	*****3347	Xuất sắc	NT01.14.5108
655	01HCM.1.0669	Nguyễn Thị Kim Thuận	19/01/1987	*****5619	Xuất sắc	NT01.14.5109
656	01HCM.1.0670	Nguyễn Văn Hoài Thương	08/06/1992	*****4435	Xuất sắc	NT01.14.5110
657	01HCM.1.0672	Nguyễn Thị Thương	27/03/1992	*****8321	Giỏi	NT01.14.5111
658	01HCM.1.0673	Nguyễn Thị Kim Thủy	31/07/1982	*****4351	Xuất sắc	NT01.14.5112
659	01HCM.1.0674	Nguyễn Phương Thủy	20/04/1991	*****4695	Khá	NT01.14.5113
660	01HCM.1.0675	Phạm Thị Thanh Thủy	20/10/1987	*****6122	Giỏi	NT01.14.5114
661	01HCM.1.0676	Phan Thị Lê Thủy	28/01/1981	*****3559	Xuất sắc	NT01.14.5115
662	01HCM.1.0677	Trần Thị Thanh Thúy	18/03/1987	*****8627	Xuất sắc	NT01.14.5116
663	01HCM.1.0678	Lê Thị Bích Thùy	21/02/2000	*****1533	Khá	NT01.14.5117
664	01HCM.1.0679	Hồ Hồng Thủy	06/04/1988	*****8584	Xuất sắc	NT01.14.5118

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
665	01HCM.1.0680	Đỗ Thị Thanh Thủy	16/02/1983	*****6418	Xuất sắc	NT01.14.5119
666	01HCM.1.0681	Nguyễn Thị Thanh Thủy	12/10/1973	*****0414	Khá	NT01.14.5120
667	01HCM.1.0682	Nguyễn Thị Thanh Thủy	18/11/1992	*****8063	Giỏi	NT01.14.5121
668	01HCM.1.0683	Nguyễn Thị Thủy	10/10/1990	*****1874	Xuất sắc	NT01.14.5122
669	01HCM.1.0684	Phạm Thị Thủy	10/09/1991	*****3921	Xuất sắc	NT01.14.5123
670	01HCM.1.0685	Bích Lưu Thu Thủy	15/02/1986	*****2892	Giỏi	NT01.14.5124
671	01HCM.1.0687	Lê Thị Thu Thủy	02/12/1976	*****8873	Xuất sắc	NT01.14.5125
672	01HCM.1.0688	Nguyễn Thu Thủy	24/01/1990	*****0092	Xuất sắc	NT01.14.5126
673	01HCM.1.0689	Mộc Thị Cẩm Thy	30/08/1986	*****5094	Xuất sắc	NT01.14.5127
674	01HCM.1.0690	Kiều Xuân Thy	01/10/1987	*****5899	Khá	NT01.14.5128
675	01HCM.1.0691	Vũ Văn Tiến	03/04/1989	*****2101	Xuất sắc	NT01.14.5129
676	01HCM.1.0692	Nguyễn Việt Tiến	26/03/1992	*****1027	Xuất sắc	NT01.14.5130
677	01HCM.1.0693	Võ Tiến	24/10/1996	*****6447	Xuất sắc	NT01.14.5131
678	01HCM.1.0694	Nguyễn Thị Kim Tiền	19/03/1984	*****9078	Giỏi	NT01.14.5132
679	01HCM.1.0695	Nguyễn Trung Tín	10/11/1991	*****0082	Giỏi	NT01.14.5133
680	01HCM.1.0696	Võ Trọng Toán	10/03/1999	*****9983	Xuất sắc	NT01.14.5134
681	01HCM.1.0697	Huỳnh Đăng Toàn	18/02/1975	*****5687	Xuất sắc	NT01.14.5135
682	01HCM.1.0698	Nguyễn Minh Toàn	13/10/1990	*****8480	Xuất sắc	NT01.14.5136
683	01HCM.1.0699	Nguyễn Minh Toàn	04/05/1991	*****5749	Xuất sắc	NT01.14.5137
684	01HCM.1.0700	Trương Thanh Toàn	25/09/1998	*****3891	Khá	NT01.14.5138
685	01HCM.1.0701	Lâm Văn Toàn	10/06/1994	*****0917	Xuất sắc	NT01.14.5139
686	01HCM.1.0702	Nguyễn Văn Toàn	07/05/1989	*****2387	Giỏi	NT01.14.5140
687	01HCM.1.0703	Trần Văn Toàn	04/08/1981	*****2996	Xuất sắc	NT01.14.5141
688	01HCM.1.0704	Nguyễn Minh Tới	19/07/1986	*****1183	Xuất sắc	NT01.14.5142

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
689	01HCM.1.0705	Phan Tấn Tới	24/09/1976	*****0121	Xuất sắc	NT01.14.5143
690	01HCM.1.0706	Nguyễn Vương Tôn	28/11/1994	*****3174	Khá	NT01.14.5144
691	01HCM.1.0707	Nguyễn Trần Bảo Trâm	11/10/1993	*****0079	Xuất sắc	NT01.14.5145
692	01HCM.1.0708	Huỳnh Thị Hoài Trâm	11/06/1984	*****7872	Xuất sắc	NT01.14.5146
693	01HCM.1.0709	Lê Thị Hồng Trâm	09/05/1984	*****0805	Xuất sắc	NT01.14.5147
694	01HCM.1.0710	Nguyễn Thị Trâm	14/11/1986	*****1893	Xuất sắc	NT01.14.5148
695	01HCM.1.0711	Hồ Nguyễn Thùy Trâm	23/10/1980	*****4588	Xuất sắc	NT01.14.5149
696	01HCM.1.0712	Phạm Thị Bích Trâm	01/01/1984	*****2305	Xuất sắc	NT01.14.5150
697	01HCM.1.0713	Thái Quốc Trâm	23/04/1984	*****0225	Xuất sắc	NT01.14.5151
698	01HCM.1.0714	Lê Thị Trâm	10/01/1986	*****9405	Giỏi	NT01.14.5152
699	01HCM.1.0715	Lê Văn Hoài Trân	22/11/1994	*****6646	Xuất sắc	NT01.14.5153
700	01HCM.1.0716	Võ Ngọc Huyền Trân	08/08/1997	*****8937	Khá	NT01.14.5154
701	01HCM.1.0717	Lê Hoàn Ngọc Trân	09/05/1998	*****5149	Trung bình	NT01.14.5155
702	01HCM.1.0718	Võ Lâm Toàn Trân	29/03/1994	*****0072	Xuất sắc	NT01.14.5156
703	01HCM.1.0719	Võ Yến Trân	24/12/1979	*****2405	Xuất sắc	NT01.14.5157
704	01HCM.1.0720	Trần Thị Diễm Trang	24/03/1992	*****0504	Xuất sắc	NT01.14.5158
705	01HCM.1.0721	Lê Thị Hoài Trang	19/05/1999	*****0206	Xuất sắc	NT01.14.5159
706	01HCM.1.0722	Lê Thị Như Trang	06/02/1988	*****0412	Khá	NT01.14.5160
707	01HCM.1.0723	Phạm Thị Trang	20/01/1990	*****6252	Trung bình	NT01.14.5161
708	01HCM.1.0724	Trần Thị Thiên Trang	24/08/1989	*****3561	Trung bình	NT01.14.5162
709	01HCM.1.0726	Trịnh Thị Thục Trang	21/01/1995	*****2636	Xuất sắc	NT01.14.5163
710	01HCM.1.0727	Phạm Thùy Trang	01/06/1996	*****1249	Giỏi	NT01.14.5164
711	01HCM.1.0728	Trần Huỳnh Thùy Trang	21/01/1990	*****2039	Xuất sắc	NT01.14.5165
712	01HCM.1.0729	Huỳnh Công Trí	30/12/1988	*****2400	Xuất sắc	NT01.14.5166

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
713	01HCM.1.0730	Đỗ Hữu Trí	01/01/1979	*****4111	Giỏi	NT01.14.5167
714	01HCM.1.0731	Trương Hữu Trí	10/07/1977	*****8431	Xuất sắc	NT01.14.5168
715	01HCM.1.0732	Vũ Minh Trí	18/05/1992	*****0716	Xuất sắc	NT01.14.5169
716	01HCM.1.0733	Dương Quốc Trí	02/08/1990	*****3362	Giỏi	NT01.14.5170
717	01HCM.1.0734	La Khắc Triều	15/11/1989	*****7099	Xuất sắc	NT01.14.5171
718	01HCM.1.0735	Văn Thiên Triều	02/10/1975	*****1625	Xuất sắc	NT01.14.5172
719	01HCM.1.0736	Nguyễn Thị Diễm Trinh	08/03/1996	*****7933	Xuất sắc	NT01.14.5173
720	01HCM.1.0737	Nguyễn Thị Tô Trinh	30/08/1999	*****4338	Xuất sắc	NT01.14.5174
721	01HCM.1.0738	Huỳnh Ngọc Tú Trinh	25/11/1987	*****4453	Giỏi	NT01.14.5175
722	01HCM.1.0739	Trần Thị Tuyết Trinh	17/12/1996	*****8033	Khá	NT01.14.5176
723	01HCM.1.0740	Lê Thị Vân Trinh	20/06/1999	*****9378	Xuất sắc	NT01.14.5177
724	01HCM.1.0741	Nguyễn Văn Tròn	01/01/1988	*****0050	Xuất sắc	NT01.14.5178
725	01HCM.1.0742	Nguyễn Duy Trọng	02/10/1992	*****7688	Xuất sắc	NT01.14.5179
726	01HCM.1.0743	Trần Văn Trọng	28/08/1992	*****1205	Trung bình	NT01.14.5180
727	01HCM.1.0744	Lô Thị Thạch Trúc	23/07/1980	*****4723	Xuất sắc	NT01.14.5181
728	01HCM.1.0745	Mai Thanh Trúc	03/06/1982	*****3165	Xuất sắc	NT01.14.5182
729	01HCM.1.0747	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	02/04/1992	*****1518	Giỏi	NT01.14.5183
730	01HCM.1.0748	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/02/1982	*****0034	Giỏi	NT01.14.5184
731	01HCM.1.0749	Mai Chí Trung	15/10/1976	*****3260	Xuất sắc	NT01.14.5185
732	01HCM.1.0750	Nguyễn Diệp Trung	27/12/1976	*****0355	Xuất sắc	NT01.14.5186
733	01HCM.1.0751	Nguyễn Minh Trung	21/10/1986	*****0951	Khá	NT01.14.5187
734	01HCM.1.0752	Phạm Minh Trung	07/09/1981	*****6959	Xuất sắc	NT01.14.5188
735	01HCM.1.0753	Trần Nam Trung	10/01/1980	*****1044	Xuất sắc	NT01.14.5189
736	01HCM.1.0754	Lê Phước Trung	26/02/1977	*****1087	Xuất sắc	NT01.14.5190

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
737	01HCM.1.0756	Đỗ Thành Trung	13/01/1991	*****4685	Xuất sắc	NT01.14.5191
738	01HCM.1.0757	Lê Văn Trung	29/10/1992	*****6919	Giỏi	NT01.14.5192
739	01HCM.1.0758	Nguyễn Văn Trung	27/04/1993	*****5461	Trung bình	NT01.14.5193
740	01HCM.1.0759	Nguyễn Viết Trung	24/03/1992	*****4658	Xuất sắc	NT01.14.5194
741	01HCM.1.0760	Phùng Xuân Trung	05/03/1991	*****2260	Khá	NT01.14.5195
742	01HCM.1.0761	Nguyễn Chí Trường	03/11/1994	*****3304	Trung bình	NT01.14.5196
743	01HCM.1.0762	Mai Quốc Trường	22/06/1992	*****1769	Giỏi	NT01.14.5197
744	01HCM.1.0763	Nguyễn Thị Bích Truyền	25/12/1995	*****1196	Xuất sắc	NT01.14.5198
745	01HCM.1.0764	Lại Lê Anh Tú	11/10/1987	*****6316	Xuất sắc	NT01.14.5199
746	01HCM.1.0765	Nguyễn Minh Tú	28/03/1989	*****8283	Khá	NT01.14.5200
747	01HCM.1.0766	Nguyễn Minh Tú	30/10/1985	*****0169	Xuất sắc	NT01.14.5201
748	01HCM.1.0768	Nguyễn Anh Tuấn	08/12/1965	*****2160	Giỏi	NT01.14.5202
749	01HCM.1.0769	Nguyễn Phan Anh Tuấn	01/01/1980	*****1646	Xuất sắc	NT01.14.5203
750	01HCM.1.0770	Trần Anh Tuấn	27/12/1964	*****0387	Giỏi	NT01.14.5204
751	01HCM.1.0771	Trương Minh Tuấn	07/02/1999	*****5125	Xuất sắc	NT01.14.5205
752	01HCM.1.0772	Vũ Minh Tuấn	15/08/1988	*****0023	Xuất sắc	NT01.14.5206
753	01HCM.1.0773	Nguyễn Ngọc Tuấn	05/02/1987	*****7188	Xuất sắc	NT01.14.5207
754	01HCM.1.0774	Nguyễn Ngọc Tuấn	26/04/1974	*****3497	Xuất sắc	NT01.14.5208
755	01HCM.1.0775	Nguyễn Quốc Tuấn	13/08/1978	*****8454	Xuất sắc	NT01.14.5209
756	01HCM.1.0776	Trần Thái Tuấn	25/04/1972	*****1734	Khá	NT01.14.5210
757	01HCM.1.0777	Nguyễn Thanh Tuấn	13/03/1992	*****2341	Xuất sắc	NT01.14.5211
758	01HCM.1.0778	Võ Đình Thanh Tuấn	17/04/1978	*****4984	Xuất sắc	NT01.14.5212
759	01HCM.1.0779	Đỗ Văn Tuấn	19/09/1991	*****2496	Giỏi	NT01.14.5213
760	01HCM.1.0780	Huỳnh Văn Tuấn	17/03/1985	*****8554	Xuất sắc	NT01.14.5214

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
761	01HCM.1.0781	Lê Minh Tùng	18/02/1981	*****9313	Xuất sắc	NT01.14.5215
762	01HCM.1.0782	Lê Quốc Tùng	25/07/1984	*****0525	Xuất sắc	NT01.14.5216
763	01HCM.1.0783	Lê Thanh Tùng	24/04/1976	*****2616	Trung bình	NT01.14.5217
764	01HCM.1.0784	Nguyễn Thanh Tùng	04/06/1982	*****7608	Xuất sắc	NT01.14.5218
765	01HCM.1.0785	Nguyễn Thanh Tùng	18/09/1973	*****4697	Xuất sắc	NT01.14.5219
766	01HCM.1.0786	Nguyễn Thế Tùng	27/11/1989	*****0573	Xuất sắc	NT01.14.5220
767	01HCM.1.0787	Trần Văn Tùng	01/09/1988	*****8264	Xuất sắc	NT01.14.5221
768	01HCM.1.0788	Diệp Thị Hồng Tươi	10/01/1989	*****3116	Xuất sắc	NT01.14.5222
769	01HCM.1.0789	Huỳnh Văn Tường	06/02/1981	*****3830	Xuất sắc	NT01.14.5223
770	01HCM.1.0790	Vương Nhật Tuyên	10/07/1990	*****0431	Xuất sắc	NT01.14.5224
771	01HCM.1.0791	Trương Võ Trọng Tuyên	07/08/1993	*****0198	Xuất sắc	NT01.14.5225
772	01HCM.1.0792	Nguyễn Anh Tuyền	20/01/1979	*****6463	Giỏi	NT01.14.5226
773	01HCM.1.0793	Bùi Kim Tuyền	14/12/1988	*****3098	Giỏi	NT01.14.5227
774	01HCM.1.0794	Nguyễn Hữu Tuyền	01/01/1996	*****9810	Giỏi	NT01.14.5228
775	01HCM.1.0795	Đào Thị Thanh Tuyền	28/07/1987	*****7129	Xuất sắc	NT01.14.5229
776	01HCM.1.0796	Trần Thị Thanh Tuyền	12/07/1997	*****6391	Xuất sắc	NT01.14.5230
777	01HCM.1.0797	Ngô Thị Ánh Tuyết	20/10/1990	*****9839	Xuất sắc	NT01.14.5231
778	01HCM.1.0798	Hồ Thị Bạch Tuyết	08/09/1978	*****1385	Xuất sắc	NT01.14.5232
779	01HCM.1.0799	Huỳnh Thị Bạch Tuyết	07/11/1976	*****4213	Xuất sắc	NT01.14.5233
780	01HCM.1.0800	Trần Thị Thu Tuyết	19/07/1988	*****0428	Khá	NT01.14.5234
781	01HCM.1.0801	Phạm Văn Út	02/03/1980	*****0020	Xuất sắc	NT01.14.5235
782	01HCM.1.0802	Đèo Thụy Phương Uyên	10/03/1995	*****1983	Xuất sắc	NT01.14.5236
783	01HCM.1.0803	Nguyễn Thị Phương Uyên	21/03/2005	*****4318	Xuất sắc	NT01.14.5237
784	01HCM.1.0804	Thái Hồng Vân	24/02/1993	*****1557	Khá	NT01.14.5238

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
785	01HCM.1.0805	Trần Thị Huệ Vân	13/06/1972	*****0714	Giỏi	NT01.14.5239
786	01HCM.1.0806	Kiên Thị Thanh Vân	01/01/1991	*****2788	Khá	NT01.14.5240
787	01HCM.1.0807	Trần Thị Vân	07/08/1985	*****8654	Xuất sắc	NT01.14.5241
788	01HCM.1.0808	Phạm Anh Văn	21/09/1970	*****1737	Xuất sắc	NT01.14.5242
789	01HCM.1.0809	Nguyễn Thị Tường Vi	08/02/1996	*****4132	Xuất sắc	NT01.14.5243
790	01HCM.1.0810	Trần Ngọc Viên	01/11/1988	*****5971	Xuất sắc	NT01.14.5244
791	01HCM.1.0811	Nguyễn Văn Viện	21/04/1971	*****2574	Xuất sắc	NT01.14.5245
792	01HCM.1.0812	Đặng Quốc Việt	14/12/1973	*****2620	Giỏi	NT01.14.5246
793	01HCM.1.0814	Trần Đức Vinh	12/06/1997	*****8308	Xuất sắc	NT01.14.5247
794	01HCM.1.0815	Lê Quốc Vinh	02/01/1984	*****9367	Xuất sắc	NT01.14.5248
795	01HCM.1.0816	Phạm Thế Vinh	23/09/1994	*****6856	Giỏi	NT01.14.5249
796	01HCM.1.0817	Nguyễn Văn Vinh	10/09/1991	*****0620	Khá	NT01.14.5250
797	01HCM.1.0818	Trần Đình Vũ	15/06/1995	*****0729	Xuất sắc	NT01.14.5251
798	01HCM.1.0819	Nguyễn Hoài Vũ	21/02/1978	*****5398	Xuất sắc	NT01.14.5252
799	01HCM.1.0821	Nguyễn Hoàng Vũ	27/08/1995	*****8580	Xuất sắc	NT01.14.5253
800	01HCM.1.0823	Tôn Hoàng Vũ	11/11/1992	*****0758	Xuất sắc	NT01.14.5254
801	01HCM.1.0824	Huỳnh Minh Vũ	16/08/1982	*****0382	Khá	NT01.14.5255
802	01HCM.1.0825	Huỳnh Quang Vũ	14/08/1969	*****0358	Xuất sắc	NT01.14.5256
803	01HCM.1.0826	Nguyễn Quốc Vũ	03/05/1985	*****0162	Xuất sắc	NT01.14.5257
804	01HCM.1.0827	Dương Thế Vũ	13/09/1966	*****2722	Xuất sắc	NT01.14.5258
805	01HCM.1.0828	Hà Ngọc Vương	23/06/1996	*****2439	Xuất sắc	NT01.14.5259
806	01HCM.1.0829	Nguyễn Thanh Vương	12/08/1979	*****1226	Xuất sắc	NT01.14.5260
807	01HCM.1.0830	Nguyễn Thị Trang Vy	09/09/1996	*****3667	Xuất sắc	NT01.14.5261
808	01HCM.1.0831	Nhan Ngọc Xin	03/09/1975	*****2408	Xuất sắc	NT01.14.5262

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
809	01HCM.1.0832	Nguyễn Duy Xuân	05/07/1990	*****3030	Giỏi	NT01.14.5263
810	01HCM.1.0833	Hồ Thanh Xuân	11/10/1983	*****7052	Xuất sắc	NT01.14.5264
811	01HCM.1.0834	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/09/1987	*****0294	Trung bình	NT01.14.5265
812	01HCM.1.0835	Đậu Thị Xuyên	12/08/1988	*****6636	Xuất sắc	NT01.14.5266
813	01HCM.1.0836	Mai Ngọc Ý	28/05/2003	*****8165	Giỏi	NT01.14.5267
814	01HCM.1.0837	Đặng Hải Yến	01/03/1986	*****0810	Xuất sắc	NT01.14.5268
815	01HCM.1.0838	Đỗ Hải Yến	30/04/1985	*****1355	Khá	NT01.14.5269
816	01HCM.1.0839	Hồ Hoàng Phi Yến	26/09/1997	*****4245	Xuất sắc	NT01.14.5270
817	01HCM.1.0840	Đàm Thị Xuân Yến	15/01/1989	*****0107	Giỏi	NT01.14.5271

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
1	01HCM.2.0001	Trần Thái An	09/05/1998	*****1219	Giỏi	NT01.14.5272
2	01HCM.2.0002	Nguyễn Thành An	20/04/1989	*****3360	Xuất sắc	NT01.14.5273
3	01HCM.2.0003	Trịnh Hoài Ân	30/05/2001	*****0104	Xuất sắc	NT01.14.5274
4	01HCM.2.0004	Vương Chúc Anh	06/05/1993	*****4178	Xuất sắc	NT01.14.5275
5	01HCM.2.0005	Vũ Hùng Anh	15/04/1980	*****2433	Xuất sắc	NT01.14.5276
6	01HCM.2.0006	Mai Hưng Anh	03/08/1978	*****5650	Trung bình	NT01.14.5277
7	01HCM.2.0007	Hồ Quốc Anh	13/08/1997	*****2693	Khá	NT01.14.5278
8	01HCM.2.0008	Nguyễn Quốc Anh	08/08/1999	*****5709	Xuất sắc	NT01.14.5279
9	01HCM.2.0009	Phạm Thị Quỳnh Anh	10/02/1997	*****3672	Xuất sắc	NT01.14.5280
10	01HCM.2.0010	Nguyễn Ngọc Thúy Anh	03/03/1998	*****3360	Xuất sắc	NT01.14.5281
11	01HCM.2.0011	Hà Thị Vân Anh	08/07/1978	*****3942	Xuất sắc	NT01.14.5282
12	01HCM.2.0012	Nguyễn Thị Vân Anh	12/04/1996	*****7086	Xuất sắc	NT01.14.5283
13	01HCM.2.0013	Nguyễn Đình Bách	20/07/1988	*****7924	Khá	NT01.14.5284
14	01HCM.2.0014	Võ Quốc Bảo	26/05/1982	*****5214	Trung bình	NT01.14.5285
15	01HCM.2.0015	Vũ Văn Bình	30/10/1969	*****9197	Xuất sắc	NT01.14.5286
16	01HCM.2.0016	Lê Thiện Chí	20/08/1990	*****5156	Xuất sắc	NT01.14.5287
17	01HCM.2.0017	Lê Đình Văn Chiến	30/01/1995	*****3888	Khá	NT01.14.5288
18	01HCM.2.0018	Ngô Quang Chương	16/09/1989	*****4331	Xuất sắc	NT01.14.5289
19	01HCM.2.0019	Hà Thành Công	26/09/1986	*****3558	Khá	NT01.14.5290
20	01HCM.2.0020	Võ Thị Thu Cúc	24/06/1982	*****9133	Xuất sắc	NT01.14.5291
21	01HCM.2.0021	Nguyễn Đình Cường	14/05/1993	*****9142	Xuất sắc	NT01.14.5292
22	01HCM.2.0022	Nguyễn Phi Cường	19/10/1988	*****8302	Khá	NT01.14.5293
23	01HCM.2.0023	Nguyễn Quốc Cường	04/05/1986	*****4747	Khá	NT01.14.5294

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
24	01HCM.2.0024	Nguyễn Tuấn Cường	02/05/1993	*****3912	Xuất sắc	NT01.14.5295
25	01HCM.2.0025	Lê Văn Cường	29/07/1990	*****3631	Xuất sắc	NT01.14.5296
26	01HCM.2.0026	Trần Đình Đại	12/08/1998	*****0599	Xuất sắc	NT01.14.5297
27	01HCM.2.0027	Nguyễn Thị Phương Dân	29/05/1986	*****1322	Xuất sắc	NT01.14.5298
28	01HCM.2.0028	Nguyễn Hoài Danh	22/09/1988	*****0627	Xuất sắc	NT01.14.5299
29	01HCM.2.0029	Nguyễn Quốc Danh	02/01/1988	*****7670	Khá	NT01.14.5300
30	01HCM.2.0030	Ngô Thành Danh	15/08/1980	*****0912	Giỏi	NT01.14.5301
31	01HCM.2.0031	Phạm Ngọc Đạo	20/02/1987	*****0334	Giỏi	NT01.14.5302
32	01HCM.2.0032	Nguyễn Thành Đạt	20/07/1997	*****7409	Khá	NT01.14.5303
33	01HCM.2.0033	Nguyễn Viết Đạt	01/01/1998	*****2982	Xuất sắc	NT01.14.5304
34	01HCM.2.0034	Đinh Phương Diễm	26/06/1992	*****0174	Xuất sắc	NT01.14.5305
35	01HCM.2.0035	Ngô Việt Phúc Đông	31/07/1999	*****3650	Xuất sắc	NT01.14.5306
36	01HCM.2.0036	Nguyễn Hoàng Duẩn	13/02/1992	*****2719	Giỏi	NT01.14.5307
37	01HCM.2.0037	Lê Hữu Đức	17/01/1982	*****3927	Khá	NT01.14.5308
38	01HCM.2.0039	Bùi Mỹ Đức	11/03/1998	*****8505	Giỏi	NT01.14.5309
39	01HCM.2.0040	Nguyễn Tài Đức	02/09/1991	*****0335	Giỏi	NT01.14.5310
40	01HCM.2.0041	Mai Toàn Đức	18/05/1980	*****0642	Xuất sắc	NT01.14.5311
41	01HCM.2.0042	Nguyễn Văn Đức	05/05/1982	*****7377	Xuất sắc	NT01.14.5312
42	01HCM.2.0043	Trần Văn Đức	10/10/1971	*****0289	Giỏi	NT01.14.5313
43	01HCM.2.0044	Nguyễn Thị Dung	19/07/1987	*****3088	Xuất sắc	NT01.14.5314
44	01HCM.2.0045	Nguyễn Thị Thùy Dung	27/02/2000	*****1734	Khá	NT01.14.5315
45	01HCM.2.0046	Trần Trung Dũng	10/02/1984	*****5996	Xuất sắc	NT01.14.5316
46	01HCM.2.0047	Vũ Thị Thùy Dương	14/11/2003	*****8572	Xuất sắc	NT01.14.5317

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
47	01HCM.2.0048	Đặng Nguyễn Anh Duy	11/01/1990	*****0072	Giỏi	NT01.14.5318
48	01HCM.2.0049	Thái Hữu Bảo Duy	21/12/1984	*****6855	Khá	NT01.14.5319
49	01HCM.2.0050	Võ Đoan Duy	19/10/1979	*****0984	Giỏi	NT01.14.5320
50	01HCM.2.0051	Trần Đức Duy	21/10/1985	*****6396	Xuất sắc	NT01.14.5321
51	01HCM.2.0053	Lê Văn Duy	09/07/1984	*****1081	Khá	NT01.14.5322
52	01HCM.2.0054	Hồ Cẩm Giang	16/08/2003	*****6387	Trung bình	NT01.14.5323
53	01HCM.2.0055	Trần Long Giang	14/06/1989	*****7361	Xuất sắc	NT01.14.5324
54	01HCM.2.0056	Thái Thị Ngọc Giàu	03/07/1998	*****5150	Xuất sắc	NT01.14.5325
55	01HCM.2.0057	Nguyễn Thị Bảo Hà	11/07/1994	*****5017	Xuất sắc	NT01.14.5326
56	01HCM.2.0058	Bùi Thị Khánh Hà	11/02/1982	*****1119	Xuất sắc	NT01.14.5327
57	01HCM.2.0059	Võ Minh Hà	18/02/1988	*****3161	Xuất sắc	NT01.14.5328
58	01HCM.2.0060	Lê Thị Thu Hà	25/12/1982	*****9184	Giỏi	NT01.14.5329
59	01HCM.2.0061	Lê Nguyễn Ngọc Hải	12/02/1984	*****0206	Xuất sắc	NT01.14.5330
60	01HCM.2.0062	Trần Văn Hải	17/09/1990	*****1385	Xuất sắc	NT01.14.5331
61	01HCM.2.0063	Vũ Mạnh Hằng	18/01/1978	*****1132	Giỏi	NT01.14.5332
62	01HCM.2.0064	Đào Thị Hằng	16/10/1982	*****3155	Xuất sắc	NT01.14.5333
63	01HCM.2.0065	Dương Thị Hằng	22/03/1976	*****6986	Giỏi	NT01.14.5334
64	01HCM.2.0066	Nghiêm Thu Hằng	27/08/1970	*****7526	Xuất sắc	NT01.14.5335
65	01HCM.2.0067	Đào Nguyên Hạnh	24/07/1977	*****0664	Giỏi	NT01.14.5336
66	01HCM.2.0068	Lê Văn Hải Hậu	19/03/1993	*****5187	Giỏi	NT01.14.5337
67	01HCM.2.0069	Vũ Huy Hậu	15/12/1975	*****6552	Xuất sắc	NT01.14.5338
68	01HCM.2.0070	Mai Trung Hậu	03/08/2000	*****3589	Giỏi	NT01.14.5339
69	01HCM.2.0071	Phan Tấn Hiền	09/08/1977	*****5994	Xuất sắc	NT01.14.5340
70	01HCM.2.0072	Đặng Thị Hiền	12/08/1988	*****1528	Xuất sắc	NT01.14.5341

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
71	01HCM.2.0073	Văn Công Hiến	01/04/1992	*****7247	Xuất sắc	NT01.14.5342
72	01HCM.2.0074	Vũ Thế Hiến	09/09/1980	*****5995	Xuất sắc	NT01.14.5343
73	01HCM.2.0075	Phạm Chí Hiếu	09/01/1986	*****7178	Khá	NT01.14.5344
74	01HCM.2.0076	Hoàng Minh Hiếu	02/03/1997	*****7587	Xuất sắc	NT01.14.5345
75	01HCM.2.0077	Sử Thị Hiếu	18/03/2000	*****4908	Giỏi	NT01.14.5346
76	01HCM.2.0078	Lê Trung Hiếu	24/11/1983	*****2441	Giỏi	NT01.14.5347
77	01HCM.2.0079	Nguyễn Trung Hiếu	25/08/1979	*****6053	Xuất sắc	NT01.14.5348
78	01HCM.2.0080	Phan Trung Hiếu	21/12/1984	*****1361	Xuất sắc	NT01.14.5349
79	01HCM.2.0081	Nguyễn Duy Hòa	27/10/1983	*****2394	Xuất sắc	NT01.14.5350
80	01HCM.2.0082	Nguyễn Duy Hoàng	22/06/1970	*****2278	Giỏi	NT01.14.5351
81	01HCM.2.0083	Phạm Duy Hoàng	16/12/1994	*****5502	Khá	NT01.14.5352
82	01HCM.2.0084	Trương Minh Hoàng	29/02/1980	*****5704	Khá	NT01.14.5353
83	01HCM.2.0085	Nguyễn Phúc Hoàng	28/03/1982	*****9491	Xuất sắc	NT01.14.5354
84	01HCM.2.0086	Trịnh Phương Hoàng	20/01/1984	*****2408	Xuất sắc	NT01.14.5355
85	01HCM.2.0087	Nguyễn Văn Hoạt	04/10/1994	*****4072	Xuất sắc	NT01.14.5356
86	01HCM.2.0088	Lê Thị Hồng	24/06/1990	*****2465	Xuất sắc	NT01.14.5357
87	01HCM.2.0089	Lê Thị Thúy Hồng	06/11/1983	*****4605	Xuất sắc	NT01.14.5358
88	01HCM.2.0090	Nguyễn Quốc Huệ	20/11/2001	*****2930	Xuất sắc	NT01.14.5359
89	01HCM.2.0091	Trần Hữu Hùng	07/10/1982	*****2569	Xuất sắc	NT01.14.5360
90	01HCM.2.0092	Lê Văn Hùng	28/09/1992	*****4104	Giỏi	NT01.14.5361
91	01HCM.2.0093	Phạm Cảnh Hưng	07/08/1987	*****2866	Giỏi	NT01.14.5362
92	01HCM.2.0094	Mai Đức Hưng	09/08/1989	*****9947	Giỏi	NT01.14.5363
93	01HCM.2.0095	Lưu Quang Hưng	16/07/1981	*****3777	Giỏi	NT01.14.5364
94	01HCM.2.0096	Ngô Quang Hưng	17/10/1994	*****4929	Xuất sắc	NT01.14.5365

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
95	01HCM.2.0097	Nguyễn Thị Lan Hương	23/05/1987	*****0467	Trung bình	NT01.14.5366
96	01HCM.2.0098	Nguyễn Thị Liên Hương	19/09/1971	*****8209	Xuất sắc	NT01.14.5367
97	01HCM.2.0099	Hoàng Thị Mỹ Hương	18/08/1986	*****3431	Xuất sắc	NT01.14.5368
98	01HCM.2.0100	Vũ Thị Thanh Hương	17/05/1984	*****4702	Xuất sắc	NT01.14.5369
99	01HCM.2.0101	Phan Thị Thu Hương	12/10/1995	*****0962	Xuất sắc	NT01.14.5370
100	01HCM.2.0102	Mai Thị Xuân Hương	25/02/1997	*****8685	Xuất sắc	NT01.14.5371
101	01HCM.2.0103	Nguyễn Khắc Huy	19/12/1994	*****7248	Khá	NT01.14.5372
102	01HCM.2.0104	Trần Nguyễn Quang Huy	01/04/1994	*****4120	Xuất sắc	NT01.14.5373
103	01HCM.2.0106	Nguyễn Thanh Huyền	15/04/1995	*****0851	Giỏi	NT01.14.5374
104	01HCM.2.0107	Nguyễn Thị Huyền	11/01/1992	*****1795	Xuất sắc	NT01.14.5375
105	01HCM.2.0108	Nguyễn Thị Huyền	19/08/1985	*****6641	Xuất sắc	NT01.14.5376
106	01HCM.2.0110	Trần Khải	30/08/2000	*****6178	Khá	NT01.14.5377
107	01HCM.2.0111	Lê Trần Công Khanh	28/01/1993	*****0523	Xuất sắc	NT01.14.5378
108	01HCM.2.0112	Lê Thị Như Khánh	17/05/1983	*****3584	Giỏi	NT01.14.5379
109	01HCM.2.0113	Phạm Văn Khánh	10/06/1980	*****3854	Giỏi	NT01.14.5380
110	01HCM.2.0114	Võ Anh Khoa	06/01/1992	*****0652	Xuất sắc	NT01.14.5381
111	01HCM.2.0115	Nguyễn Văn Khoa	17/09/1998	*****5565	Xuất sắc	NT01.14.5382
112	01HCM.2.0116	Đặng Vũ Khoa	12/06/1989	*****4554	Xuất sắc	NT01.14.5383
113	01HCM.2.0117	Nguyễn Quang Khôi	23/09/1994	*****1273	Xuất sắc	NT01.14.5384
114	01HCM.2.0118	Lưu Ngọc Quỳnh Khôi	25/04/1998	*****3002	Giỏi	NT01.14.5385
115	01HCM.2.0119	Trần Minh Kiệt	20/04/1988	*****8182	Khá	NT01.14.5386
116	01HCM.2.0120	Phạm Tấn Kiệt	27/09/1992	*****2197	Giỏi	NT01.14.5387
117	01HCM.2.0121	Đặng Tuấn Kiệt	30/06/2002	*****0268	Xuất sắc	NT01.14.5388

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
118	01HCM.2.0122	Nguyễn Văn Kiệt	26/04/1997	*****7701	Khá	NT01.14.5389
119	01HCM.2.0123	Bùi Thanh Kiều	29/08/1984	*****3706	Xuất sắc	NT01.14.5390
120	01HCM.2.0124	Võ Thiếu Lâm	09/08/1996	*****3402	Xuất sắc	NT01.14.5391
121	01HCM.2.0125	Tiết Ngọc Lan	05/02/1984	*****4391	Xuất sắc	NT01.14.5392
122	01HCM.2.0126	Huỳnh Thị Xuân Lan	09/09/1990	*****5171	Xuất sắc	NT01.14.5393
123	01HCM.2.0127	Võ Văn Lành	06/10/1977	*****7282	Xuất sắc	NT01.14.5394
124	01HCM.2.0128	Nguyễn Quốc Lập	20/10/1980	*****1996	Giỏi	NT01.14.5395
125	01HCM.2.0129	Huỳnh Thị Lệ	15/08/1998	*****8177	Xuất sắc	NT01.14.5396
126	01HCM.2.0130	Lý Thị Kim Liên	01/01/1971	*****0982	Xuất sắc	NT01.14.5397
127	01HCM.2.0131	Huỳnh Chí Linh	20/06/1995	*****2413	Khá	NT01.14.5398
128	01HCM.2.0132	Lê Nguyễn Khánh Linh	08/04/1991	*****5888	Giỏi	NT01.14.5399
129	01HCM.2.0133	Nhâm Mạnh Linh	28/02/1990	*****7813	Giỏi	NT01.14.5400
130	01HCM.2.0134	Trần Thị Ngọc Linh	20/09/1983	*****0192	Xuất sắc	NT01.14.5401
131	01HCM.2.0135	Lê Phương Linh	22/10/1990	*****5670	Xuất sắc	NT01.14.5402
132	01HCM.2.0136	Võ Phương Linh	11/11/1997	*****4069	Xuất sắc	NT01.14.5403
133	01HCM.2.0137	Nguyễn Thị Linh	05/06/1994	*****1252	Xuất sắc	NT01.14.5404
134	01HCM.2.0138	Đặng Thúy Linh	03/03/1985	*****0998	Xuất sắc	NT01.14.5405
135	01HCM.2.0139	Nguyễn Thị Thùy Linh	06/11/1995	*****6588	Giỏi	NT01.14.5406
136	01HCM.2.0140	Phan Đại Lộc	08/11/1989	*****1093	Xuất sắc	NT01.14.5407
137	01HCM.2.0141	Nguyễn Huy Lộc	27/08/1987	*****0711	Giỏi	NT01.14.5408
138	01HCM.2.0142	Trần Phước Lộc	18/12/1997	*****5271	Xuất sắc	NT01.14.5409
139	01HCM.2.0143	Trần Thị Hạ Long	01/06/1971	*****0259	Giỏi	NT01.14.5410
140	01HCM.2.0145	Đặng Trần Long	20/02/1977	*****5580	Xuất sắc	NT01.14.5411
141	01HCM.2.0146	Lương Minh Luân	18/10/1983	*****2643	Giỏi	NT01.14.5412

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
142	01HCM.2.0147	Ngô Quang Luân	14/04/1979	*****3895	Xuất sắc	NT01.14.5413
143	01HCM.2.0148	Nguyễn Minh Luận	28/02/1989	*****4760	Xuất sắc	NT01.14.5414
144	01HCM.2.0150	Đỗ Thị Lương	14/02/1986	*****3263	Xuất sắc	NT01.14.5415
145	01HCM.2.0151	Trần Thị Hải Lý	16/04/1995	*****6320	Xuất sắc	NT01.14.5416
146	01HCM.2.0152	Vũ Hà Phương Mai	03/12/1993	*****2392	Giỏi	NT01.14.5417
147	01HCM.2.0153	Phan Trần Trúc Mai	11/10/1984	*****9811	Xuất sắc	NT01.14.5418
148	01HCM.2.0154	Lê Bá Minh	01/01/1988	*****2525	Xuất sắc	NT01.14.5419
149	01HCM.2.0155	Vũ Nhật Minh	27/11/1986	*****8000	Xuất sắc	NT01.14.5420
150	01HCM.2.0156	Phạm Thị Hà My	12/05/2001	*****2996	Giỏi	NT01.14.5421
151	01HCM.2.0157	Trần Hoàng My	24/04/1983	*****4789	Khá	NT01.14.5422
152	01HCM.2.0158	Lê Văn Mỹ	06/04/1991	*****0222	Xuất sắc	NT01.14.5423
153	01HCM.2.0159	Bùi Thị Kim Na	07/07/1977	*****0844	Giỏi	NT01.14.5424
154	01HCM.2.0160	Lê Hoài Nam	16/07/1992	*****5583	Xuất sắc	NT01.14.5425
155	01HCM.2.0161	Nguyễn Huy Khánh Nam	28/09/1992	*****8458	Giỏi	NT01.14.5426
156	01HCM.2.0162	Nguyễn Quốc Nam	07/07/1987	*****5961	Khá	NT01.14.5427
157	01HCM.2.0163	Huỳnh Thị Bích Ngân	20/10/1971	*****3291	Xuất sắc	NT01.14.5428
158	01HCM.2.0165	Lưu Nguyễn Đức Nghi	06/08/1990	*****9231	Giỏi	NT01.14.5429
159	01HCM.2.0166	Bùi Chí Nghĩa	29/09/1999	*****0357	Khá	NT01.14.5430
160	01HCM.2.0167	Phạm Hoàng Nghĩa	30/03/1994	*****6025	Khá	NT01.14.5431
161	01HCM.2.0168	Đoàn Văn Nghĩa	01/11/1986	*****1119	Xuất sắc	NT01.14.5432
162	01HCM.2.0169	Lê Anh Ngọc	21/10/1985	*****2504	Xuất sắc	NT01.14.5433
163	01HCM.2.0170	Lê Vân Khánh Ngọc	27/04/1994	*****7018	Giỏi	NT01.14.5434
164	01HCM.2.0171	Phạm Thị Nguyên	21/07/1995	*****4333	Giỏi	NT01.14.5435

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
165	01HCM.2.0172	Phan Hoài Nhân	23/02/1987	*****2877	Xuất sắc	NT01.14.5436
166	01HCM.2.0173	Hồ Lê Hoài Nhân	12/02/1976	*****2805	Xuất sắc	NT01.14.5437
167	01HCM.2.0174	Trà Hồng Đoan Nhi	24/07/2003	*****3404	Xuất sắc	NT01.14.5438
168	01HCM.2.0175	Nguyễn Trần Vũ Nhi	16/02/1989	*****4868	Giỏi	NT01.14.5439
169	01HCM.2.0176	Lê Xuân Nhi	07/11/2000	*****4572	Xuất sắc	NT01.14.5440
170	01HCM.2.0177	Mai Thị Hồng Nhung	10/04/1987	*****9431	Giỏi	NT01.14.5441
171	01HCM.2.0178	Lê Thị Nhung	10/02/1984	*****6782	Xuất sắc	NT01.14.5442
172	01HCM.2.0179	Nguyễn Thị Trang Nhung	08/03/1984	*****8965	Giỏi	NT01.14.5443
173	01HCM.2.0181	Nguyễn Thị Hồng Phiến	07/05/1969	*****0157	Xuất sắc	NT01.14.5444
174	01HCM.2.0182	Mã Thanh Phong	09/04/1984	*****0834	Xuất sắc	NT01.14.5445
175	01HCM.2.0183	Nguyễn Thành Phong	22/01/1991	*****0093	Xuất sắc	NT01.14.5446
176	01HCM.2.0184	Phan Kim Phú	20/07/1991	*****4934	Giỏi	NT01.14.5447
177	01HCM.2.0185	Nguyễn Quốc Phú	12/12/1986	*****1761	Giỏi	NT01.14.5448
178	01HCM.2.0186	Trần Thanh Phú	25/03/1993	*****2521	Giỏi	NT01.14.5449
179	01HCM.2.0187	Phan Văn Phú	18/11/1994	*****8340	Khá	NT01.14.5450
180	01HCM.2.0188	Trần Đức Phúc	05/10/1985	*****0456	Giỏi	NT01.14.5451
181	01HCM.2.0189	Nguyễn Hồng Phúc	17/12/1993	*****5802	Xuất sắc	NT01.14.5452
182	01HCM.2.0190	Nguyễn Hữu Phúc	11/04/1991	*****0075	Giỏi	NT01.14.5453
183	01HCM.2.0191	Nguyễn Kiên Phúc	10/09/1981	*****7261	Khá	NT01.14.5454
184	01HCM.2.0192	Võ Văn Phúc	25/10/1991	*****4281	Giỏi	NT01.14.5455
185	01HCM.2.0193	Bùi Lan Phương	04/07/1998	*****5304	Khá	NT01.14.5456
186	01HCM.2.0194	Diệp Mỹ Phương	18/10/1985	*****0097	Giỏi	NT01.14.5457
187	01HCM.2.0195	Trần Thị Kim Phượng	21/01/1981	*****0189	Xuất sắc	NT01.14.5458

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
188	01HCM.2.0196	Huỳnh Văn Qual	10/04/1984	*****3985	Trung bình	NT01.14.5459
189	01HCM.2.0197	Võ Anh Quân	11/12/1983	*****9186	Xuất sắc	NT01.14.5460
190	01HCM.2.0199	Đỗ Hồng Quang	24/03/1987	*****4730	Xuất sắc	NT01.14.5461
191	01HCM.2.0200	Nguyễn Văn Quyển	01/10/1969	*****7786	Xuất sắc	NT01.14.5462
192	01HCM.2.0201	Nguyễn Hoàng Quyết	02/01/1983	*****3450	Xuất sắc	NT01.14.5463
193	01HCM.2.0202	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	13/12/2001	*****5782	Xuất sắc	NT01.14.5464
194	01HCM.2.0203	Nguyễn Trọng Quỳnh	26/04/1979	*****4740	Xuất sắc	NT01.14.5465
195	01HCM.2.0204	Nguyễn Thành Sang	21/11/1995	*****1404	Khá	NT01.14.5466
196	01HCM.2.0205	Phùng Văn Sanh	26/04/1991	*****0327	Xuất sắc	NT01.14.5467
197	01HCM.2.0206	Võ Tiến Sĩ	14/08/1975	*****0720	Khá	NT01.14.5468
198	01HCM.2.0207	Đặng Simol	31/12/1980	*****3643	Xuất sắc	NT01.14.5469
199	01HCM.2.0208	Phạm Văn Sinh	27/10/1980	*****9294	Xuất sắc	NT01.14.5470
200	01HCM.2.0209	Nguyễn Tài Sơn	22/08/1986	*****3324	Xuất sắc	NT01.14.5471
201	01HCM.2.0210	Nguyễn Thanh Sơn	06/10/1992	*****9704	Xuất sắc	NT01.14.5472
202	01HCM.2.0211	Đinh Văn Sơn	31/08/1971	*****0839	Giỏi	NT01.14.5473
203	01HCM.2.0212	Phạm Văn Sơn	25/09/1980	*****5319	Xuất sắc	NT01.14.5474
204	01HCM.2.0213	Nguyễn Xuân Sơn	19/09/1981	*****7333	Giỏi	NT01.14.5475
205	01HCM.2.0214	Trần Nghiêm Xuân Sơn	20/09/1993	*****2195	Xuất sắc	NT01.14.5476
206	01HCM.2.0215	Nguyễn Đình Sỹ	02/08/1977	*****1988	Xuất sắc	NT01.14.5477
207	01HCM.2.0216	Trần Trọng Ngọc Tài	15/09/1989	*****0134	Khá	NT01.14.5478
208	01HCM.2.0217	Nguyễn Văn Tài	06/05/1974	*****4226	Xuất sắc	NT01.14.5479
209	01HCM.2.0218	Trần Văn Tài	10/01/1982	*****0495	Giỏi	NT01.14.5480
210	01HCM.2.0219	Ngô Chí Tâm	20/10/1982	*****3353	Giỏi	NT01.14.5481
211	01HCM.2.0220	Nguyễn Thanh Tâm	28/09/1980	*****6348	Giỏi	NT01.14.5482

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
212	01HCM.2.0221	Nguyễn Thị Tâm	09/12/1971	*****0049	Giỏi	NT01.14.5483
213	01HCM.2.0222	Trần Văn Tân	06/04/1984	*****8384	Khá	NT01.14.5484
214	01HCM.2.0223	Trịnh Văn Tèo	01/06/1985	*****0056	Xuất sắc	NT01.14.5485
215	01HCM.2.0224	Nguyễn Ngọc Thạch	20/10/1981	*****9242	Giỏi	NT01.14.5486
216	01HCM.2.0225	Lê Xuân Thạch	29/08/1982	*****2769	Xuất sắc	NT01.14.5487
217	01HCM.2.0226	Nguyễn Đức Thái	15/05/1983	*****0396	Giỏi	NT01.14.5488
218	01HCM.2.0227	Nguyễn Võ Quốc Thái	16/11/1993	*****3757	Khá	NT01.14.5489
219	01HCM.2.0228	Trương Văn Thái	12/11/1995	*****2942	Xuất sắc	NT01.14.5490
220	01HCM.2.0229	Nguyễn Công Thắng	28/10/1967	*****0705	Giỏi	NT01.14.5491
221	01HCM.2.0230	Lương Hoàng Thắng	30/04/2000	*****4951	Khá	NT01.14.5492
222	01HCM.2.0231	Nguyễn Đức Thanh	06/06/1992	*****5204	Khá	NT01.14.5493
223	01HCM.2.0233	Nguyễn Huy Thanh	07/06/1966	*****0099	Xuất sắc	NT01.14.5494
224	01HCM.2.0234	Lê Tấn Thành	19/01/1981	*****1875	Xuất sắc	NT01.14.5495
225	01HCM.2.0235	Nguyễn Thị Thành	10/06/1984	*****2856	Xuất sắc	NT01.14.5496
226	01HCM.2.0236	Nguyễn Lê Văn Thành	20/03/1993	*****3948	Xuất sắc	NT01.14.5497
227	01HCM.2.0237	Dương Nữ Phương Thảo	17/03/1990	*****9983	Giỏi	NT01.14.5498
228	01HCM.2.0238	Nguyễn Thị Phương Thảo	15/07/1990	*****1096	Xuất sắc	NT01.14.5499
229	01HCM.2.0239	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/09/1994	*****0150	Giỏi	NT01.14.5500
230	01HCM.2.0240	Võ Thị Phương Thảo	25/02/1998	*****9366	Xuất sắc	NT01.14.5501
231	01HCM.2.0241	Phùng Võ Thị Thu Thảo	23/07/2001	*****7926	Trung bình	NT01.14.5502
232	01HCM.2.0242	Bùi Ngọc Mai Thi	30/05/1992	*****6060	Xuất sắc	NT01.14.5503
233	01HCM.2.0244	Lê Thị Nhật Thiện	22/09/1984	*****5946	Xuất sắc	NT01.14.5504

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
234	01HCM.2.0245	Nguyễn Trần Thịnh	16/07/1991	*****7771	Xuất sắc	NT01.14.5505
235	01HCM.2.0247	Hồ Như Thiện Thọ	22/04/1983	*****1572	Xuất sắc	NT01.14.5506
236	01HCM.2.0248	Lê Thị Mỹ Thu	09/08/2001	*****4046	Xuất sắc	NT01.14.5507
237	01HCM.2.0249	Trần Thị Anh Thư	15/11/1987	*****5474	Xuất sắc	NT01.14.5508
238	01HCM.2.0250	Lường Song Thương	23/02/2003	*****2784	Xuất sắc	NT01.14.5509
239	01HCM.2.0251	Hà Thị Thúy	10/04/1987	*****2212	Xuất sắc	NT01.14.5510
240	01HCM.2.0252	Lê Thị Thủy	15/12/1977	*****7206	Xuất sắc	NT01.14.5511
241	01HCM.2.0253	Mai Thị Thủy	10/10/1985	*****2217	Xuất sắc	NT01.14.5512
242	01HCM.2.0254	Tô Thị Thủy	19/01/1980	*****2385	Khá	NT01.14.5513
243	01HCM.2.0255	Nguyễn Thị Hồng Tiền	25/07/1984	*****4326	Khá	NT01.14.5514
244	01HCM.2.0256	Nguyễn Thị Tiếp	07/12/1985	*****7708	Xuất sắc	NT01.14.5515
245	01HCM.2.0257	Nguyễn Hồ Trung Tín	14/08/1995	*****1377	Xuất sắc	NT01.14.5516
246	01HCM.2.0258	Trần Công Tinh	29/04/1984	*****0969	Xuất sắc	NT01.14.5517
247	01HCM.2.0259	Khổng Duy Toàn	22/03/1982	*****1685	Xuất sắc	NT01.14.5518
248	01HCM.2.0260	Bùi Tiến Toàn	10/03/1970	*****0186	Xuất sắc	NT01.14.5519
249	01HCM.2.0261	Lê Văn Trai	05/02/1983	*****0829	Xuất sắc	NT01.14.5520
250	01HCM.2.0262	Hồ Nguyễn Phương Trâm	10/02/1984	*****1082	Giỏi	NT01.14.5521
251	01HCM.2.0264	Mai Thanh Trâm	21/11/1982	*****4655	Xuất sắc	NT01.14.5522
252	01HCM.2.0265	Đái Thị Huyền Trang	15/06/1975	*****4252	Xuất sắc	NT01.14.5523
253	01HCM.2.0266	Nguyễn Thị Minh Trang	11/11/1998	*****4249	Xuất sắc	NT01.14.5524
254	01HCM.2.0267	Nguyễn Thị Ngọc Trang	05/09/1973	*****1050	Xuất sắc	NT01.14.5525
255	01HCM.2.0268	Nguyễn Nữ Thùy Trang	01/07/1989	*****0127	Xuất sắc	NT01.14.5526
256	01HCM.2.0269	Đặng Hữu Trí	25/05/1991	*****1264	Xuất sắc	NT01.14.5527

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
257	01HCM.2.0270	Phùng Nguyên Trọng	30/04/1995	*****4246	Xuất sắc	NT01.14.5528
258	01HCM.2.0271	Đậu Đình Trung	28/10/1990	*****6125	Xuất sắc	NT01.14.5529
259	01HCM.2.0272	Vương Đình Trung	10/10/1983	*****2072	Khá	NT01.14.5530
260	01HCM.2.0273	Tô Hoài Trung	20/09/1989	*****1131	Giỏi	NT01.14.5531
261	01HCM.2.0275	Đặng Quang Trung	20/10/1978	*****6131	Giỏi	NT01.14.5532
262	01HCM.2.0276	Trần Quốc Trung	02/07/1985	*****6912	Xuất sắc	NT01.14.5533
263	01HCM.2.0277	Ngô Thị Ngọc Trung	22/01/1995	*****1943	Xuất sắc	NT01.14.5534
264	01HCM.2.0278	Huỳnh Huy Trường	06/02/1990	*****4703	Xuất sắc	NT01.14.5535
265	01HCM.2.0279	Nguyễn Đình Trường	27/06/1971	*****1693	Xuất sắc	NT01.14.5536
266	01HCM.2.0280	Nguyễn Quang Trường	10/11/1985	*****0911	Giỏi	NT01.14.5537
267	01HCM.2.0281	Đặng Ngọc Tú	12/08/1980	*****2334	Xuất sắc	NT01.14.5538
268	01HCM.2.0283	Đặng Minh Tuấn	21/03/1986	*****1276	Khá	NT01.14.5539
269	01HCM.2.0284	Trương Minh Tuấn	28/08/1991	*****1503	Khá	NT01.14.5540
270	01HCM.2.0285	Hoàng Văn Tuấn	01/01/2001	*****3668	Xuất sắc	NT01.14.5541
271	01HCM.2.0286	Nguyễn Quang Tuệ	24/03/1982	*****3462	Giỏi	NT01.14.5542
272	01HCM.2.0287	Lê Đức Tùng	16/07/1990	*****0499	Xuất sắc	NT01.14.5543
273	01HCM.2.0288	Vũ Hoàng Tùng	17/05/1991	*****1457	Trung bình	NT01.14.5544
274	01HCM.2.0289	Nguyễn Khánh Tùng	21/10/1979	*****7769	Giỏi	NT01.14.5545
275	01HCM.2.0290	Lê Ái Tường	02/10/1975	*****1168	Xuất sắc	NT01.14.5546
276	01HCM.2.0291	Nguyễn Thị Thu Tuyết	15/12/1999	*****1521	Xuất sắc	NT01.14.5547
277	01HCM.2.0292	Nguyễn Thị Nhật Uyên	12/11/1999	*****3009	Xuất sắc	NT01.14.5548
278	01HCM.2.0293	Nguyễn Thị Vân	19/10/1994	*****2484	Xuất sắc	NT01.14.5549
279	01HCM.2.0294	Phạm Văn Vân	31/01/1977	*****7792	Xuất sắc	NT01.14.5550
280	01HCM.2.0296	Nguyễn Thanh Việt	06/09/1982	*****5713	Giỏi	NT01.14.5551

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
281	01HCM.2.0297	Dương Đức Vinh	12/07/1987	*****2135	Xuất sắc	NT01.14.5552
282	01HCM.2.0298	Nguyễn Đăng Thanh Vinh	10/10/1992	*****0290	Xuất sắc	NT01.14.5553
283	01HCM.2.0299	Lê Văn Vinh	24/04/1979	*****1748	Khá	NT01.14.5554
284	01HCM.2.0300	Phan Thanh Vũ	10/10/1978	*****0027	Xuất sắc	NT01.14.5555
285	01HCM.2.0301	Hồ Phạm Triều Vy	31/08/1999	*****0854	Khá	NT01.14.5556
286	01HCM.2.0302	Ngô Thị Xanh	17/08/2000	*****2260	Xuất sắc	NT01.14.5557
287	01HCM.2.0303	Trần Thị Hoàng Xuân	16/07/1997	*****1451	Xuất sắc	NT01.14.5558

PHỤ LỤC III
DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU TẠI ĐÀ NẴNG
KỲ THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN VỀ ĐẦU THẦU (LỰA CHỌN NHÀ THẦU) SỐ 01
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2052/QĐ-QLĐT ngày 23..tháng..9..năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
1	01DN.1.0001	Nguyễn Bảo Ái	30/04/1981	*****1507	Xuất sắc	NT01.14.5559
2	01DN.1.0002	Nguyễn Hữu An	20/03/1993	*****3137	Xuất sắc	NT01.14.5560
3	01DN.1.0004	Trần Đức Anh	05/07/1992	*****0048	Xuất sắc	NT01.14.5561
4	01DN.1.0005	Huỳnh Kim Anh	24/10/1978	*****5049	Xuất sắc	NT01.14.5562
5	01DN.1.0006	Mai Thi Kim Anh	12/10/1987	*****2683	Xuất sắc	NT01.14.5563
6	01DN.1.0007	Hồ Phan Linh Anh	22/06/1987	*****5822	Xuất sắc	NT01.14.5564
7	01DN.1.0008	Nguyễn Phương Anh	22/12/1980	*****2700	Khá	NT01.14.5565
8	01DN.1.0009	Nguyễn Trần Quế Anh	01/07/1999	*****0670	Giỏi	NT01.14.5566
9	01DN.1.0010	Nguyễn Trọng Anh	15/03/1988	*****1608	Xuất sắc	NT01.14.5567
10	01DN.1.0011	Trần Tuấn Anh	09/05/1990	*****2330	Xuất sắc	NT01.14.5568
11	01DN.1.0012	Hoàng Việt Anh	04/09/1996	*****4491	Giỏi	NT01.14.5569
12	01DN.1.0013	Nguyễn Cửu Ngọc Bảo	14/12/1988	*****0527	Xuất sắc	NT01.14.5570
13	01DN.1.0014	Nguyễn Ngọc Bình	05/12/1975	*****6328	Xuất sắc	NT01.14.5571
14	01DN.1.0015	Trần Văn Bình	17/11/1974	*****9546	Xuất sắc	NT01.14.5572
15	01DN.1.0016	Võ Sĩ Hồng Bun	10/06/1984	*****3431	Xuất sắc	NT01.14.5573
16	01DN.1.0017	Vũ Trung Bửu	10/03/1976	*****5376	Xuất sắc	NT01.14.5574
17	01DN.1.0018	Lê Văn Cấp	02/02/1979	*****1752	Xuất sắc	NT01.14.5575
18	01DN.1.0019	Lê Gia Chấn	03/11/1975	*****2752	Xuất sắc	NT01.14.5576
19	01DN.1.0020	Trương Dũng Chi	16/02/1984	*****9766	Xuất sắc	NT01.14.5577

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
20	01DN.1.0021	Trần Văn Chiến	28/11/1983	*****3872	Xuất sắc	NT01.14.5578
21	01DN.1.0022	Nguyễn Thanh Chinh	07/04/1998	*****9214	Khá	NT01.14.5579
22	01DN.1.0023	Nguyễn Văn Chinh	29/10/1982	*****0220	Xuất sắc	NT01.14.5580
23	01DN.1.0024	Phan Công Chính	12/12/1976	*****2233	Xuất sắc	NT01.14.5581
24	01DN.1.0025	Trần Đoàn Chuẩn	13/06/1985	*****0098	Xuất sắc	NT01.14.5582
25	01DN.1.0026	Nguyễn Hoàng Chương	04/10/1978	*****5885	Giỏi	NT01.14.5583
26	01DN.1.0027	Bùi Công Cường	15/07/1973	*****5838	Xuất sắc	NT01.14.5584
27	01DN.1.0028	Nguyễn Đức Cường	14/05/1978	*****8587	Trung bình	NT01.14.5585
28	01DN.1.0029	Trần Thanh Cường	04/02/1989	*****9156	Khá	NT01.14.5586
29	01DN.1.0030	Trần Cường	10/11/1984	*****1138	Xuất sắc	NT01.14.5587
30	01DN.1.0031	Phạm Văn Cường	08/04/1981	*****7019	Xuất sắc	NT01.14.5588
31	01DN.1.0032	Hồ Hữu Dân	11/05/1987	*****5281	Xuất sắc	NT01.14.5589
32	01DN.1.0033	Trinh Thành Dân	26/04/1977	*****0287	Xuất sắc	NT01.14.5590
33	01DN.1.0034	Nguyễn Văn Đăng	15/10/1988	*****2668	Giỏi	NT01.14.5591
34	01DN.1.0035	Trương Công Đạo	18/07/1995	*****6681	Xuất sắc	NT01.14.5592
35	01DN.1.0036	Phạm Minh Đạt	09/09/1975	*****0710	Xuất sắc	NT01.14.5593
36	01DN.1.0037	Nguyễn Công Định	01/01/1980	*****5305	Xuất sắc	NT01.14.5594
37	01DN.1.0038	Trần Quốc Định	12/03/1966	*****0838	Xuất sắc	NT01.14.5595
38	01DN.1.0039	Đào Quang Đông	25/09/1981	*****0579	Giỏi	NT01.14.5596
39	01DN.1.0040	Phạm Thị Mỹ Dung	10/11/1979	*****4199	Giỏi	NT01.14.5597
40	01DN.1.0041	Hoàng Việt Dung	04/05/1982	*****7335	Xuất sắc	NT01.14.5598
41	01DN.1.0042	Lê Đức Dũng	23/01/1997	*****7801	Giỏi	NT01.14.5599
42	01DN.1.0043	Đỗ Trung Dũng	26/08/1988	*****9252	Xuất sắc	NT01.14.5600
43	01DN.1.0044	Vũ Hồng Dương	29/05/1980	*****0588	Khá	NT01.14.5601

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
44	01DN.1.0045	Nguyễn Tiến Giang	15/07/1983	*****0708	Xuất sắc	NT01.14.5602
45	01DN.1.0046	Nguyễn Văn Giàu	02/03/1995	*****5240	Xuất sắc	NT01.14.5603
46	01DN.1.0047	Lê Công Hà	16/09/1993	*****7889	Xuất sắc	NT01.14.5604
47	01DN.1.0048	Ngô Phúc Khánh Hà	28/11/1985	*****7607	Xuất sắc	NT01.14.5605
48	01DN.1.0049	Nguyễn Thị Đan Hạ	14/08/1992	*****1131	Xuất sắc	NT01.14.5606
49	01DN.1.0050	Nguyễn Thanh Hải	25/02/1981	*****0656	Xuất sắc	NT01.14.5607
50	01DN.1.0051	Phan Vũ Hải	05/07/1986	*****4243	Giỏi	NT01.14.5608
51	01DN.1.0052	Huỳnh Kim Hán	08/03/1975	*****2841	Xuất sắc	NT01.14.5609
52	01DN.1.0053	Lâm Thị Thu Hằng	06/10/1991	*****6360	Xuất sắc	NT01.14.5610
53	01DN.1.0054	Nguyễn Thị Minh Hạnh	28/06/1994	*****4227	Xuất sắc	NT01.14.5611
54	01DN.1.0055	Hà Thị Hạnh	05/05/1992	*****0889	Xuất sắc	NT01.14.5612
55	01DN.1.0056	Đông Xuân Hạnh	20/02/1990	*****0928	Khá	NT01.14.5613
56	01DN.1.0057	Ngô Khánh Hào	02/11/1985	*****1211	Xuất sắc	NT01.14.5614
57	01DN.1.0058	Lê Thị Minh Hào	13/11/1979	*****0507	Xuất sắc	NT01.14.5615
58	01DN.1.0059	Nguyễn Ngọc Hào	30/04/1980	*****0828	Xuất sắc	NT01.14.5616
59	01DN.1.0060	Nguyễn Công Hậu	28/01/1994	*****3367	Xuất sắc	NT01.14.5617
60	01DN.1.0061	Hồ Thanh Hậu	16/08/1976	*****0861	Xuất sắc	NT01.14.5618
61	01DN.1.0062	Nguyễn Công Hiền	01/01/1985	*****6499	Xuất sắc	NT01.14.5619
62	01DN.1.0063	Nguyễn Minh Hiền	22/12/1992	*****4914	Giỏi	NT01.14.5620
63	01DN.1.0064	Vương Quốc Hiền	10/05/1982	*****0514	Xuất sắc	NT01.14.5621
64	01DN.1.0065	Trần Thị Thanh Hiền	15/04/1987	*****2173	Xuất sắc	NT01.14.5622
65	01DN.1.0066	Nguyễn Văn Hiệp	10/02/1995	*****8218	Xuất sắc	NT01.14.5623
66	01DN.1.0067	Trương Thị Hồng Hoa	20/03/1984	*****4334	Xuất sắc	NT01.14.5624
67	01DN.1.0068	Vũ Thị Hoa	10/08/1984	*****5517	Xuất sắc	NT01.14.5625

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
68	01DN.1.0069	Phạm Công Hoàn	15/10/1996	*****1020	Xuất sắc	NT01.14.5626
69	01DN.1.0070	Trần Hữu Nhật Hoàng	05/05/1997	*****2498	Xuất sắc	NT01.14.5627
70	01DN.1.0071	Võ Hoàng	18/01/1995	*****3030	Khá	NT01.14.5628
71	01DN.1.0072	Nguyễn Xuân Hoàng	02/01/1984	*****0475	Xuất sắc	NT01.14.5629
72	01DN.1.0073	Nguyễn Huy Hợi	25/08/1983	*****5673	Xuất sắc	NT01.14.5630
73	01DN.1.0074	Nguyễn Thị Hồng	02/10/1979	*****9354	Xuất sắc	NT01.14.5631
74	01DN.1.0075	Hoàng Thị Thu Hồng	04/05/1981	*****4162	Xuất sắc	NT01.14.5632
75	01DN.1.0076	Phạm Quang Huân	27/01/1990	*****0745	Giỏi	NT01.14.5633
76	01DN.1.0077	Nguyễn Thị Minh Huệ	30/11/1977	*****5694	Xuất sắc	NT01.14.5634
77	01DN.1.0078	Trần Công Hùng	03/01/1978	*****1902	Giỏi	NT01.14.5635
78	01DN.1.0079	Nguyễn Tiến Hùng	21/03/1982	*****1019	Giỏi	NT01.14.5636
79	01DN.1.0080	Trần Hùng	22/04/1979	*****4706	Xuất sắc	NT01.14.5637
80	01DN.1.0081	Nguyễn Văn Hùng	15/01/1983	*****3108	Xuất sắc	NT01.14.5638
81	01DN.1.0082	Nguyễn Phùng Hưng	04/05/1990	*****7171	Giỏi	NT01.14.5639
82	01DN.1.0083	Nguyễn Quốc Hưng	09/01/1971	*****4744	Xuất sắc	NT01.14.5640
83	01DN.1.0084	Nguyễn Văn Hưng	01/10/1980	*****1158	Xuất sắc	NT01.14.5641
84	01DN.1.0085	Nguyễn Văn Hưng	20/08/1980	*****8221	Xuất sắc	NT01.14.5642
85	01DN.1.0086	Nguyễn Trần Việt Hưng	05/06/1994	*****6847	Xuất sắc	NT01.14.5643
86	01DN.1.0087	Đào Xuân Hưng	08/06/1980	*****0829	Xuất sắc	NT01.14.5644
87	01DN.1.0088	Nguyễn Ánh Huy	14/07/1995	*****8985	Xuất sắc	NT01.14.5645
88	01DN.1.0089	Nguyễn Quốc Huy	28/01/2000	*****4597	Xuất sắc	NT01.14.5646
89	01DN.1.0090	Huỳnh Tuấn Huy	09/07/1984	*****7448	Xuất sắc	NT01.14.5647
90	01DN.1.0091	Lê Viết Huy	12/07/1982	*****6420	Xuất sắc	NT01.14.5648
91	01DN.1.0092	Trần Phương Huyền	28/09/1995	*****1032	Xuất sắc	NT01.14.5649

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
92	01DN.1.0093	Dương Thị Thanh Huyền	03/09/1987	*****2667	Xuất sắc	NT01.14.5650
93	01DN.1.0094	Trần Thị Thương Huyền	07/12/1989	*****9155	Giỏi	NT01.14.5651
94	01DN.1.0095	Phạm Doãn Huỳnh	20/11/1978	*****5008	Giỏi	NT01.14.5652
95	01DN.1.0096	Nguyễn Đức Khánh	08/05/1973	*****0632	Xuất sắc	NT01.14.5653
96	01DN.1.0097	Trần Minh Khoa	13/10/1988	*****4381	Giỏi	NT01.14.5654
97	01DN.1.0098	Nguyễn Duy Toàn Khoa	10/01/1974	*****8535	Xuất sắc	NT01.14.5655
98	01DN.1.0099	Đinh Văn Khoa	12/08/1994	*****6591	Xuất sắc	NT01.14.5656
99	01DN.1.0100	Huỳnh Trọng Khương	25/05/1981	*****1488	Xuất sắc	NT01.14.5657
100	01DN.1.0101	Trần Thị Minh Khuyên	26/07/1987	*****5735	Xuất sắc	NT01.14.5658
101	01DN.1.0102	Luyện Ngọc Cao Kỳ	15/10/2001	*****5910	Trung bình	NT01.14.5659
102	01DN.1.0103	Nguyễn Danh Lam	30/09/1988	*****4565	Khá	NT01.14.5660
103	01DN.1.0104	Cao Tiến Lâm	16/04/1987	*****3152	Xuất sắc	NT01.14.5661
104	01DN.1.0105	Phạm Tiến Lâm	22/12/1984	*****2387	Xuất sắc	NT01.14.5662
105	01DN.1.0106	Phạm Mai Lan	20/12/1992	*****5512	Xuất sắc	NT01.14.5663
106	01DN.1.0107	Nguyễn Thị Lê	30/07/1984	*****9947	Giỏi	NT01.14.5664
107	01DN.1.0108	Trần Thị Mỹ Lê	12/08/1980	*****4564	Xuất sắc	NT01.14.5665
108	01DN.1.0109	Nguyễn Lê Nhật Lệ	15/03/1990	*****9083	Khá	NT01.14.5666
109	01DN.1.0110	Võ Đăng Linh	12/07/1988	*****1881	Xuất sắc	NT01.14.5667
110	01DN.1.0111	Nguyễn Thị Hoàng Linh	05/03/1988	*****7549	Xuất sắc	NT01.14.5668
111	01DN.1.0112	Nguyễn Tấn Linh	29/09/1994	*****5378	Xuất sắc	NT01.14.5669
112	01DN.1.0113	Trần Viết Lĩnh	13/10/1991	*****0426	Xuất sắc	NT01.14.5670
113	01DN.1.0114	Võ Lê Kim Loan	15/06/1985	*****1804	Xuất sắc	NT01.14.5671
114	01DN.1.0115	Nguyễn Văn Lộc	18/08/1988	*****0585	Giỏi	NT01.14.5672
115	01DN.1.0116	Ngô Thị Lợi	27/10/1997	*****5128	Xuất sắc	NT01.14.5673

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
116	01DN.1.0117	Nguyễn Phước Long	01/08/1988	*****9360	Xuất sắc	NT01.14.5674
117	01DN.1.0118	Nguyễn Quang Long	22/10/1995	*****5656	Xuất sắc	NT01.14.5675
118	01DN.1.0119	Nguyễn Dương Luân	16/01/1990	*****2048	Giỏi	NT01.14.5676
119	01DN.1.0120	Mai Văn Lực	15/07/1988	*****2549	Xuất sắc	NT01.14.5677
120	01DN.1.0121	Lương Lượm	12/09/1992	*****1017	Giỏi	NT01.14.5678
121	01DN.1.0122	Lê Thị Hoài Lương	22/03/1990	*****8382	Xuất sắc	NT01.14.5679
122	01DN.1.0123	Đặng Thảo Ly	08/11/1994	*****0815	Khá	NT01.14.5680
123	01DN.1.0124	Phan Phước Lý	29/01/1986	*****7647	Xuất sắc	NT01.14.5681
124	01DN.1.0125	Huỳnh Mai	02/10/1970	*****8348	Xuất sắc	NT01.14.5682
125	01DN.1.0126	Hà Đức Minh	01/11/1979	*****8052	Xuất sắc	NT01.14.5683
126	01DN.1.0127	Huỳnh Kim Minh	15/02/1979	*****2331	Xuất sắc	NT01.14.5684
127	01DN.1.0128	Phạm Ngọc Minh	12/04/1996	*****5771	Khá	NT01.14.5685
128	01DN.1.0129	Nguyễn Hồ Tấn Minh	06/05/2001	*****0461	Xuất sắc	NT01.14.5686
129	01DN.1.0130	Nguyễn Thành Minh	03/08/1985	*****8359	Xuất sắc	NT01.14.5687
130	01DN.1.0131	Phan Thành Minh	28/12/1986	*****8325	Xuất sắc	NT01.14.5688
131	01DN.1.0132	Bùi Xuân Minh	17/02/1979	*****6313	Xuất sắc	NT01.14.5689
132	01DN.1.0134	Hoàng Thảo My	21/10/1993	*****0307	Xuất sắc	NT01.14.5690
133	01DN.1.0135	Nguyễn Thị Việt Mỹ	25/09/1989	*****9558	Xuất sắc	NT01.14.5691
134	01DN.1.0136	Nguyễn Thị Hồng Mỹ	01/11/1976	*****5511	Xuất sắc	NT01.14.5692
135	01DN.1.0137	Lê Thị Như My	30/07/1989	*****7713	Xuất sắc	NT01.14.5693
136	01DN.1.0138	Nguyễn Khoa Na	12/10/1980	*****4525	Giỏi	NT01.14.5694
137	01DN.1.0139	Hoàng Danh Nam	01/12/1981	*****8245	Giỏi	NT01.14.5695
138	01DN.1.0140	Lê Hữu Nam	28/12/1980	*****6795	Khá	NT01.14.5696
139	01DN.1.0141	Văn Ngọc Nam	28/07/1970	*****2804	Xuất sắc	NT01.14.5697

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
140	01DN.1.0142	Nguyễn Trung Nam	14/06/1983	*****0923	Xuất sắc	NT01.14.5698
141	01DN.1.0143	Đoàn Thị Thanh Nga	08/03/1979	*****1409	Xuất sắc	NT01.14.5699
142	01DN.1.0144	Nguyễn Thị Thanh Nga	12/09/1989	*****7668	Khá	NT01.14.5700
143	01DN.1.0145	Trần Thành Nga	05/03/1993	*****1748	Giỏi	NT01.14.5701
144	01DN.1.0146	Trần Thị Nga	27/11/1988	*****2366	Giỏi	NT01.14.5702
145	01DN.1.0147	Võ Thị Kim Ngân	24/12/1986	*****0609	Khá	NT01.14.5703
146	01DN.1.0148	Lê Thanh Nghị	11/01/1984	*****2121	Xuất sắc	NT01.14.5704
147	01DN.1.0149	Trần Quốc Nghĩa	20/11/1979	*****0129	Xuất sắc	NT01.14.5705
148	01DN.1.0150	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/09/1993	*****6136	Giỏi	NT01.14.5706
149	01DN.1.0151	Trần Thị Bích Ngọc	03/05/1990	*****6113	Khá	NT01.14.5707
150	01DN.1.0153	Nguyễn Thị Ngọc	07/08/1992	*****1646	Giỏi	NT01.14.5708
151	01DN.1.0154	Lê Thị Thu Nguyệt	04/08/1992	*****0266	Xuất sắc	NT01.14.5709
152	01DN.1.0155	Đặng Thị Nhàn	13/05/1980	*****8584	Xuất sắc	NT01.14.5710
153	01DN.1.0156	Huỳnh Thế Nhân	13/03/1977	*****3664	Giỏi	NT01.14.5711
154	01DN.1.0157	Lương Quốc Nhật	18/07/2001	*****7411	Xuất sắc	NT01.14.5712
155	01DN.1.0158	Chế Viết Nhật	30/12/1998	*****3916	Xuất sắc	NT01.14.5713
156	01DN.1.0159	Lê Thị Yến Nhi	08/06/1991	*****9636	Xuất sắc	NT01.14.5714
157	01DN.1.0160	Phạm Ngọc Hà Ny	26/01/1986	*****8272	Giỏi	NT01.14.5715
158	01DN.1.0161	Trần Thị Hoàng Oanh	19/03/1993	*****2779	Xuất sắc	NT01.14.5716
159	01DN.1.0162	Phan Thị Ngọc Oanh	05/09/1973	*****6362	Xuất sắc	NT01.14.5717
160	01DN.1.0163	Võ Thị Oanh	03/03/1995	*****5474	Xuất sắc	NT01.14.5718
161	01DN.1.0164	Mạc Thị Phận	10/05/1993	*****7080	Xuất sắc	NT01.14.5719
162	01DN.1.0165	Nguyễn Quốc Pháp	25/07/1986	*****8355	Xuất sắc	NT01.14.5720
163	01DN.1.0166	Lê Vũ Phong	12/12/1986	*****1719	Khá	NT01.14.5721

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
164	01DN.1.0167	Nguyễn Văn Phú	02/04/1990	*****8672	Xuất sắc	NT01.14.5722
165	01DN.1.0168	Đỗ Xuân Phú	15/07/1994	*****4723	Xuất sắc	NT01.14.5723
166	01DN.1.0169	Trần Thị Hồng Phúc	14/06/1994	*****6702	Xuất sắc	NT01.14.5724
167	01DN.1.0170	Trần Hữu Phước	10/06/1979	*****6545	Xuất sắc	NT01.14.5725
168	01DN.1.0171	Lưu Văn Phước	10/01/1980	*****4423	Xuất sắc	NT01.14.5726
169	01DN.1.0172	Phan Văn Phước	04/10/1991	*****0679	Xuất sắc	NT01.14.5727
170	01DN.1.0173	Dương Thị Hà Phương	26/01/1998	*****3927	Khá	NT01.14.5728
171	01DN.1.0174	Hồ Thị Ngọc Phụng	24/12/2000	*****6121	Xuất sắc	NT01.14.5729
172	01DN.1.0175	Bùi Văn Phụng	03/09/1997	*****5422	Xuất sắc	NT01.14.5730
173	01DN.1.0176	Nguyễn Huy Anh Quân	30/10/1995	*****4523	Khá	NT01.14.5731
174	01DN.1.0177	Hoàng Thị Quang	30/11/1987	*****5054	Xuất sắc	NT01.14.5732
175	01DN.1.0178	Nguyễn Trường Quang	05/02/1991	*****6341	Xuất sắc	NT01.14.5733
176	01DN.1.0179	Hồ Bùi Văn Quang	29/12/1999	*****3309	Xuất sắc	NT01.14.5734
177	01DN.1.0180	Đỗ Vinh Quang	03/09/1987	*****8198	Xuất sắc	NT01.14.5735
178	01DN.1.0181	Từ Văn Quốc	17/10/1994	*****7845	Xuất sắc	NT01.14.5736
179	01DN.1.0182	Lê Thái Ngọc Quyên	21/10/1997	*****2959	Xuất sắc	NT01.14.5737
180	01DN.1.0183	Võ Tử Quyên	20/07/1984	*****0680	Xuất sắc	NT01.14.5738
181	01DN.1.0184	Nguyễn Đăng Quyết	04/11/1993	*****6951	Xuất sắc	NT01.14.5739
182	01DN.1.0185	Trương Đình Ngọc Sang	04/07/1993	*****8695	Giỏi	NT01.14.5740
183	01DN.1.0186	Phạm Công Sơn	15/01/1989	*****3319	Xuất sắc	NT01.14.5741
184	01DN.1.0187	Hoàng Quang Sơn	22/03/1986	*****4205	Xuất sắc	NT01.14.5742
185	01DN.1.0188	Trương Thái Sơn	06/07/1984	*****7595	Xuất sắc	NT01.14.5743
186	01DN.1.0189	Nguyễn Thanh Sơn	03/04/1982	*****9425	Giỏi	NT01.14.5744
187	01DN.1.0190	Mai Văn Tam	10/07/1993	*****3435	Khá	NT01.14.5745

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
188	01DN.1.0191	Nguyễn Bá Tám	25/07/1972	*****1899	Xuất sắc	NT01.14.5746
189	01DN.1.0192	Nguyễn Công Tâm	06/03/1985	*****4733	Xuất sắc	NT01.14.5747
190	01DN.1.0193	Lê Vũ Tâm	17/07/1975	*****3042	Xuất sắc	NT01.14.5748
191	01DN.1.0194	Phan Khắc Thạch	20/03/1997	*****4415	Xuất sắc	NT01.14.5749
192	01DN.1.0195	Phạm Đình Thắng	18/09/1983	*****9626	Giỏi	NT01.14.5750
193	01DN.1.0196	Nguyễn Quang Thắng	27/08/1991	*****0632	Xuất sắc	NT01.14.5751
194	01DN.1.0197	Đỗ Quốc Thắng	05/03/1984	*****7451	Giỏi	NT01.14.5752
195	01DN.1.0198	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/1986	*****9222	Xuất sắc	NT01.14.5753
196	01DN.1.0199	Nguyễn Thị Hòa Thanh	17/09/1997	*****7872	Xuất sắc	NT01.14.5754
197	01DN.1.0200	Trương Trần Huyền Thanh	27/05/1987	*****0643	Xuất sắc	NT01.14.5755
198	01DN.1.0201	Trần Văn Thành	24/07/1991	*****5902	Xuất sắc	NT01.14.5756
199	01DN.1.0202	Đặng Vĩnh Thành	18/08/1990	*****4673	Giỏi	NT01.14.5757
200	01DN.1.0203	Lê Thảo	19/12/1979	*****6404	Xuất sắc	NT01.14.5758
201	01DN.1.0204	Huỳnh Thị Phương Thảo	25/09/1976	*****2292	Giỏi	NT01.14.5759
202	01DN.1.0205	Hoàng Thị Mai Thi	10/01/1995	*****2887	Xuất sắc	NT01.14.5760
203	01DN.1.0206	Lê Thị Quỳnh Thi	26/02/1983	*****7536	Xuất sắc	NT01.14.5761
204	01DN.1.0207	Đặng Trung Thi	16/12/1974	*****6623	Xuất sắc	NT01.14.5762
205	01DN.1.0208	Trần Đình Thích	01/06/1973	*****0229	Xuất sắc	NT01.14.5763
206	01DN.1.0209	Ngô Quốc Thịnh	05/05/1973	*****1085	Xuất sắc	NT01.14.5764
207	01DN.1.0210	Phan Tuấn Thịnh	12/08/1980	*****7149	Xuất sắc	NT01.14.5765
208	01DN.1.0211	Lê Văn Thịnh	17/12/1995	*****7937	Xuất sắc	NT01.14.5766
209	01DN.1.0212	Nguyễn Văn Thọ	20/02/1994	*****3448	Xuất sắc	NT01.14.5767
210	01DN.1.0213	Phùng Thị Kim Thoa	16/01/1988	*****0666	Xuất sắc	NT01.14.5768

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
211	01DN.1.0214	Nguyễn Thị Thơm	25/03/1983	*****9562	Giỏi	NT01.14.5769
212	01DN.1.0215	Bùi Quang Thông	04/02/1982	*****4738	Khá	NT01.14.5770
213	01DN.1.0216	Đoàn Thị Kiều Thu	26/08/1976	*****7266	Xuất sắc	NT01.14.5771
214	01DN.1.0217	Trần Thị Anh Thư	30/08/1987	*****3605	Giỏi	NT01.14.5772
215	01DN.1.0218	La Hoài Thương	10/05/1991	*****0349	Xuất sắc	NT01.14.5773
216	01DN.1.0219	Phạm Thị Thương	10/01/1980	*****1095	Xuất sắc	NT01.14.5774
217	01DN.1.0220	Nguyễn Mạnh Thường	24/11/1979	*****8641	Xuất sắc	NT01.14.5775
218	01DN.1.0221	Phan Thanh Thủy	23/05/1982	*****9590	Xuất sắc	NT01.14.5776
219	01DN.1.0222	Nguyễn Thị Thủy	10/05/1982	*****2023	Xuất sắc	NT01.14.5777
220	01DN.1.0223	Đỗ Thị Thu Thủy	12/08/1984	*****1364	Xuất sắc	NT01.14.5778
221	01DN.1.0224	Thái Vũ Tiến	18/11/1976	*****3574	Xuất sắc	NT01.14.5779
222	01DN.1.0225	Trần Lê Xuân Tình	04/03/1990	*****4215	Xuất sắc	NT01.14.5780
223	01DN.1.0226	Trần Thị Tĩnh	15/05/1988	*****5191	Khá	NT01.14.5781
224	01DN.1.0227	Nguyễn Đức Toàn	09/05/1978	*****8063	Xuất sắc	NT01.14.5782
225	01DN.1.0228	Huỳnh Thanh Toàn	01/08/1987	*****3458	Giỏi	NT01.14.5783
226	01DN.1.0229	Trần Thị Bảo Trâm	29/05/1997	*****5357	Xuất sắc	NT01.14.5784
227	01DN.1.0230	Hoàng Thị Đình Trang	11/01/1982	*****8106	Xuất sắc	NT01.14.5785
228	01DN.1.0231	Phí Hồng Trang	28/12/1981	*****4912	Xuất sắc	NT01.14.5786
229	01DN.1.0232	Ngô Nguyễn Thùy Trang	26/06/2000	*****0518	Xuất sắc	NT01.14.5787
230	01DN.1.0233	Lê Minh Trí	03/03/1996	*****0548	Xuất sắc	NT01.14.5788
231	01DN.1.0234	Ngô Quốc Khánh Trình	06/03/1990	*****7147	Xuất sắc	NT01.14.5789
232	01DN.1.0235	Nguyễn Hoàng Trung	26/12/1993	*****4154	Xuất sắc	NT01.14.5790
233	01DN.1.0236	Nguyễn Ngô Quang Trung	10/06/1984	*****7520	Xuất sắc	NT01.14.5791

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
234	01DN.1.0237	Nguyễn Thành Trung	28/08/1992	*****2868	Xuất sắc	NT01.14.5792
235	01DN.1.0238	Lê Viết Trung	01/01/2000	*****4160	Giỏi	NT01.14.5793
236	01DN.1.0239	Phạm Duy Trường	03/10/1992	*****0727	Xuất sắc	NT01.14.5794
237	01DN.1.0240	Dương Anh Tuấn	19/03/1981	*****7479	Giỏi	NT01.14.5795
238	01DN.1.0242	Nguyễn Anh Tuấn	20/11/1972	*****5878	Xuất sắc	NT01.14.5796
239	01DN.1.0243	Ngô Minh Tuấn	20/04/1997	*****8879	Xuất sắc	NT01.14.5797
240	01DN.1.0244	Nguyễn Tuấn	08/09/1987	*****0001	Xuất sắc	NT01.14.5798
241	01DN.1.0245	Lê Quang Tuấn	25/03/1984	*****8748	Xuất sắc	NT01.14.5799
242	01DN.1.0246	Nguyễn Thị Thanh Tùng	02/05/1985	*****3799	Xuất sắc	NT01.14.5800
243	01DN.1.0247	Nguyễn Hữu Tuyển	25/08/1977	*****4181	Giỏi	NT01.14.5801
244	01DN.1.0248	Lê Thị Tuyết	01/12/1990	*****2087	Xuất sắc	NT01.14.5802
245	01DN.1.0249	Nguyễn Thị Tố Uyên	26/12/1992	*****8941	Giỏi	NT01.14.5803
246	01DN.1.0250	Trần Tú Uyên	20/10/2002	*****7148	Xuất sắc	NT01.14.5804
247	01DN.1.0251	Trần Phước Khánh Vân	05/09/1981	*****1182	Xuất sắc	NT01.14.5805
248	01DN.1.0252	Cao Thanh Văn	15/06/1982	*****9197	Trung bình	NT01.14.5806
249	01DN.1.0253	Đỗ Đoàn Viên	14/06/1976	*****9102	Xuất sắc	NT01.14.5807
250	01DN.1.0254	Lê Anh Việt	25/10/1987	*****5069	Xuất sắc	NT01.14.5808
251	01DN.1.0255	Trần Quốc Việt	10/06/1982	*****3741	Xuất sắc	NT01.14.5809
252	01DN.1.0256	Vũ Thiện Việt	05/06/1986	*****0395	Xuất sắc	NT01.14.5810
253	01DN.1.0257	Đặng Thế Vinh	25/10/1991	*****7184	Giỏi	NT01.14.5811
254	01DN.1.0258	Trương Xuân Vinh	17/09/1989	*****6212	Xuất sắc	NT01.14.5812
255	01DN.1.0259	Võ Đức Vinh	20/08/1990	*****3623	Xuất sắc	NT01.14.5813
256	01DN.1.0260	Nguyễn Xuân Vĩnh	10/02/1990	*****8239	Xuất sắc	NT01.14.5814
257	01DN.1.0261	Nguyễn Ngọc Vôn	02/02/1990	*****5665	Xuất sắc	NT01.14.5815

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
258	01DN.1.0262	Võ Quang Lê Hoàng Vũ	05/03/1990	*****0342	Xuất sắc	NT01.14.5816
259	01DN.1.0263	Ông Văn Huyền Vũ	17/11/1982	*****6461	Giỏi	NT01.14.5817
260	01DN.1.0264	Hồ Khoa Vũ	11/11/1990	*****0630	Xuất sắc	NT01.14.5818
261	01DN.1.0265	Nguyễn Nguyên Vũ	01/03/1990	*****1181	Xuất sắc	NT01.14.5819
262	01DN.1.0266	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	01/02/1996	*****3520	Xuất sắc	NT01.14.5820
263	01DN.1.0267	Huỳnh Văn Vũ	19/05/1995	*****8775	Xuất sắc	NT01.14.5821
264	01DN.1.0268	Ngô Thanh Vương	11/06/1985	*****9612	Xuất sắc	NT01.14.5822
265	01DN.1.0269	Lê Quang Vỹ	11/06/1992	*****2887	Giỏi	NT01.14.5823
266	01DN.1.0270	Đặng Văn Xuân	02/12/1980	*****6020	Xuất sắc	NT01.14.5824
267	01DN.1.0271	Lê Đức Ý	19/06/2001	*****6008	Khá	NT01.14.5825

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
1	01DN.2.0001	Lê Võ Sĩ An	02/10/1991	*****5841	Xuất sắc	NT01.14.5826
2	01DN.2.0002	Phạm Thành An	02/02/1990	*****1292	Xuất sắc	NT01.14.5827
3	01DN.2.0003	Đặng Quốc Anh	01/01/1981	*****1512	Xuất sắc	NT01.14.5828
4	01DN.2.0004	Hoàng Thảo Anh	16/04/1990	*****7386	Xuất sắc	NT01.14.5829
5	01DN.2.0005	Nguyễn Thị Anh	24/09/1995	*****2222	Xuất sắc	NT01.14.5830
6	01DN.2.0006	Đinh Tuấn Anh	31/08/1984	*****2423	Xuất sắc	NT01.14.5831
7	01DN.2.0007	Nguyễn Hữu Tuấn Anh	11/04/1988	*****3060	Xuất sắc	NT01.14.5832
8	01DN.2.0008	Bùi Thị Vân Anh	26/02/1985	*****0128	Giỏi	NT01.14.5833
9	01DN.2.0009	Phan Đình Âu	28/01/1981	*****9764	Khá	NT01.14.5834
10	01DN.2.0010	Võ Xuân Ba	12/04/1991	*****6242	Xuất sắc	NT01.14.5835
11	01DN.2.0011	Nguyễn Kim Bách	05/06/1989	*****1873	Xuất sắc	NT01.14.5836
12	01DN.2.0012	Nguyễn Đình Bằng	06/03/1982	*****9077	Xuất sắc	NT01.14.5837
13	01DN.2.0013	Nguyễn Thanh Bình	10/04/1982	*****4177	Xuất sắc	NT01.14.5838
14	01DN.2.0014	Dương Thị Thanh Bình	25/02/1987	*****0324	Xuất sắc	NT01.14.5839
15	01DN.2.0015	Tô Văn Bình	20/12/1982	*****1148	Giỏi	NT01.14.5840
16	01DN.2.0016	Nguyễn Văn Chinh	29/12/1977	*****7233	Giỏi	NT01.14.5841
17	01DN.2.0017	Trần Văn Công	10/01/1980	*****1275	Giỏi	NT01.14.5842
18	01DN.2.0018	Phạm Cao Cường	02/04/1990	*****1333	Xuất sắc	NT01.14.5843
19	01DN.2.0019	Nguyễn Lê Cường	07/09/1982	*****0701	Xuất sắc	NT01.14.5844
20	01DN.2.0020	Đinh Việt Cường	16/09/1971	*****0285	Xuất sắc	NT01.14.5845
21	01DN.2.0021	Phan Việt Cường	26/06/1988	*****3089	Xuất sắc	NT01.14.5846
22	01DN.2.0022	Thân Văn Đại	17/03/1987	*****1751	Giỏi	NT01.14.5847
23	01DN.2.0023	Nguyễn Hữu Danh	30/07/1992	*****3895	Xuất sắc	NT01.14.5848

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
24	01DN.2.0024	Bùi Khắc Danh	22/05/1990	*****9212	Xuất sắc	NT01.14.5849
25	01DN.2.0025	Nguyễn Hữu Như Danh	10/07/1988	*****4737	Giỏi	NT01.14.5850
26	01DN.2.0026	Phan Huỳnh Đạt	20/08/1997	*****0967	Giỏi	NT01.14.5851
27	01DN.2.0027	Ngô Tiến Đạt	09/10/1993	*****9402	Xuất sắc	NT01.14.5852
28	01DN.2.0028	Trần Thị Hồng Diễm	06/05/1983	*****1839	Giỏi	NT01.14.5853
29	01DN.2.0029	Trần Xuân Điệp	20/12/1988	*****0333	Giỏi	NT01.14.5854
30	01DN.2.0030	Tổng Phước Đoan	26/03/1993	*****0721	Xuất sắc	NT01.14.5855
31	01DN.2.0031	Huỳnh Vũ Đông	05/09/1979	*****1907	Xuất sắc	NT01.14.5856
32	01DN.2.0032	Trần Anh Dũng	08/03/1981	*****4611	Xuất sắc	NT01.14.5857
33	01DN.2.0033	Nguyễn Đăng Dũng	10/10/1964	*****5063	Giỏi	NT01.14.5858
34	01DN.2.0034	Nguyễn Tiến Dũng	18/10/1989	*****2368	Xuất sắc	NT01.14.5859
35	01DN.2.0035	Lê Văn Dũng	01/05/1980	*****8737	Giỏi	NT01.14.5860
36	01DN.2.0036	Trương Thụy Dương	08/09/1990	*****0590	Xuất sắc	NT01.14.5861
37	01DN.2.0037	Hà Văn Dương	28/04/1991	*****0057	Xuất sắc	NT01.14.5862
38	01DN.2.0038	Lê Nguyễn Quang Duy	10/04/1985	*****4417	Xuất sắc	NT01.14.5863
39	01DN.2.0039	Nguyễn Tam Duy	18/01/1981	*****7936	Xuất sắc	NT01.14.5864
40	01DN.2.0040	Hoàng Thị Mỹ Duyên	02/09/1993	*****4815	Xuất sắc	NT01.14.5865
41	01DN.2.0041	Phan Thị Mỹ Duyên	26/04/1989	*****6893	Giỏi	NT01.14.5866
42	01DN.2.0042	Nguyễn Hoàng Giang	19/06/1992	*****0547	Giỏi	NT01.14.5867
43	01DN.2.0043	Lê Quỳnh Giao	05/07/1980	*****0944	Xuất sắc	NT01.14.5868
44	01DN.2.0044	Phạm Giỏi	01/01/1987	*****8724	Xuất sắc	NT01.14.5869
45	01DN.2.0045	Phạm Duy Hà	04/05/1987	*****7130	Khá	NT01.14.5870
46	01DN.2.0046	Đinh Nữ Hoàng Hà	30/12/1991	*****7699	Xuất sắc	NT01.14.5871
47	01DN.2.0047	Nguyễn Thị Ngân Hà	29/01/1999	*****2648	Xuất sắc	NT01.14.5872

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
48	01DN.2.0048	Trần Thái Hà	19/05/1993	*****3078	Xuất sắc	NT01.14.5873
49	01DN.2.0049	Hoàng Thị Thu Hà	30/08/1998	*****9652	Xuất sắc	NT01.14.5874
50	01DN.2.0050	Nguyễn Thị Thu Hà	18/09/1986	*****5162	Xuất sắc	NT01.14.5875
51	01DN.2.0051	Trần Đăng Hải	10/03/1983	*****8249	Giỏi	NT01.14.5876
52	01DN.2.0052	Phan Đình Hải	20/10/1978	*****0719	Xuất sắc	NT01.14.5877
53	01DN.2.0053	Trần Minh Hải	25/07/1985	*****0510	Giỏi	NT01.14.5878
54	01DN.2.0054	Lê Nam Hải	03/08/1984	*****0767	Xuất sắc	NT01.14.5879
55	01DN.2.0055	Thái Vĩnh Hải	26/01/1982	*****0830	Xuất sắc	NT01.14.5880
56	01DN.2.0056	Lê Thị Diệu Hằng	02/08/1993	*****0789	Xuất sắc	NT01.14.5881
57	01DN.2.0057	Nguyễn Thị Lệ Hằng	10/09/1984	*****0942	Xuất sắc	NT01.14.5882
58	01DN.2.0058	Phan Thị Thuý Hằng	04/09/1991	*****0908	Xuất sắc	NT01.14.5883
59	01DN.2.0059	Phan Thị Hồng Hạnh	01/04/1987	*****6789	Xuất sắc	NT01.14.5884
60	01DN.2.0060	Lê Thị Mỹ Hiền	26/10/1988	*****5390	Xuất sắc	NT01.14.5885
61	01DN.2.0061	Nguyễn Thị Hiền	23/07/1979	*****7070	Xuất sắc	NT01.14.5886
62	01DN.2.0062	Nguyễn Thị Hiền	24/12/1993	*****2316	Xuất sắc	NT01.14.5887
63	01DN.2.0063	Nguyễn Duy Hiếu	20/04/1981	*****7914	Xuất sắc	NT01.14.5888
64	01DN.2.0064	Nguyễn Trọng Hiếu	27/10/1983	*****1176	Xuất sắc	NT01.14.5889
65	01DN.2.0065	Cao Thị Hoa	27/07/1993	*****0999	Xuất sắc	NT01.14.5890
66	01DN.2.0066	Nguyễn Thị Tuyết Hoà	25/04/1979	*****1230	Xuất sắc	NT01.14.5891
67	01DN.2.0067	Nguyễn Văn Hóa	05/05/1975	*****0972	Xuất sắc	NT01.14.5892
68	01DN.2.0068	Nguyễn Đức Hòa	20/12/1976	*****7165	Xuất sắc	NT01.14.5893
69	01DN.2.0069	Lê Thị Ngọc Hòa	07/11/1992	*****6599	Xuất sắc	NT01.14.5894
70	01DN.2.0070	Nguyễn Văn Hòa	01/01/1994	*****2291	Xuất sắc	NT01.14.5895
71	01DN.2.0071	Lê Việt Hòa	05/10/1995	*****1798	Xuất sắc	NT01.14.5896

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
72	01DN.2.0072	Nguyễn Công Hoan	12/02/1990	*****8227	Xuất sắc	NT01.14.5897
73	01DN.2.0073	Nguyễn Đăng Bảo Hoàng	18/08/1984	*****2920	Xuất sắc	NT01.14.5898
74	01DN.2.0074	Nguyễn Vũ Hữu Hoàng	01/01/1993	*****6216	Xuất sắc	NT01.14.5899
75	01DN.2.0075	Lê Quang Hoàng	12/09/1986	*****8620	Xuất sắc	NT01.14.5900
76	01DN.2.0076	Nguyễn Ngọc Hội	18/12/1998	*****2567	Khá	NT01.14.5901
77	01DN.2.0078	Dương Kim Hùng	16/07/1988	*****7619	Giỏi	NT01.14.5902
78	01DN.2.0079	Dương Ngọc Hùng	17/04/1990	*****3769	Xuất sắc	NT01.14.5903
79	01DN.2.0080	Trần Ngọc Hùng	28/12/1999	*****2271	Giỏi	NT01.14.5904
80	01DN.2.0081	Trần Phương Hùng	01/01/1978	*****8272	Xuất sắc	NT01.14.5905
81	01DN.2.0082	Chung Sĩ Hùng	04/04/1984	*****5047	Xuất sắc	NT01.14.5906
82	01DN.2.0083	Nguyễn Tấn Hùng	15/10/1990	*****6889	Xuất sắc	NT01.14.5907
83	01DN.2.0084	Hồ Việt Hùng	08/02/1994	*****0026	Xuất sắc	NT01.14.5908
84	01DN.2.0085	Phan Viết Tấn Hưng	16/11/1994	*****0215	Xuất sắc	NT01.14.5909
85	01DN.2.0086	Đặng Nguyễn Thiên Hương	26/11/1981	*****1474	Xuất sắc	NT01.14.5910
86	01DN.2.0087	Lê Thị Minh Hường	06/07/1987	*****5013	Xuất sắc	NT01.14.5911
87	01DN.2.0088	Nguyễn Minh Huy	25/09/1992	*****4833	Xuất sắc	NT01.14.5912
88	01DN.2.0089	Trần Ngọc Huy	22/10/1984	*****0742	Xuất sắc	NT01.14.5913
89	01DN.2.0090	Trần Nhật Tân Huy	15/10/1985	*****1884	Xuất sắc	NT01.14.5914
90	01DN.2.0091	Dương Văn Huy	20/10/1990	*****3871	Xuất sắc	NT01.14.5915
91	01DN.2.0092	Nguyễn Xuân Huy	30/04/1993	*****0514	Xuất sắc	NT01.14.5916
92	01DN.2.0093	Nguyễn Thị Khánh Huyền	09/11/1997	*****8797	Xuất sắc	NT01.14.5917
93	01DN.2.0094	Nguyễn Duy Huỳnh	24/09/1991	*****5024	Xuất sắc	NT01.14.5918
94	01DN.2.0095	Ngô Lê Quốc Khải	23/06/1999	*****6446	Khá	NT01.14.5919

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
95	01DN.2.0096	Hoàng Quốc Khanh	08/08/1973	*****6620	Xuất sắc	NT01.14.5920
96	01DN.2.0097	Bùi Đức Khánh	10/04/1993	*****2384	Xuất sắc	NT01.14.5921
97	01DN.2.0098	Nguyễn Đình Duy Khánh	01/11/1984	*****5350	Xuất sắc	NT01.14.5922
98	01DN.2.0099	Đỗ Minh Khánh	08/01/1984	*****0641	Xuất sắc	NT01.14.5923
99	01DN.2.0100	Nguyễn Trọng Khánh	01/01/1989	*****3831	Xuất sắc	NT01.14.5924
100	01DN.2.0101	Nguyễn Văn Khánh	28/10/1984	*****8060	Xuất sắc	NT01.14.5925
101	01DN.2.0102	Trần Công Khoa	14/03/1980	*****4238	Xuất sắc	NT01.14.5926
102	01DN.2.0103	Trần Lê Thanh Khoa	13/03/1996	*****6227	Xuất sắc	NT01.14.5927
103	01DN.2.0104	Lê Khôi	20/06/1992	*****0037	Xuất sắc	NT01.14.5928
104	01DN.2.0105	Nguyễn Gia Kiên	10/10/1984	*****0761	Xuất sắc	NT01.14.5929
105	01DN.2.0106	Trương Văn Lại	20/02/1981	*****4492	Xuất sắc	NT01.14.5930
106	01DN.2.0107	Ngô Lâm	02/03/1984	*****1450	Xuất sắc	NT01.14.5931
107	01DN.2.0108	Hoàng Hữu Lân	29/04/1978	*****1459	Xuất sắc	NT01.14.5932
108	01DN.2.0109	Lê Thị Lệ Liễu	21/07/1994	*****0304	Xuất sắc	NT01.14.5933
109	01DN.2.0110	Nguyễn Thị Diệu Linh	18/06/1996	*****1316	Xuất sắc	NT01.14.5934
110	01DN.2.0111	Hà Thị Linh	11/01/1986	*****0765	Xuất sắc	NT01.14.5935
111	01DN.2.0112	Nguyễn Vân Linh	02/07/1973	*****2857	Xuất sắc	NT01.14.5936
112	01DN.2.0113	Võ Phi Líp	18/08/1983	*****4785	Khá	NT01.14.5937
113	01DN.2.0114	Lê Đức Long	21/04/1979	*****2252	Xuất sắc	NT01.14.5938
114	01DN.2.0115	Nguyễn Viết Long	05/07/1988	*****8057	Xuất sắc	NT01.14.5939
115	01DN.2.0116	Lâm Thị Cẩm Ly	09/12/1981	*****0530	Khá	NT01.14.5940
116	01DN.2.0117	Nguyễn Thị Thanh Ly	17/10/1985	*****2293	Giỏi	NT01.14.5941
117	01DN.2.0118	Phan Thị Sương Mai	19/05/1993	*****5367	Xuất sắc	NT01.14.5942
118	01DN.2.0119	Dương Phước Minh	26/05/1981	*****3575	Xuất sắc	NT01.14.5943

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
119	01DN.2.0120	Trần Thị Thanh Mơ	16/09/1992	*****5277	Xuất sắc	NT01.14.5944
120	01DN.2.0121	Nguyễn Đức Nam	09/04/1986	*****4511	Xuất sắc	NT01.14.5945
121	01DN.2.0122	Phạm Võ Hoài Nam	09/06/2000	*****2739	Xuất sắc	NT01.14.5946
122	01DN.2.0123	Trương Hoài Nam	16/04/1987	*****6626	Giỏi	NT01.14.5947
123	01DN.2.0124	Nguyễn Thanh Nam	01/12/1971	*****2141	Khá	NT01.14.5948
124	01DN.2.0125	Trần Thanh Nam	04/07/1988	*****5141	Xuất sắc	NT01.14.5949
125	01DN.2.0126	Lê Thị Thúy Nga	29/02/1988	*****6395	Xuất sắc	NT01.14.5950
126	01DN.2.0127	Lê Thị Tố Nga	08/09/1987	*****1380	Xuất sắc	NT01.14.5951
127	01DN.2.0128	Bùi Đăng Chí Nghĩa	26/04/1993	*****2823	Xuất sắc	NT01.14.5952
128	01DN.2.0129	Phạm Công Nghĩa	24/01/1982	*****9700	Xuất sắc	NT01.14.5953
129	01DN.2.0130	Nguyễn Thị Nghĩa	26/03/1982	*****3142	Xuất sắc	NT01.14.5954
130	01DN.2.0132	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	08/06/1976	*****1357	Xuất sắc	NT01.14.5955
131	01DN.2.0133	Đặng Quang Ngọc	01/01/1976	*****2975	Xuất sắc	NT01.14.5956
132	01DN.2.0134	Đặng Quang Ngọc	20/03/1998	*****7832	Xuất sắc	NT01.14.5957
133	01DN.2.0135	Võ Trần Chí Nguyên	17/12/1996	*****6618	Xuất sắc	NT01.14.5958
134	01DN.2.0136	Nguyễn Ngọc Nguyên	24/03/1995	*****4651	Xuất sắc	NT01.14.5959
135	01DN.2.0137	Lê Trần Thảo Nguyên	20/12/1999	*****6354	Xuất sắc	NT01.14.5960
136	01DN.2.0138	Huỳnh Tâm Như Nguyên	10/05/1975	*****7914	Xuất sắc	NT01.14.5961
137	01DN.2.0139	Trương Thị Thu Nguyệt	13/02/1976	*****7007	Giỏi	NT01.14.5962
138	01DN.2.0140	Phan Thanh Nhân	05/09/1986	*****8526	Giỏi	NT01.14.5963
139	01DN.2.0141	Bùi Hữu Chí Nhân	12/03/1998	*****0374	Xuất sắc	NT01.14.5964
140	01DN.2.0142	Phạm Hồng Nhân	09/09/1978	*****5897	Xuất sắc	NT01.14.5965
141	01DN.2.0143	Trương Tuyên Nhật	29/06/1981	*****4253	Xuất sắc	NT01.14.5966
142	01DN.2.0144	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	02/10/1981	*****1320	Xuất sắc	NT01.14.5967

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
143	01DN.2.0145	Đinh Hải Yến Nhi	06/05/1996	*****8510	Xuất sắc	NT01.14.5968
144	01DN.2.0146	Lê Minh Phát	08/08/1991	*****9275	Xuất sắc	NT01.14.5969
145	01DN.2.0147	Trần Vũ Phong	20/08/1985	*****6159	Giỏi	NT01.14.5970
146	01DN.2.0148	Trương Minh Phòng	14/10/1982	*****4277	Xuất sắc	NT01.14.5971
147	01DN.2.0149	Bùi Thiên Phú	26/02/1995	*****1551	Xuất sắc	NT01.14.5972
148	01DN.2.0150	Lê Văn Phú	23/10/1987	*****3253	Xuất sắc	NT01.14.5973
149	01DN.2.0151	Nguyễn Thị Hồng Phước	13/05/1988	*****7966	Khá	NT01.14.5974
150	01DN.2.0152	Hồ Hữu Phước	20/12/1983	*****5633	Xuất sắc	NT01.14.5975
151	01DN.2.0153	Lê Thị Phước	01/01/1986	*****3749	Xuất sắc	NT01.14.5976
152	01DN.2.0154	Đỗ Thị Linh Phương	08/09/1999	*****4792	Xuất sắc	NT01.14.5977
153	01DN.2.0155	Lê Mai Phương	14/11/1989	*****7499	Xuất sắc	NT01.14.5978
154	01DN.2.0156	Trần Đình Phương	12/10/1969	*****0494	Giỏi	NT01.14.5979
155	01DN.2.0157	Nguyễn Đức Quang	01/10/1982	*****0102	Xuất sắc	NT01.14.5980
156	01DN.2.0158	Nguyễn Viết Quang	14/11/1975	*****5596	Xuất sắc	NT01.14.5981
157	01DN.2.0159	Nguyễn Ngọc Quý	29/03/1991	*****0353	Xuất sắc	NT01.14.5982
158	01DN.2.0160	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/08/1981	*****0470	Xuất sắc	NT01.14.5983
159	01DN.2.0161	Trịnh Thị Như Quỳnh	03/03/1991	*****4074	Xuất sắc	NT01.14.5984
160	01DN.2.0162	Hồ Xuân Sa	22/03/1995	*****6680	Giỏi	NT01.14.5985
161	01DN.2.0163	Phan Sang	27/10/1989	*****5957	Giỏi	NT01.14.5986
162	01DN.2.0164	Phạm Văn Sang	05/04/1988	*****7784	Giỏi	NT01.14.5987
163	01DN.2.0165	Nguyễn Quang Sanh	16/11/1987	*****0404	Xuất sắc	NT01.14.5988
164	01DN.2.0166	Ngô Duy Sơn	03/02/1980	*****2756	Xuất sắc	NT01.14.5989
165	01DN.2.0167	Trần Hoàng Sơn	19/03/1987	*****3110	Xuất sắc	NT01.14.5990
166	01DN.2.0168	Đặng Thái Sơn	04/04/2000	*****4104	Giỏi	NT01.14.5991

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
167	01DN.2.0169	Trịnh Hưng Thái Sơn	15/12/1986	*****5454	Giỏi	NT01.14.5992
168	01DN.2.0170	Bùi Thanh Sơn	26/10/1991	*****2534	Xuất sắc	NT01.14.5993
169	01DN.2.0171	Lê Văn Sơn	05/05/1984	*****7020	Xuất sắc	NT01.14.5994
170	01DN.2.0172	Tổng Viết Sơn	10/05/1979	*****3943	Xuất sắc	NT01.14.5995
171	01DN.2.0173	Nguyễn Hữu Sửu	06/06/1986	*****7518	Xuất sắc	NT01.14.5996
172	01DN.2.0174	Đinh Quang Sỹ	20/07/1982	*****8906	Xuất sắc	NT01.14.5997
173	01DN.2.0175	Nguyễn Văn Sỹ	15/08/1995	*****4155	Xuất sắc	NT01.14.5998
174	01DN.2.0176	Trần Văn Tâm	16/02/1990	*****3859	Khá	NT01.14.5999
175	01DN.2.0177	Phan Bá Tạo	28/04/1994	*****4047	Xuất sắc	NT01.14.6000
176	01DN.2.0178	Phan Bá Tất	05/10/1973	*****6134	Xuất sắc	NT01.14.6001
177	01DN.2.0179	Lê Xuân Thạch	01/08/1987	*****2281	Xuất sắc	NT01.14.6002
178	01DN.2.0180	Đinh Hồng Thái	29/09/1992	*****7092	Xuất sắc	NT01.14.6003
179	01DN.2.0181	Nguyễn Công Thắng	06/02/1990	*****0570	Khá	NT01.14.6004
180	01DN.2.0182	Trần Quang Thắng	13/06/1977	*****1232	Xuất sắc	NT01.14.6005
181	01DN.2.0183	Nguyễn Văn Thắng	07/07/1991	*****6809	Xuất sắc	NT01.14.6006
182	01DN.2.0184	Phan Hoài Thanh	01/08/1984	*****2707	Xuất sắc	NT01.14.6007
183	01DN.2.0185	Phan Thị Hoài Thanh	03/06/1977	*****7481	Giỏi	NT01.14.6008
184	01DN.2.0186	Phạm Triệu Thanh	22/03/1989	*****7993	Giỏi	NT01.14.6009
185	01DN.2.0187	Huỳnh Văn Thanh	23/06/1981	*****0700	Giỏi	NT01.14.6010
186	01DN.2.0188	Nguyễn Ái Thành	02/12/1976	*****0626	Xuất sắc	NT01.14.6011
187	01DN.2.0189	Hoàng Chí Thành	21/09/1978	*****3194	Giỏi	NT01.14.6012
188	01DN.2.0190	Trần Đức Thành	26/03/1979	*****0394	Giỏi	NT01.14.6013
189	01DN.2.0191	Lê Nhật Thành	27/09/1991	*****3334	Xuất sắc	NT01.14.6014
190	01DN.2.0192	Lê Quang Thành	20/08/1985	*****1820	Xuất sắc	NT01.14.6015

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
191	01DN.2.0193	Nguyễn Quang Thành	28/06/1983	*****4826	Xuất sắc	NT01.14.6016
192	01DN.2.0194	Hồ Văn Thành	15/04/1992	*****7495	Xuất sắc	NT01.14.6017
193	01DN.2.0195	Ngô Xuân Thao	04/06/1982	*****6020	Xuất sắc	NT01.14.6018
194	01DN.2.0196	Trần Thị Hoài Thảo	20/04/1991	*****0094	Xuất sắc	NT01.14.6019
195	01DN.2.0197	Đinh Thị Hương Thảo	15/07/1983	*****2016	Xuất sắc	NT01.14.6020
196	01DN.2.0198	Trần Ngọc Thảo	30/05/1997	*****2108	Xuất sắc	NT01.14.6021
197	01DN.2.0199	Đỗ Văn Thạo	01/04/1984	*****1425	Xuất sắc	NT01.14.6022
198	01DN.2.0200	Nguyễn Thị Thu Thê	17/02/1998	*****9464	Xuất sắc	NT01.14.6023
199	01DN.2.0201	Trần Đình Thịnh	20/03/1984	*****0480	Xuất sắc	NT01.14.6024
200	01DN.2.0202	Nguyễn Đức Thịnh	11/09/1991	*****0804	Xuất sắc	NT01.14.6025
201	01DN.2.0203	Lê Thị Lệ Thu	20/11/1990	*****3241	Xuất sắc	NT01.14.6026
202	01DN.2.0204	Đỗ Huỳnh Anh Thư	11/02/1986	*****2260	Xuất sắc	NT01.14.6027
203	01DN.2.0205	Trần Kim Thư	07/11/1998	*****5946	Xuất sắc	NT01.14.6028
204	01DN.2.0206	Trương Bá Thuận	20/05/1986	*****1069	Xuất sắc	NT01.14.6029
205	01DN.2.0207	Nguyễn Đức Thuận	02/03/1989	*****9050	Xuất sắc	NT01.14.6030
206	01DN.2.0208	Lê Thị Mỹ Thuận	16/07/1996	*****8826	Giỏi	NT01.14.6031
207	01DN.2.0209	Doãn Thị Lệ Thuật	10/12/1979	*****1895	Xuất sắc	NT01.14.6032
208	01DN.2.0210	Đào Văn Thực	20/08/1991	*****0730	Xuất sắc	NT01.14.6033
209	01DN.2.0211	Trần Hoài Thương	01/06/1988	*****5662	Xuất sắc	NT01.14.6034
210	01DN.2.0212	Mai Nguyễn Thanh Thủy	22/11/1986	*****0757	Xuất sắc	NT01.14.6035
211	01DN.2.0213	Nguyễn Thị Thủy	02/04/1973	*****0691	Khá	NT01.14.6036
212	01DN.2.0214	Huỳnh Thị Thu Thủy	25/04/1977	*****0595	Xuất sắc	NT01.14.6037
213	01DN.2.0215	Nguyễn Minh Thuyên	29/06/1987	*****9077	Xuất sắc	NT01.14.6038
214	01DN.2.0216	Nguyễn Hữu Tinh	12/04/1995	*****5839	Giỏi	NT01.14.6039

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
215	01DN.2.0217	Nguyễn Thị Tình	10/11/1993	*****1531	Xuất sắc	NT01.14.6040
216	01DN.2.0218	Huỳnh Toàn	15/01/1978	*****8818	Xuất sắc	NT01.14.6041
217	01DN.2.0219	Lê Văn Toàn	10/02/1986	*****8268	Khá	NT01.14.6042
218	01DN.2.0220	Trần Thị Minh Trâm	23/02/2000	*****6035	Giỏi	NT01.14.6043
219	01DN.2.0221	Trần Thị Thanh Trâm	23/04/1979	*****6022	Xuất sắc	NT01.14.6044
220	01DN.2.0222	Đoàn Thu Trang	19/12/1985	*****5957	Xuất sắc	NT01.14.6045
221	01DN.2.0224	Trần Văn Diễn Tràng	13/03/1992	*****0103	Xuất sắc	NT01.14.6046
222	01DN.2.0225	Nguyễn Bảo Tri	28/11/1980	*****0457	Xuất sắc	NT01.14.6047
223	01DN.2.0226	Đinh Văn Trí	10/03/1995	*****0445	Xuất sắc	NT01.14.6048
224	01DN.2.0227	Nguyễn Thị Ngọc Triều	13/05/2002	*****8159	Xuất sắc	NT01.14.6049
225	01DN.2.0228	Nguyễn Hạnh Trinh	26/06/1992	*****7606	Xuất sắc	NT01.14.6050
226	01DN.2.0229	Đàm Đức Trọng	05/11/1994	*****7693	Xuất sắc	NT01.14.6051
227	01DN.2.0230	Trần Xuân Trọng	15/03/1982	*****9092	Xuất sắc	NT01.14.6052
228	01DN.2.0231	Lê Ngô Thanh Trúc	02/05/1996	*****0069	Xuất sắc	NT01.14.6053
229	01DN.2.0232	Đào Chí Trung	03/06/1993	*****7018	Khá	NT01.14.6054
230	01DN.2.0233	Đặng Phạm Minh Trung	01/05/1993	*****6665	Giỏi	NT01.14.6055
231	01DN.2.0234	Hoàng Minh Trung	30/01/1981	*****5147	Xuất sắc	NT01.14.6056
232	01DN.2.0235	Tạ Minh Trung	28/03/1972	*****0546	Giỏi	NT01.14.6057
233	01DN.2.0236	Cái Văn Trung	12/11/1988	*****5441	Khá	NT01.14.6058
234	01DN.2.0237	Phạm Ngọc Trường	12/06/1985	*****7769	Xuất sắc	NT01.14.6059
235	01DN.2.0238	Nguyễn Thanh Trường	25/11/1988	*****8288	Giỏi	NT01.14.6060
236	01DN.2.0239	Lê Văn Trường	20/04/1990	*****1787	Giỏi	NT01.14.6061
237	01DN.2.0240	Nguyễn Trường Anh Tú	08/02/1990	*****1649	Giỏi	NT01.14.6062
238	01DN.2.0241	Huỳnh Thị Diễm Tú	05/10/1978	*****4428	Xuất sắc	NT01.14.6063

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
239	01DN.2.0242	Lê Lương Mỹ Tú	10/10/1984	*****8220	Xuất sắc	NT01.14.6064
240	01DN.2.0243	Lê Anh Tuấn	03/11/1988	*****5328	Xuất sắc	NT01.14.6065
241	01DN.2.0244	Nguyễn Văn Anh Tuấn	02/08/1997	*****4335	Xuất sắc	NT01.14.6066
242	01DN.2.0245	Nguyễn Hoàng Tuấn	17/12/1997	*****6575	Giỏi	NT01.14.6067
243	01DN.2.0246	Phan Mạnh Tuấn	20/11/1999	*****5864	Xuất sắc	NT01.14.6068
244	01DN.2.0247	Đinh Minh Tuấn	16/08/1987	*****1402	Xuất sắc	NT01.14.6069
245	01DN.2.0248	Trương Minh Tuấn	20/05/1989	*****0882	Xuất sắc	NT01.14.6070
246	01DN.2.0249	Phan Huy Tùng	27/03/1998	*****8346	Xuất sắc	NT01.14.6071
247	01DN.2.0250	Nguyễn Lê Thị Hoàng Uyên	28/02/1979	*****6786	Giỏi	NT01.14.6072
248	01DN.2.0251	Võ Kim Uyên	15/10/1989	*****1060	Giỏi	NT01.14.6073
249	01DN.2.0252	Nguyễn Hồng Vân	27/10/1987	*****5122	Xuất sắc	NT01.14.6074
250	01DN.2.0253	Bùi Thị Vân	29/08/1997	*****8367	Xuất sắc	NT01.14.6075
251	01DN.2.0254	Võ Văn Văn	07/03/1995	*****0745	Xuất sắc	NT01.14.6076
252	01DN.2.0255	Phạm Ngọc Viên	12/10/1983	*****8035	Xuất sắc	NT01.14.6077
253	01DN.2.0256	Lê Quốc Việt	01/01/1991	*****0682	Khá	NT01.14.6078
254	01DN.2.0257	Mai Quốc Việt	27/06/1994	*****2777	Giỏi	NT01.14.6079
255	01DN.2.0258	Nguyễn Quốc Việt	22/08/1993	*****0202	Xuất sắc	NT01.14.6080
256	01DN.2.0260	Nguyễn Ngọc Vinh	29/01/1998	*****9860	Xuất sắc	NT01.14.6081
257	01DN.2.0262	Nguyễn Quang Vinh	10/05/1992	*****5512	Xuất sắc	NT01.14.6082
258	01DN.2.0263	Trần Văn Vinh	01/01/1990	*****1342	Xuất sắc	NT01.14.6083
259	01DN.2.0264	Nguyễn Vũ	24/09/1969	*****3974	Giỏi	NT01.14.6084
260	01DN.2.0265	Trần Phong Vũ	21/10/1991	*****2958	Xuất sắc	NT01.14.6085
261	01DN.2.0266	Nguyễn Tuấn Vũ	26/05/1998	*****2412	Xuất sắc	NT01.14.6086

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Số thẻ căn cước/Hộ chiếu	Xếp loại	Số chứng chỉ
262	01DN.2.0267	Nguyễn Văn Vũ	13/07/1984	*****4468	Xuất sắc	NT01.14.6087
263	01DN.2.0268	Bùi Quang Vui	12/03/1979	*****9272	Xuất sắc	NT01.14.6088
264	01DN.2.0269	Nguyễn Trần Ngọc Vương	08/02/1973	*****0383	Xuất sắc	NT01.14.6089
265	01DN.2.0270	Nguyễn Hạ Vy	05/09/1996	*****0494	Khá	NT01.14.6090
266	01DN.2.0271	Trần Văn Xuân	28/08/1987	*****9658	Xuất sắc	NT01.14.6091
267	01DN.2.0272	Võ Thị Hoàng Yến	07/10/1979	*****1909	Xuất sắc	NT01.14.6092
268	01DN.2.0273	Phạm Thị Yến	31/12/1981	*****0745	Xuất sắc	NT01.14.6093